



**THÁCH THỨC
SONG HÀNH CƠ HỘI**



**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG
2023**

2023

NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN *GRI 2* VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Sustainable Fashion



THÔNG điệp CỦA TGD
THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023
TẦM NHÌN - SỨ MẠNG
GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY
CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK
CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO
GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2018 - 2023
VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT
BAN ĐIỀU HÀNH
BAN KIỂM SOÁT
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY
NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY
NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN
THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN
GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN
ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2023-2026
HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA

NỘI DUNG

2023

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO
TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** *GRI 2-12*

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP
CÁCH THỨC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO
DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU *GRI 3*

CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU
DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ *GRI 200*

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 2023
SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢM KHÍ THẢI NHÀ KÍNH *GRI 300*

VẬT LIỆU
NĂNG LƯỢNG
NGUỒN NƯỚC
PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH
PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM - TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG

**PHÁT TRIỂN XÃ HỘI
VÀ NGUỒN NHÂN LỰC** *GRI 400*

VIỆC LÀM
AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG
VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG
QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
DỰ ÁN XANH TẠI SỢI THẾ KỸ
BẢNG TUÂN THỦ GRI



CÁC THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG STK ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2023



CSI 100: Đạt top 100 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam năm 2023 - xếp hạng thứ 19 trong danh sách xét chọn, 8 năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của Việt Nam giai đoạn 2016-2023.



Báo cáo thường niên đạt top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm phi tài chính.

Đạt giải khuyến khích báo cáo PTBV.

Top 10 nhóm mid cap Giải quản trị công ty tốt nhất 2023.



Đạt giải Hội đồng quản trị của năm 2023 theo bình chọn của Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty lần thứ 6 (AF6) do Hội đồng quản trị Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức.



Doanh thu 2023 **1.425** tỷ đồng

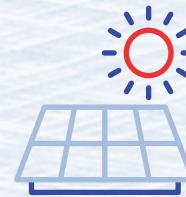
Lợi nhuận sau thuế 2023 **87,7** tỷ đồng



Số lượng nhân viên **797** người

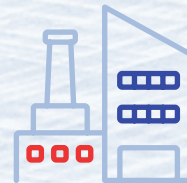


Số lượng chai nhựa được gián tiếp tái chế **0,51** tỷ chai nhựa trong năm 2023, tương đương 51,1 triệu chiếc áo.



Sử dụng năng lượng mặt trời giúp giảm phát thải

Tương đương lượng CO₂ giảm thiểu 13.626 tấn.
Tương đương 1.362.600 cây xanh được trồng.



Mở rộng quy mô sản xuất

Xây dựng nhà máy tự động hoá Unitex với Công suất (giai đoạn 1-36.000 tấn/năm; giai đoạn 2-24.000 tấn/năm)

THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 2-22) (MD)

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Mặc dù đã chấm dứt đại dịch và nền kinh tế thế giới đang dần phục hồi và có những dự báo tích cực trong năm 2024. Tuy nhiên các cuộc chiến và xung đột địa chính trị tại khu vực Châu Âu và Trung Đông vẫn còn kéo dài có thể gây tác động đẩy nền kinh tế thế giới vào vòng xoáy suy thoái mới với rủi ro tăng trưởng kinh tế chậm lại và gia tăng tình trạng lạm phát so với hiện tại.

Năm 2023 cũng ghi nhận là năm có nhiệt độ cao kỷ lục với những đợt nắng nóng liên tiếp xảy ra ở Châu Âu, Châu Phi, trong khi các đợt mưa bão hoành hành ở Châu Á. Những sự kiện thời tiết cực đoan này là minh chứng cho việc biến đổi khí hậu toàn cầu đang ngày càng trở nên nghiêm trọng và nhiệm vụ cắt giảm khí nhà kính đang trở nên cấp bách với các quốc gia trong đó có Việt Nam. Các cam kết và hành động chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường của các chính phủ, tổ chức quốc tế và các công ty cũng trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ đã có những chiến lược và cam kết cụ thể trong việc cắt giảm khí nhà kính, nhà máy Trảng Bàng của Công ty đã kí cam kết SBTi với một nhãn hàng thương hiệu cam kết cắt giảm 29,4% khí thải nhà kính trong giai đoạn 2023-2027, bên cạnh đó Công ty cũng đang kiện toàn hoạt động, kiểm soát rủi ro, củng cố nguồn lực nội bộ và khai thác lợi thế sẵn có để duy trì hoạt động, đồng thời duy trì mục tiêu phát triển bền vững chung của thế giới.

Kiên định thực hiện và giữ vững chiến lược phát triển bền vững của STK từ những ngày đầu tiên, cụ thể tập trung vào việc phát triển và cung cấp các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi trường ra thị trường đã giúp Công ty vẫn có thể giữ những đơn hàng giá trị gia tăng cao của những khách hàng cao cấp nhờ vào sự tin tưởng lâu dài của khách hàng vào kỹ thuật của Công ty trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và dịch vụ khách hàng xuất sắc (thời gian giao hàng ngắn, dịch vụ trước và sau khi mua hàng). STK vẫn đang cho thấy sự thích ứng linh hoạt, sức chống chịu tốt, ghi nhận các điểm sáng như việc thu hút các đơn hàng sợi tái chế có giá trị gia tăng cao với khách hàng Nhật Bản, tiếp tục mở rộng thêm được tệp khách hàng khi có thêm 50 khách hàng mới trong năm 2023.

Trong dài hạn, Công ty vẫn tiếp tục duy trì định hướng phát triển bền vững phù hợp với xu hướng chung của ngành dệt may thế giới khi ngày càng nhiều các nhãn hàng thời trang thế giới đang có những cam kết mạnh mẽ hơn trong việc biến đổi chống biến đổi khí hậu, giảm thải khí thải nhà kính, bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu net-zero đến 2050 của Liên Hợp Quốc và cân bằng trách nhiệm xã hội. Với sự giám sát ngày càng chặt chẽ của các cơ quan quản lý đối với các tuyên bố về tính bền vững và nhận thức của người tiêu dùng về đóng góp của ngành thời trang trong việc phát triển bền vững ngày càng cao. Các thương hiệu ngày nay, hầu hết đều có các cam kết và đã thực hiện chiến dịch truyền thông mạnh mẽ hơn về trách nhiệm của họ hướng đến môi trường, nhân quyền, xã hội. Bởi vậy, những doanh nghiệp Việt Nam, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ESG, sẽ có cơ hội lớn để trở thành đối tác cung ứng chiến lược cho các thương hiệu này, qua đó vươn tầm phát triển và hội nhập tốt ngay khi điều kiện thị trường chín muồi. STK được các thương hiệu đánh giá cao về các tiêu chí ESG (chúng chỉ GRS, điểm số cao trong đánh giá ESG bởi các nhà đánh giá độc lập, sản xuất hiệu quả đi đôi tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu, hệ thống năng lượng áp mái và được cộng đồng doanh nghiệp địa phương đánh giá cao). Với lợi thế đó, cùng với khả năng cung ứng các sản phẩm có chất lượng cao (bao gồm sợi tái chế, sợi màu, sợi mang tính năng đặc biệt), STK sẽ chủ động nắm bắt các cơ hội đang phát triển này để thúc đẩy doanh số bán hàng và tối ưu hóa lợi nhuận của mình.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội trong thời gian tới.



Tổng giám đốc - **ĐẶNG TRIỆU HOÀ**

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

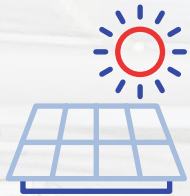
GRI 2

THÔNG TIN TỔ CHỨC	9
TẦM NHÌN – SỨ MẠNG CỦA CÔNG TY	10
GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY	10
CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK	10
QUY MÔ HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ HIỆN DIỆN TOÀN CẦU (GRI 2-6)	11
TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023	12
MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN HƯỚNG TỚI PTBV CỦA STK	15
QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY	16
CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	17
THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO (GRI 3-2)	20
GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH	21
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC (GRI 2-9)	22
CƠ CHẾ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ PTBV	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (GRI 2-9,2-10,2-11,2-17)	26
BAN ĐIỀU HÀNH (GRI 2-9, 2-10,2-11,2-17)	28
BAN KIỂM SOÁT (GRI 2-9,2-10,2-11,2-17)	29
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (GRI 2-15)	30

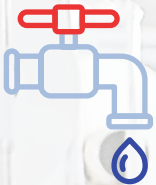
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ

Được thành lập từ năm 2000 dưới hình thức công ty TNHH, Century Corp chuyên sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài chất lượng cao như sợi POY (Partially Oriented Yarn), DTY (Drawn Texturized Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn). Sản phẩm của chúng tôi là nguồn nguyên liệu đầu vào cho chính các nhà máy dệt sản xuất ra vải để phục vụ cho các nhà sản xuất các mặt hàng thể thao cao cấp. Chúng tôi đã và đang thực hiện các hoạt động này trong suốt 23 năm qua. Năm 2005, Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần với mục đích tạo nguồn vốn để phát triển mở rộng trong tương lai. Ngày 30/09/2015, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã cổ phiếu STK. STK là công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất sợi xơ dài với quy mô công suất trên 60 nghìn tấn sợi hàng năm, chúng tôi luôn kết hợp những thành tựu kinh tế với việc bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội thông qua chiến lược phát triển là các sản phẩm cao cấp, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế và sợi màu. STK cân bằng tỷ trọng đóng góp doanh thu của thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa khoảng 50%: 50%. Sợi tái chế (được làm từ recycled polyester chip từ chai nhựa cũ tái chế) là động lực phát triển chính của STK do nhu cầu lớn đến từ sản phẩm sợi thân thiện với môi trường của thị trường. Mục tiêu đến năm 2026-2027 STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 60%-70% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu.

NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 23 NĂM CỦA SỢI THỂ KỲ (2000-2023)



Giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (Solar) với công suất thực tế là 7,4 Mwp cho 2 nhà máy hiện hữu. Ký kết và tăng thêm công suất năng lượng mặt trời với dự án DPPA¹ Trảng Bàng.



Tiết giảm sử dụng nguồn nước sạch thông qua việc tái sử dụng nước sinh hoạt trong sản xuất; Tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng vật liệu ống giấy POY trong sản xuất;



Tăng tỷ lệ sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế, tăng tỷ trọng sợi Recycle trong tổng doanh thu mục tiêu là 60%-70% đến năm 2026-2027;



Trong năm 2023 lượng carbon footprint giảm 19,5% so với năm 2022;



Mở rộng công suất và tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương thông qua dự án nhà máy sợi dệt tự động UniteX với quy mô giai đoạn 1 (36.000 tấn/năm), giai đoạn 2 (24.000 tấn/năm). Tăng thu nhập cho người lao động và phát triển giáo dục địa phương.



Phát triển thêm các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, thúc đẩy nhu cầu sợi Recycle thông qua việc tích hợp nhiều tính năng đặc biệt;

¹ DPPA (Direct Power Purchase Agreement) - là thỏa thuận trực tiếp giữa bên sản xuất điện bên và có nhu cầu mua điện về việc mua bán điện mà KHÔNG thông qua các công ty điện lực của EVN. Hợp đồng này có tính chất song phương giá điện và thời hạn được cả hai bên thỏa thuận. Vì vậy, các doanh nghiệp có thể quản lý được sự biến động giá điện, giảm hóa đơn điện và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp

THÔNG TIN TỔ CHỨC

Tên công ty

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (GRI 2-1)

Tên tiếng Anh

Century Synthetic Fiber Corporation (GRI 2-1)

Tên giao dịch

Century Corp.

Mã chứng khoán

STK (HOSE)

Lĩnh vực kinh doanh

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY. (GRI 2-6)

Hình thức pháp lý và quyền sở hữu

Công ty cổ phần (GRI 2-1)

Trụ sở chính

B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (GRI 2-1)

Chi nhánh

Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (GRI 2-1)

Văn phòng đại diện

102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (GRI 2-1)

Vốn điều lệ

966.369.240.000 VNĐ

Điện thoại

+84.028 3790 7565 / +84.276 389 9537

Fax

+84.028 3790 7566 / +84.66 389 9536

Email

csf@century.vn

Website

www.theky.vn

Mã số thuế doanh nghiệp

0302018927 (GRI 2-1)

Vốn chủ sở hữu (31/12/2023)

1.628,99 tỷ đồng

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH CỦA CÔNG TY

TÂM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

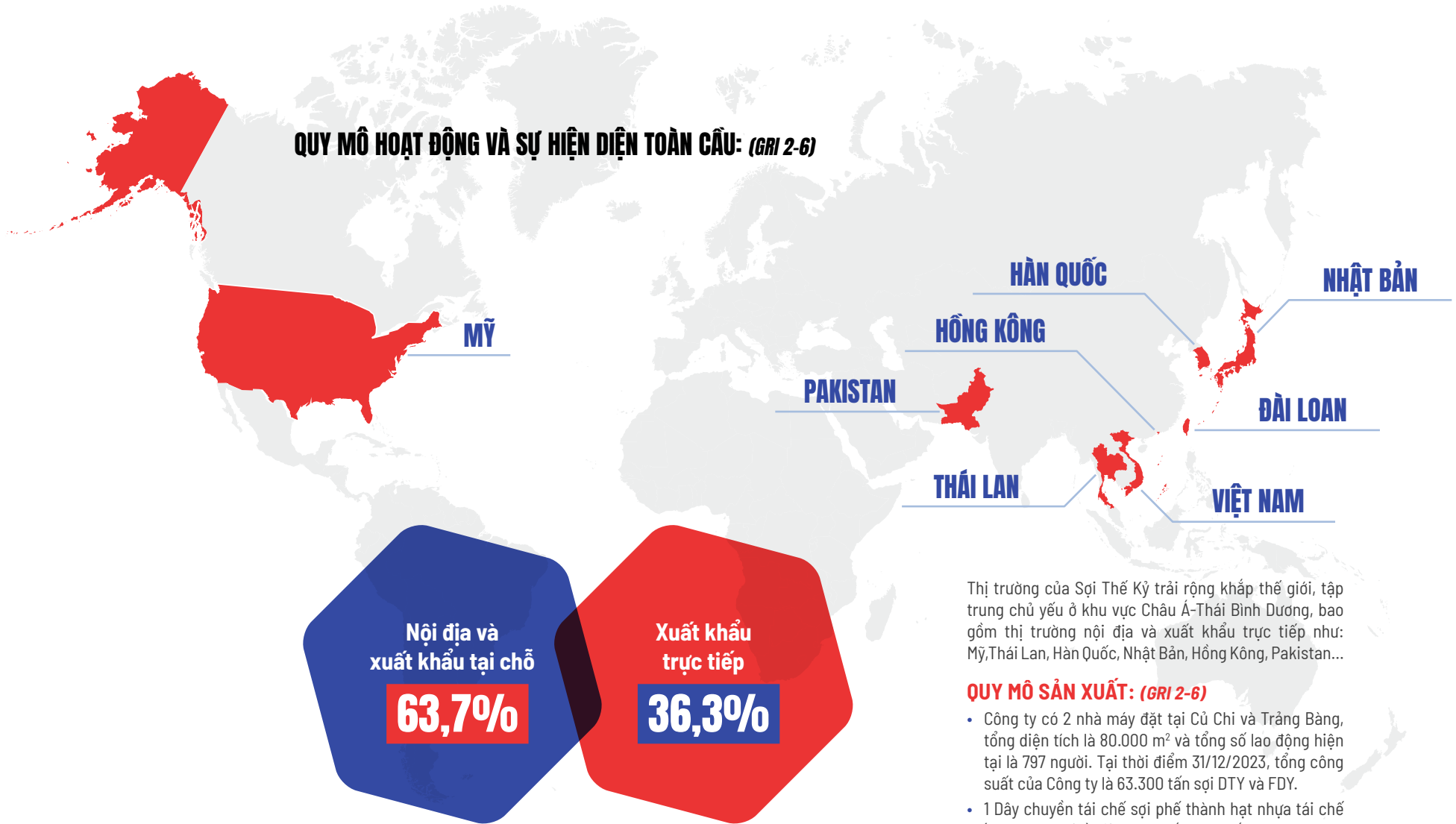
CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŪ STK

"Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc."

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ HIỆN DIỆN TOÀN CẦU: (GRI 2-6)



Thị trường của Sợi Thế Kỳ trải rộng khắp thế giới, tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm thị trường nội địa và xuất khẩu trực tiếp như: Mỹ, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Pakistan...

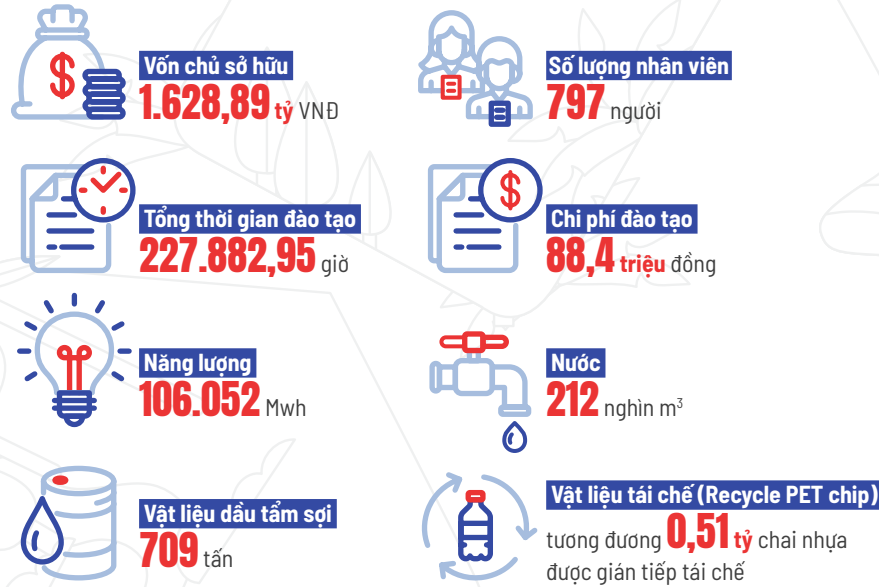
QUY MÔ SẢN XUẤT: (GRI 2-6)

- Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng, tổng diện tích là 80.000 m² và tổng số lao động hiện tại là 797 người. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng công suất của Công ty là 63.300 tấn sợi DTY và FDY.
- 1 Dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) với công suất 1.500 tấn/năm.
- Trong năm 2024, công suất dự kiến sẽ tăng 56% với dự án Unitex (KCN Thành Thành Công) tập trung sản xuất và phát triển các loại sợi có giá trị gia tăng và chất lượng cao (với công suất 36.000 tấn sợi/năm).

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023

CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG STK TẠO RA ĐẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN

NGUỒN LỰC SỬ DỤNG STK



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mô hình hoạt động 4Ms:

MÁY MÓC: Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại (tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng).

NGUỒN NHÂN LỰC: Chú trọng chất lượng tuyển dụng, liên tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự.

NGUYÊN VẬT LIỆU: Mua nguyên vật liệu chất lượng cao nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

QUẢN LÝ: Áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hạ giá thành sản phẩm.

GIÁ TRỊ TẠO RA



- Báo Cáo Phát Triển Bền Vững (“BCPTBV”) của STK được lập hàng năm, nhằm trình bày và công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động cũng như đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm và trong thời gian tiếp theo của Công ty. Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được STK chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo. Chúng tôi luôn hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để tiếp tục rà soát và cải tiến những lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm.
- Công ty lập BCPTBV riêng biệt với Báo Cáo Thường Niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2023 cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2024 và tầm nhìn đến năm 2026 của Công ty.
- BCPTBV là một công cụ hữu hiệu giúp ích cho Công ty để rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững thực hiện trong năm, góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty.

1. Phạm vi và ranh giới của báo cáo: Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

2. Tuyên bố lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI: (GRI 102-54)

- Công ty đã có nhiều năm lập báo cáo theo các tiêu chuẩn của hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. Đây là phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất hiện nay liên quan đến việc lập BCPTBV Công ty thực hiện lập báo cáo theo tiêu chuẩn mới nhất và tiếp tục duy trì trong năm 2023.
- Tiêu chuẩn GRI được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) dưới dạng cốt lõi. Năm 2019 Công ty cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSR CB)¹ hướng dẫn cách lập báo cáo theo chuẩn GRI và đánh giá xác nhận báo cáo đã được lập theo tiêu chuẩn GRI.
- Nội dung của báo cáo xoay quanh 5 chủ đề tiêu chuẩn: *GRI 2 Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung; GRI 3 các vấn đề trọng yếu; GRI 200 Vấn đề kinh tế; GRI 300 Vấn đề môi trường; GRI 400 Vấn đề xã hội.*



¹ CSR CB là chương trình do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.



3. Kỳ báo cáo: báo cáo được lập theo niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 (GRI 2-3)

4. Chất lượng báo cáo: Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong nội dung báo cáo như sau:

Nội dung báo cáo (nguyên tắc xác định)	Chất lượng báo cáo
Gắn kết các mối quan tâm của bên liên quan với Công ty	Chính xác
Bối cảnh phát triển bền vững của Công ty và thế giới	Rõ ràng
Tầm ảnh hưởng của các mối quan tâm đến Công ty	So sánh
Tính toàn vẹn của nội dung báo cáo	Tin cậy
Số liệu báo cáo	Cập nhật

5. Chỉ tiêu được các phòng ban nội bộ của Công ty đánh giá bao gồm:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm (GRI - 404);
- Những hoạt động tham gia đóng góp vào Cộng đồng địa phương (GRI - 413);
- Tỷ lệ mức lương bình quân của người lao động và lương tối thiểu vùng (GRI - 401);
- Ngân sách đào tạo trong năm (GRI - 404);
- Mức tiêu thụ năng lượng; (GRI - 302 và 305)
- Mức tiêu thụ nước; (GRI - 303)

6. Chu kỳ báo cáo: 1 năm/lần

7. Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:

Phòng Quan Hệ Cổ Đông – CTCP Sợi Thế Kỳ

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Người chịu trách nhiệm biên soạn: Ngô Đình Bảo – Chuyên viên Phát triển doanh nghiệp

Chịu trách nhiệm biên tập và nội dung: Nguyễn Phương Chi – Giám Đốc Chiến Lược

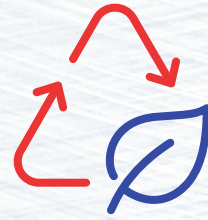
Email: ir@century.vn

Điện thoại: (+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN HƯỚNG TỚI PTBV CỦA STK

TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG

- Tái sử dụng ống giấy POY trong sản xuất
- Tái sử dụng nước giải nhiệt, nước cấp trong sản xuất
- Tái chế sợi phế phẩm thành nguyên liệu PET chip
- Gián tiếp tái chế chai nước nhựa thông qua tăng tiêu thụ lượng recycle PET chip



Kinh tế Tuần hoàn



ĐẦU TƯ CỦA STK

- Sử dụng máy móc và công nghệ từ Đức (Oerlikon Barmag) thân thiện với môi trường (e-saving)
- Đầu tư dự án mở rộng nhà máy (Unitex factory)
- Sử dụng vật liệu recycle (recycle PET chip)
- Nguồn lao động giàu kinh nghiệm
- Liên tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thân thiện với môi trường như sợi màu dope dye.



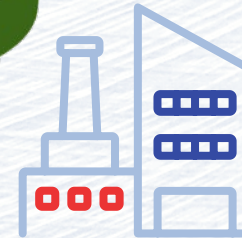
BÁN HÀNG VÀ PHÂN PHỐI

- Xe nâng nội bộ chuyển đổi không sử dụng nguồn nhiên liệu Diesel
- Luân chuyển việc sắp xếp xe giao hàng và các tuyến vận chuyển



SẢN XUẤT

- Sản xuất hiệu quả, giảm tiêu hao nguồn năng lượng điện, nước
- Giảm tỷ lệ phế phẩm bảo vệ môi trường
- Tối ưu hóa sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất
- Giảm phát thải khí nhà kính (CO₂).



NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Phát triển sản phẩm sợi recycle plus (nhiều tính năng) thân thiện môi trường
- Phát triển sản phẩm sợi màu (dope dye) giúp khách hàng giảm sử dụng màu nhuộm/hóa chất và tiết kiệm tiêu thụ nước.
- Triển khai hệ thống năng lượng mặt trời-năng lượng tái tạo
- Sáng kiến tiết kiệm năng lượng, nước sử dụng.



QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY

LỒNG GHÉP YẾU TỐ PTBV TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Bảo vệ Môi trường

- Thiết kế định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, nước cho 1 đơn vị sản phẩm.
- Lập kế hoạch tái sử dụng vật liệu, nguyên liệu, phế phẩm.
- Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, nước và nhiên liệu sử dụng.

- Đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đáp ứng tiêu chí trách nhiệm môi trường, xã hội.
- Nghiệm thu chất lượng và nguồn gốc của nguyên vật liệu.
- Sửa chữa và tái sử dụng công cụ, dụng cụ

- Tiết kiệm điện, nước sử dụng.
- Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả.
- Tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu sử dụng.

- Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm.
- Kết hợp kế hoạch vận chuyển hàng, tránh sử dụng nhiều xe.
- Tái sử dụng pallet để giao hàng.

Phát triển Kinh tế

- Bố trí máy móc sản xuất để tối ưu hiệu quả theo từng loại sản phẩm.
- Đảm bảo máy chạy ổn định, tránh ngưng máy, đổi máy, tiết kiệm chi phí.

- Đàm phán giá hiệu quả.
- Sắp xếp hàng hoá, tối ưu hoá kho bãi và nhà kho, tiết kiệm chi phí.
- Đảm bảo tỷ lệ hàng nhập không đạt chất lượng ở mức ít nhất.

- Giảm tỷ lệ hàng phế phẩm.
- Máy móc được bảo trì định kỳ.
- Nâng cao tỷ lệ chất lượng sản phẩm.
- Phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng.

- Linh hoạt trong chi phí xuất hàng.
- Đàm phán giá cả với các đơn vị vận chuyển, tối ưu hoá chi phí vận chuyển.

Phát triển Lao động-xã hội

- Đào tạo tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn cho nhân viên kế hoạch sản tiêu.
- Trang bị an toàn-lao động cho công nhân, tác nghiệp viên.
- Sử dụng nguồn cung ứng nguyên vật liệu/lao động địa phương.

- Bồi dưỡng kiến thức cho nhân viên thu mua, cung ứng.
- Sử dụng dịch vụ vận chuyển địa phương.

- Bố trí nguồn nhân sự phù hợp.
- Tạo cơ hội thăng tiến trong công việc, nâng lương.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- Xây dựng văn hóa ứng xử tốt.
- Đảm bảo công bằng- bình đẳng.

- Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, xuất nhập khẩu.
- Xây dựng chính sách thưởng khích lệ khi đạt KPIs.
- Tăng thu nhập cho lao động địa phương.

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/năm.

2003

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất.

Tăng công suất sản xuất lên tương đương 9.600 tấn sợi DTY/ năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2005

Cổ phần hóa - Sự thay đổi mang tính chiến lược

Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.

2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/ năm & 15.000 tấn DTY/ năm.

2011

Phát triển sản phẩm mới FDY

Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/ năm.

2014

Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội
Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 3.
IPO thành công 3 triệu cổ phiếu.

**CỘT MỐC HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
(TIẾP THEO)

Tận dụng cơ hội từ thị trường
- Gặt hái thành công

Nâng tổng công suất lên 63.000 tấn/năm.

2019

Kiên định thực hiện mục tiêu

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20%
so với cùng kỳ.

Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế
năm 2025.

Niêm yết trên HOSE, phát triển thành
công sản phẩm mới sợi tái chế.
Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY
& FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.

2016

Bắt đầu sản xuất sợi tái chế

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4,
nâng tổng công suất của Công ty
lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2017

2015

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

2020

Vượt qua khó khăn

Hoàn thành 98,2% mục tiêu doanh thu 2020.
Hoàn thành 109,9% mục tiêu lợi nhuận 2020.
Nâng tỷ lệ sợi recycle trên tổng doanh thu
chiếm 44,7%.

2022

Quản trị rủi ro, vượt qua nghịch cảnh

Kiên định với mục tiêu phát triển kinh tế. Hoàn
thành 81% doanh thu và 80% lợi nhuận sau thuế
so với kế hoạch 2022.
Bắt đầu xây dựng nhà máy Unitex.

2023

Khó khăn song hành cơ hội.

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành
dệt may, Sợi Thế Kỳ cũng gặp không ít khó
khăn trong năm 2023. Tuy nhiên công ty vẫn
duy trì sản xuất và kiện toàn bộ máy quản lý.
Nhà máy Unitex dự kiến đi vào hoạt động quý
3/2024 góp phần làm tăng sản lượng giúp
công ty đón đầu những cơ hội mới.

2021

Phục hồi và phát triển bền vững

Duy trì mục tiêu phát triển kinh tế, hoàn thành
87% doanh thu và 112% lợi nhuận kế hoạch 2021.
Mở rộng công suất thông qua dự án Unitex,
Liên minh sợi-dệt may.

THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2022, trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

- Bổ sung thêm việc triển khai dự án Smart factory giúp nâng cao hiệu suất nhà máy, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Cập nhật bối cảnh PTBV thế giới, ngành dệt may thế giới và ngành dệt may Việt Nam 2023.
- Cập nhật cam kết SBTi của nhà máy Trảng Bàng với một khách hàng thương hiệu.
- Đánh giá dấu chân carbon, các biện pháp làm giảm khí thải carbon của Sợi Thế Kỳ.
- Hệ thống kiểm soát chất lượng và đóng gói tự động.
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu Kinh tế, Môi trường, Xã hội của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.
- Đánh giá phạm vi 1, phạm vi 2 (Scope 1, Scope 2) của STK dựa trên tính toán của đơn vị (ENERTEAM) kiểm kê khí nhà kính (KNK) tại nhà máy Trảng Bàng.
- Kết hợp với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC) và các thành viên nhóm “Hỗ trợ xây dựng KTNB” của STK tiến hành kiểm toán nội bộ.
- Kết quả đánh giá điểm số CDP năm 2023 và hướng cải thiện trong năm 2024.
- Đề xuất của ENERTEAM về các giải pháp tiết kiệm điện tiêu thụ và cắt giảm KNK cho nhà máy Trảng Bàng.
- Các sáng kiến tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng hạt nhựa tái chế giúp giảm phát thải KNK.

GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH

	CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG
2023	<ul style="list-style-type: none"> Đạt top 19/100 DN bền vững trong khuôn khổ chương trình CSI100 (8 năm liên tiếp VCCI tổ chức và trao giải). Đạt giải Hội đồng quản trị của năm 2023 theo bình chọn của Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty lần thứ 6 (AF6) do Hội đồng quản trị Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức. Báo cáo thường niên đạt top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm phi tài chính. Đạt giải khuyến khích báo cáo PTBV. Top 10 nhóm mid cap Giải quản trị công ty tốt nhất 2023. Đạt giải Hội đồng quản trị của năm 2023.
2022	<ul style="list-style-type: none"> Giải nhất Báo cáo phát triển bền vững 2022 vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. Trong 6 năm liên tiếp, Báo cáo phát triển bền vững của Công ty luôn nằm trong Top báo cáo phát triển bền vững có chất lượng cao nhất của thị trường Top 5 Báo cáo quản trị tốt nhất 2022 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2022 (CSI 100)- Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD¹) trao tặng, xếp hạng 13, đây là lần thứ 7 trong 7 năm hành trình liên tục STK được vinh dự nhận giải thưởng này, góp phần khẳng định chiến lược xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững theo mục tiêu lâu dài của STK.
2021	<ul style="list-style-type: none"> Giải nhì Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 5 năm liên tiếp Top 4 Báo cáo thường niên tốt nhất 2021 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2021 (CSI 100), 6 năm liên tiếp. Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD) trao tặng.
2020	<ul style="list-style-type: none"> Top 15 thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2020 (CSI 100), 5 năm liên tiếp. Top 3 Báo cáo phát triển bền vững - Báo cáo đáng tin cậy nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 4 năm liên tiếp Top 5 Báo cáo thường niên - Báo cáo quản trị tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức
2019	<ul style="list-style-type: none"> Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2019 (CSI100) 4 năm liên tiếp. Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hoá trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức Top 10 Báo Cáo PTBV tốt nhất
2018	<ul style="list-style-type: none"> Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp. Top 10 Báo Cáo PTBV Top 90 Báo Cáo TN.
2017	<ul style="list-style-type: none"> Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet. Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100) IR Award 2017 - Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).

¹ VBCSD do VCCI Việt nam thành lập.



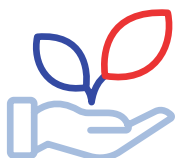
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC (GRI 2-9)

Mô hình quản trị của Công ty được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực tiên tiến nhất, phù hợp với các yêu cầu quản trị của một công ty niêm yết.



CƠ CHẾ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ PTBV

Xây dựng chiến lược sản phẩm bền vững



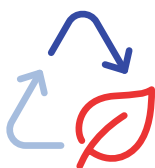
MÔI TRƯỜNG

- Sử dụng công nghệ hiện đại giảm tỷ lệ hàng phế phẩm và không lãng phí nguyên liệu đầu vào.
- Sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời).
- Áp dụng hệ thống tự động trong quá trình sản xuất, ít sai sót và giảm tỷ lệ phế phẩm.



KINH TẾ

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo mục tiêu đề ra.
- Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Phát triển thị trường xuất khẩu.



TÁI CHẾ

- Đầu tư dây chuyền tái chế phế phẩm.
- Máy móc tiết kiệm điện, tăng tỷ lệ tái chế sợi phế.
- Tăng tỷ lệ tái sử dụng vật liệu ống giấy, bao bì, pallet và nước sinh hoạt trong sản xuất.



XÃ HỘI

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan và người lao động.
- Nâng cao năng lực nguồn lao động thông qua các chương trình đào tạo.
- Cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo an toàn, vệ sinh, lao động.



**SẢN PHẨM THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐÓN NHẬN
NHƯ SỢI RECYCLE VÀ SỢI MÀU DOPE DYE**



Nhằm cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan cũng như các cân cân PTBV, tại Sợi Thế Kỳ, trọng tâm chiến lược phát triển bền vững là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế. Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (sử dụng sợi tái chế giúp giảm khoảng 79%¹ carbon footprint so với sản phẩm sợi nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (sản phẩm thay thế cho công đoạn nhuộm truyền thống, giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co giãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện nước, tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Công ty đang triển khai Smart Factory cho nhà máy Trảng Bàng 3. Khi áp dụng dự án này, nhà máy kiểm soát theo thời gian thực dòng chảy hàng hóa, từ tính năng giám sát xe hàng đến kiểm soát được tình trạng lỗi phát sinh khi chạy sản phẩm. Trí thông minh nhân tạo (AI) sẽ phân tích học dạng lỗi, qua việc học này AI sẽ biết dạng lỗi là gì mà không cần con người thực hiện, từ đó đưa ra dự báo xu hướng lỗi sắp tới giúp nhà máy can thiệp kịp thời sẽ giảm số lượng hàng lỗi xuống gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.

¹ Theo số liệu từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK, hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO₂/tấn chip và 2,36 tấn CO₂/tấn chip.

Phân công triển khai và thực hiện theo từng đơn vị

PHÒNG NHÂN SỰ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

- Xây dựng định biên nhân sự, đáp ứng nguồn nhân lực cho toàn Công ty;
- Thực hiện chấm công, tính lương và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động;
- Thực hiện đào tạo, để bạt và bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và lựa chọn ứng viên cho từng vị trí tại Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT về ngân sách lương và hiệu quả thực hiện KPIs của từng phòng ban;
- Cập nhật và cải tiến các chính sách lao động tại Công ty theo pháp luật hiện hành;
- Xử lý khiếu nại và đảm bảo bình đẳng tại Công ty;
- Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về các vấn đề nhân sự – xã hội;

PHÒNG TỔNG VỤ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

- Đề xuất và ban hành các chính sách an toàn – vệ sinh – môi trường tại Công ty;
- Giám sát, báo cáo tuân thủ về an toàn lao động và các tiêu chí về môi trường khác tại Công ty;
- Huấn luyện nội dung an toàn – vệ sinh – môi trường định kỳ cho CBCNV;
- Định kỳ đo kiểm môi trường tại nơi làm việc về khí thải, nước thải và chất thải;
- Cập nhật và lập các chính sách, quy trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn an toàn – vệ sinh – môi trường tại nơi làm việc.
- Báo cáo trực tiếp với TGD về các vấn đề an toàn – vệ sinh – môi trường;

PHÒNG KINH DOANH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ

- Tham mưu TGD lập kế hoạch kinh doanh;
- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường;
- Đẩy mạnh công tác bán hàng, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh chiến lược marketing;
- Cập nhật tình hình thị trường và tham mưu TGD để có chính sách bán hàng hợp lý;
- Báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty;

PHÒNG TÀI CHÍNH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ

- Tham mưu TGD và phòng kinh doanh về giá bán và price gap;
- Quản lý và kiểm soát ngân sách toàn Công ty;
- Báo cáo Ban TGD về các chi phí phát sinh và vượt định mức sử dụng;
- Thúc đẩy phòng kinh doanh bám sát mục tiêu lợi nhuận Công ty đã đặt ra;
- Kiểm soát tình hình tồn kho và cung cấp thông tin cho ban TGD;

PHÒNG KẾ HOẠCH SẢN TIÊU – PHỤ TRÁCH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

- Đáp ứng nhu cầu lịch giao hàng của Công ty;
- Sắp xếp máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực để tiến hành sản xuất các đơn hàng;
- Lên kế hoạch sản xuất và kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất;
- Phối hợp với phòng kinh doanh trong việc nhận đơn hàng và đáp ứng lịch giao hàng;

PHÒNG THU MUA – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

- Tìm kiếm nhà cung ứng nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc và dịch vụ chất lượng;
- Đảm bảo giá cả hợp lý, tiết giảm chi phí Công ty;
- Đảm bảo lịch giao hàng của nhà cung ứng đúng thời hạn để phục vụ nhu cầu sản xuất Công ty;
- Phát triển mạng lưới nhà cung ứng để giảm thiểu rủi ro hụt nguồn cung;

BỘ PHẬN SẢN XUẤT – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- Vận hành và quản lý chất lượng sản phẩm được sản xuất;
- Đảm bảo không gây lãng phí tài nguyên Công ty trong quá trình sản xuất;
- Giảm thiểu tối đa tỷ lệ phế phẩm;
- Nghiên cứu và phát triển các giải pháp mới để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm;

BỘ PHẬN ĐIỆN/UTILITY – PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

- Vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị hoạt động đúng chuẩn.
- Kiểm soát và thay đổi giải pháp để sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Nghiên cứu, áp dụng nhiều sáng kiến đổi mới giúp tiết kiệm và sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả.

THÀNH TỰU PTBV ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023 (GRI 2-18)

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ:

1. Dựa trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lao động - xã hội, báo cáo tuân thủ bảo vệ môi trường và kết quả hoàn thành nhiệm vụ KPIs hàng tháng.
2. HĐQT nhận xét và đưa ra đánh giá các thành tựu phát triển bền vững mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua,
3. HĐQT cũng đưa ra những định hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo (xem thêm mục III.6.5).

TẦN SUẤT ĐÁNH GIÁ:

Giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hàng tháng, hàng quý, đưa ra đánh giá hàng năm

- Doanh thu thuần năm 2023 đạt 1.425 tỷ đồng, hoàn thành 66,3% so với kế hoạch năm 2023.
- Tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu chiếm 49,5% trong tổng doanh thu có giảm nhẹ so với năm 2022 nhưng công ty đang đặt mục tiêu tăng tỷ trọng này lên 60%-70% đến năm 2026-2027;
- Lợi nhuận ròng năm 2023 đạt 87,7 tỷ VND và hoàn thành 34,7% mục tiêu năm 2023;
- Tình hình tài chính của Công ty được cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2016-2022 chỉ số nợ vay từ 1,5x năm 2016 giảm còn 0,2x trong năm 2022 và tăng lên 0,63x ghi nhận ngày 31/12/2023 do nợ vay tài trợ dự án Unitex;
- Phát triển thành công các loại sợi có giá trị gia tăng cao (sợi Dope dye, Soft package, Full dull, High CR, CD Mix, Quick Dry) cho thị trường nội địa và xuất khẩu như Nhật Bản, Thái Lan;

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Do tình hình khó khăn chung của ngành dệt may Việt Nam và STK cũng không phải là ngoại lệ nên năm 2023 Công ty đã không có chính sách tăng lương cho NLD. Nhu cầu thị trường yếu cũng làm cho sản lượng thấp và lương của nhóm sản xuất thấp. Bên cạnh đó, do một số người lao động có thâm niên công tác cao nghỉ việc nên thu nhập trung bình của người lao động năm 2023 giảm nhẹ 0,6% so với 2022;
- Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- Công ty tạo thêm nhiều công ăn việc làm trực tiếp cho lao động địa phương và gián tiếp cho các nhà thầu cung cấp thông qua: dự án mở rộng sản xuất (nhà máy Unitex).
- Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

- Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên vượt bậc từ 44% trong cơ cấu doanh thu năm 2020 lên 54% năm 2022 và giảm nhẹ còn 49,5% trong năm 2023, công ty đang đặt mục tiêu hướng tới tỷ lệ 60%-70% năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu;
- Dự án năng lượng mặt trời và các sáng kiến tiết kiệm điện giúp STK cắt giảm lượng carbon footprint qua các năm 2021, 2022, 2023 lần lượt là 5.033, 6.636 và 6.860 tấn CO₂. Lũy kế từ năm 2021-2023 là 18.529 tấn CO₂ tương đương mức cắt giảm 7,7% trong giai đoạn này; Công ty đã kí hợp đồng với đối tác để mua thêm năng lượng tái tạo với tổng công suất 75 Mwp trong các năm sắp tới;
- Tái chế sợi phế phẩm thành hạt PET chip đầu vào, giúp giảm phát thải ra môi trường tỷ lệ tái chế hơn 82% lượng sợi phế được sản xuất trong kỳ;
- Phát triển và thương mại sợi màu dope dye, giúp giảm lượng nước sạch, hóa chất tiêu thụ và bảo vệ môi trường;
- Trong năm 2023, số lượng ống giấy POY sử dụng là 682.816 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần nên số lượng ống giấy POY được tiết kiệm là 2.150.872 ống (nếu không áp dụng việc tái sử dụng, số lượng ống giấy POY cần có là 2.833.688 ống).
- Chỉ số cacbon footprint về điện giảm 19.5% so với năm 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 nên lượng điện năng sử dụng 2023 thấp hơn 2022.
- Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2023, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 4,6 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (GRI 2-9,2-10,2-11,2-17)

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ CÁC CHỦ ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 2-13,2-14)

- HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.
- Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban Điều Hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban Điều Hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.
- HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận Quan Hệ Cổ Đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

ÔNG ĐẶNG TRIỆU HOÀ (55 TUỔI)

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.

Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020



GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ ĐẶNG MỸ LINH (52 TUỔI)

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Chủ tịch HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020

ÔNG ĐẶNG HƯỚNG CƯỜNG (49 TUỔI)

Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2005



BÀ CAO THỊ QUẾ ANH (58 TUỔI)

Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 12/01/2015



ÔNG CHEN CHE JEN (62 TUỔI)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc.

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật.

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



ÔNG VÕ QUANG LONG (46 TUỔI)

Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư vốn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



ÔNG NGUYỄN QUỐC HƯƠNG (53 TUỔI)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

Trình độ chuyên môn: Tài chính

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



BAN ĐIỀU HÀNH (GRI 2-9,2-10,2-11,2-17)



Ông Đặng Triệu Hòa

Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1969 Nam

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

- 02/2020 - nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, STK.
- 06/2000 - 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
- 1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
- 1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.



Bà Nguyễn Phương Chi

Giám đốc Chiến lược

Năm sinh: 1972 Nữ

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

- 1/2015 - nay: Giám đốc Chiến lược, STK
- 3/2008 - 12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tin.
- 4/2005 - 2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
- 10/2004 - 2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
- 10/2002 - 10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
- 3/1997 - 3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.



Ông Phan Như Bích

Giám đốc Tài Chính kiêm Kế Toán trưởng

Năm sinh: 1970 Nam

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

- 10/2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
- 11/2010: Kế toán trưởng, STK.
- 03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
- 1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

BAN KIỂM SOÁT (GRI 2-9,2-10,2-11,2-17)

Ông Nguyễn Tự Lực

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1952 Nam

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc:

2007 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát, STK
2006 - nay	Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
2000 - 2006	Kế toán trưởng, STK
1984 - 2000	Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
1979 - 1984	Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



Bà Hà Kiệt Trân

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1986 Nữ

Trình độ học vấn: Thạc sĩ

Quá trình làm việc:

2013 - 2015	Chuyên viên Phòng Đầu Tư - Công ty CP Chứng Khoán Đông Á.
2015 - 2017	Trưởng Bộ phận IB Khối Kinh doanh tiền tệ và Đầu tư - Ngân hàng TMCP Phương Đông.
2018 - nay	Trưởng Bộ phận Đầu Tư - Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt.



Bà Đinh Ngọc Hoa

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979 Nữ

Trình độ học vấn: Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc:

2005 - nay	Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
2002 - 2004	Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Xem thêm mục **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY - BCTN 2023**)

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (GRI 2-15)

(Xem thêm mục **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN - BCTN 2023**)

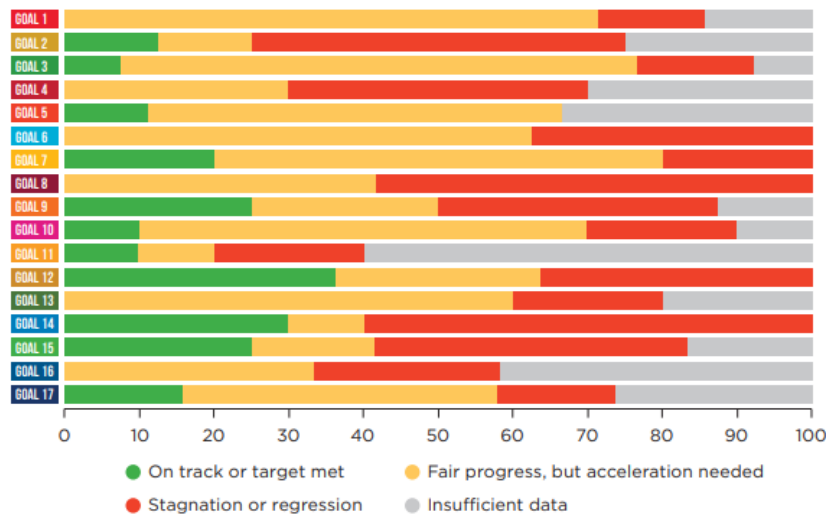
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN THẾ GIỚI	32
BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY THẾ GIỚI	38
BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM	43
CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY (GRI 2-23)	53
NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-23)	53
CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY (GRI 2-26)	53
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP BÁO CÁO PTBV	53

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN THẾ GIỚI

Tại hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững trong năm 2023 của Liên Hợp Quốc đánh giá các thành tựu, thách thức và vai trò của các quốc gia, hội nghị này là một cơ hội quan trọng để các quốc gia đánh giá các tiến độ, thách thức và đề xuất các hành động cụ thể cho việc đạt được mục tiêu của chương trình nghị sự trong năm 2030. Hội nghị năm 2023 cũng chỉ ra rằng những sự kiện khủng hoảng đang diễn ra như biến đổi khí hậu, đại dịch COVID-19, chiến tranh Nga và Ukraine và gần đây nhất là xung đột vũ trang Hamas và Israel, những sự kiện này đã làm trì hoãn đáng kể và thậm chí trong một số trường hợp đã đảo ngược tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) làm ảnh hưởng đến các quốc gia dễ bị tổn thương nhất và làm trầm trọng thêm các bất bình đẳng hiện có. Dữ liệu gần đây của Liên Hợp Quốc (The United Nations) cho thấy chỉ có 12% các mục tiêu phát triển bền vững hiện đang đi đúng hướng và hơn 30% trong số các mục tiêu này không có tiến triển nào, thậm chí tệ hơn, so với mức cơ sở năm 2015. Hội nghị đã nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết phải tăng cường nỗ lực để đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs¹) đi đúng hướng và hướng tới một tương lai bền vững cho tất cả mọi người.

Progress assessment for the 17 Goals based on assessed targets, 2023 or latest data (percentage)



Nguồn: The Sustainable Development Goals Report 2023-United Nations

Đối với mục tiêu số 13, báo cáo “The sustainable development goals report 2023” đã nhấn mạnh rằng thế giới đang trên bờ vực của một thảm họa khí hậu, và các hành động cũng như kế hoạch hiện tại để giải quyết khủng hoảng là chưa đủ. Nếu không có hành động cụ thể hơn mang tính chuyển đổi ngay từ bây giờ để giảm phát thải khí nhà kính một cách sâu sắc và nhanh chóng trong tất cả các lĩnh vực, mục tiêu 1,5°C sẽ gặp rủi ro và kéo theo đó là mạng sống của hơn 3 tỷ người.

1 Sustainable Development Goals

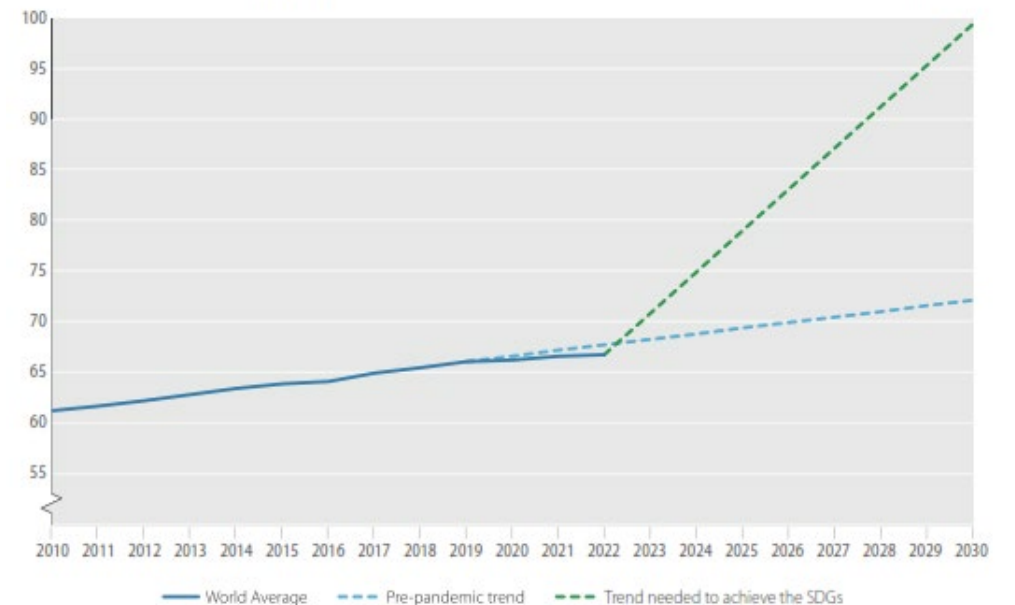
Cũng theo báo cáo, sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu đã lên tới 1,1°C, do tăng lượng phát thải khí nhà kính trên toàn cầu, đạt mức cao kỷ lục vào năm 2021. Dữ liệu thời gian thực từ năm 2022 cho thấy lượng phát thải tiếp tục có xu hướng tăng lên thay vì giảm xuống để đạt được mục tiêu giới hạn nhiệt độ tăng 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp. Năm 2023 ghi nhận là năm có nhiệt độ cao kỷ lục. Rất nhiều địa điểm du lịch tại châu Âu đã phải đóng cửa và chính quyền địa phương đã đưa ra cảnh báo người dân khi ra đường. Nhiều khách du lịch tại châu Âu đã ngã gục khi nhiệt độ vượt quá 40°C. Thậm chí một số quốc gia châu Phi còn ghi nhận nhiệt độ đạt tới gần 50°C.

Theo Tổ chức OECD tổng tài trợ khí hậu đã đạt 83,3 tỷ đô trong năm 2020 gia tăng 4% so với năm 2019 nhưng vẫn còn thiếu 100 tỷ đô so với mục tiêu đặt ra, dòng tài chính quốc tế đến các nước đang phát triển thấp hơn nhu cầu ước tính từ 5 đến 10 lần.

Các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đang đi chệch hướng nghiêm trọng. Tiến độ SDGs vốn đã rất chậm trong 5 năm tính đến năm 2020. Theo SDG index thành tựu toàn cầu của SDG hàng năm chỉ tăng nhẹ, từ 64% năm 2015 lên 66% vào năm 2019 – quá chậm để đạt được các mục tiêu vào năm 2030. Sau đó, với sự bùng phát của đại dịch, tiến độ đã dừng lại. Tính đến năm 2022, Chỉ số SDG toàn cầu ở mức dưới 67%. Nhiều cuộc khủng hoảng địa chính trị trên thế giới hiện nay chắc chắn sẽ đặt thêm trở ngại trên con đường đến các mục tiêu bền vững năm 2030.

Điểm chỉ số SDG theo thời gian, trung bình thế giới (2010-2022) và dự báo điểm chỉ số SDG để đạt các mục tiêu năm 2030

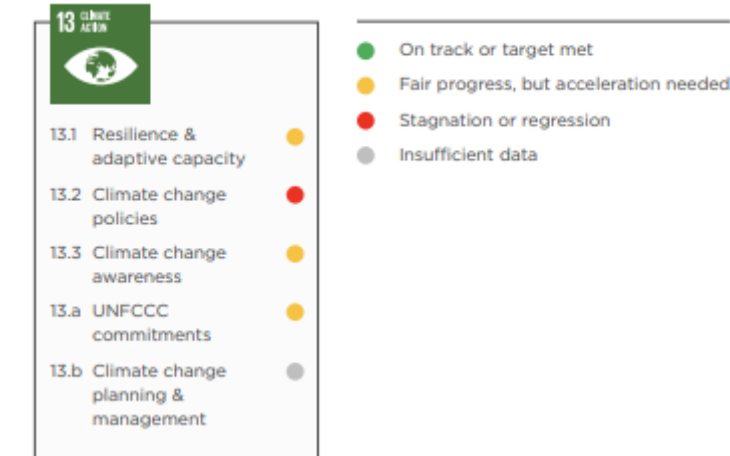
SDG Index world average: pre-pandemic trend and trend needed to achieve the SDGs by 2030



Nguồn: SDGindex.org

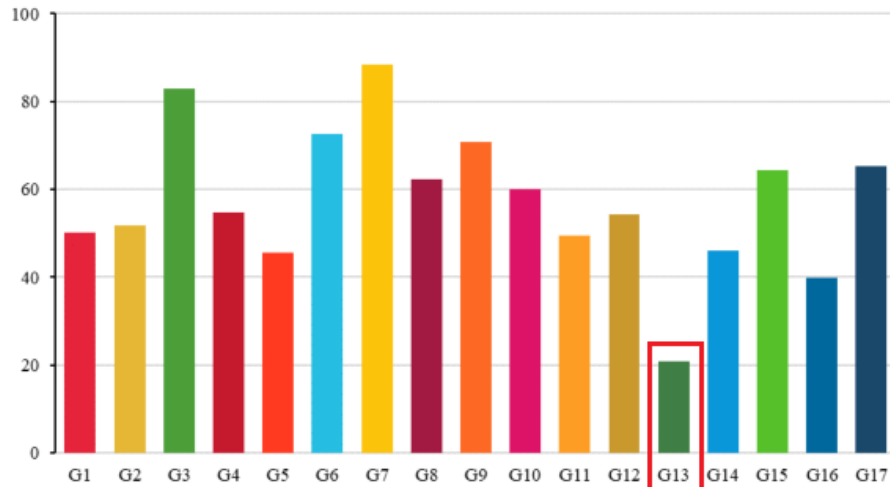
Cũng theo Theo báo cáo về tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững 2023 của Liên Hợp Quốc “The Sustainable Development Goals Report 2023”. Trong 17 mục tiêu lớn có 169 mục tiêu phụ và trong các mục tiêu phụ này lại có thêm những chỉ số. Mặc dù đã đạt được tiến bộ trong việc cải thiện dữ liệu để theo dõi các mục tiêu, với số lượng chỉ số có trong cơ sở dữ liệu về các Mục tiêu Phát triển Bền vững toàn cầu tăng từ 115 vào năm 2016 lên 225 vào năm 2022 và số lượng bản ghi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đã tăng từ 330.000 năm 2016 lên 2,7 triệu vào tháng 5 năm 2023. Chỉ trong 7 năm, cơ sở dữ liệu SDG toàn cầu đã mở rộng đáng kể tuy nhiên chỉ có khoảng 21% các quốc gia và vùng lãnh thổ có dữ liệu cho Mục tiêu 13 (hành động vì khí hậu). Mức thấp nhất trong 17 mục tiêu tăng trưởng bền vững. Thế giới đang đi chệch hướng nghiêm trọng để đáp ứng các mục tiêu về khí hậu theo hiệp ước Paris. Thậm chí nhiệt độ toàn cầu có lúc nóng hơn 1,2 độ C so với thời kì tiền công nghiệp trong năm 2022 và tiếp tục nóng lên ở mức hơn 0,3 độ C mỗi thập kỉ. Với tốc độ này khả năng vượt qua 1,5 độ C trong thập kỉ này là rất lớn chứ đừng nói đến năm 2050.

Cũng Theo báo cáo của Liên hợp quốc trong 5 trọng tâm lớn của mục tiêu số 13 (Hành động vì khí hậu) thì chưa có trọng tâm nào thực sự đi đúng hướng.



Năm 2023 có thể là năm nóng nhất trong 83 năm qua, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng và sóng nhiệt diễn ra với tần suất ngày càng nhiều và nghiêm trọng hơn trên khắp thế giới trong đó các quốc gia đang phát triển chịu thiệt hại nặng nề nhất do khả năng chống chịu kém hơn. Tổ chức Liên Hợp Quốc cho biết nhu cầu và chi phí cho các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu hàng năm được dự báo sẽ gấp từ 10 đến 18 lần so với nguồn tài chính thực tế sẵn có cái giá phải trả sẽ lớn hơn rất nhiều nếu các nước không triển khai các chương trình hành động giúp giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu. Báo cáo tổng hợp mới nhất của IPCC (Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu) tuyên bố rằng các hoạt động của con người, đặc biệt là hơn một thế kỷ đốt nhiên liệu hóa thạch, sử dụng năng lượng và đất đai không bền vững, cũng như mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững, đã gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu ở mức 1,1°C so với thời kì tiền công nghiệp. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan ở mọi khu vực. Các cộng đồng dễ bị tổn thương mặc dù đóng góp ít nhất vào biến đổi khí hậu lại bị ảnh hưởng nhiều hơn. Một ví dụ điển hình là Bangladesh do nằm ở vùng trũng thấp, Bangladesh là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo đến năm 2050, mực nước biển dâng cao, có thể khiến 20 triệu người dân Bangladesh phải di dời và có thể nhấn chìm một diện tích đất đáng kể và gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản lượng lương thực của nước này.

Proportion of countries or areas with available data since 2015, by Goal
(Percentage)



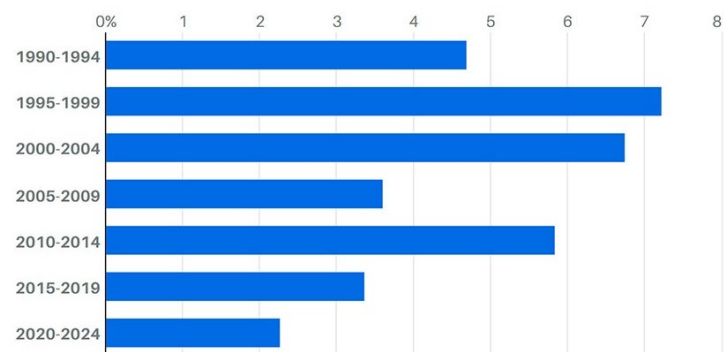
Nguồn: The United Nations

Một số thành tựu và thách thức của thế giới về kinh tế, môi trường và xã hội

Kinh tế

THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU NĂM 2023

Trong 2023, thương mại hàng hóa và dịch vụ tăng nhẹ với tốc độ tăng trưởng khoảng 0,2%, tốc độ chậm nhất trong 50 năm nếu không tính đến suy thoái toàn cầu. Sẽ là suy giảm hoàn toàn nếu không có sự tăng trưởng của thương mại dịch vụ. Thương mại hàng hóa đã giảm khoảng 2%, mức giảm mạnh nhất trong thế kỷ này nếu không tính đến suy thoái kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng thương mại dự báo sẽ cải thiện trong năm nay nhưng vẫn chỉ bằng một nửa tốc độ trung bình trong thập kỷ trước đại dịch. Dự báo vào cuối năm 2024, thương mại toàn cầu sẽ ghi nhận mức tăng trưởng chậm nhất trong giai đoạn 5 năm kể từ những năm 1990.

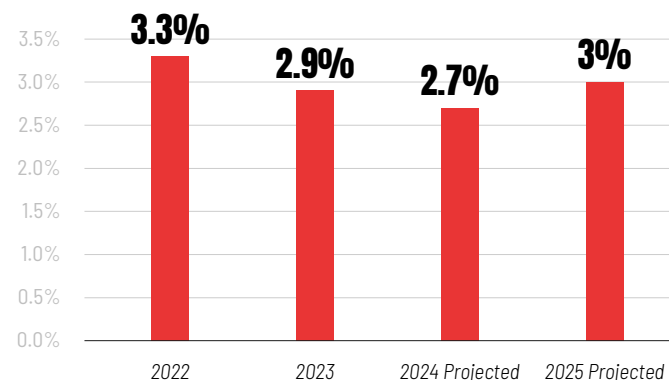


Nguồn: Ngân hàng thế giới (World Bank)

TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU

Theo tổ chức OECD tăng trưởng GDP trong năm 2023 ở mức 2,9% thấp hơn mức 3,3% trong năm 2022, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với thách thức lạm phát và triển vọng tăng trưởng thấp bên cạnh đó các điều kiện tài chính thắt chặt hơn, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng thấp hơn cũng là nguyên nhân làm kinh tế toàn cầu suy yếu trong năm 2023. Cũng theo dự phóng của OECD tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2024 và 2025 lần lượt là 2,7% và 3%.

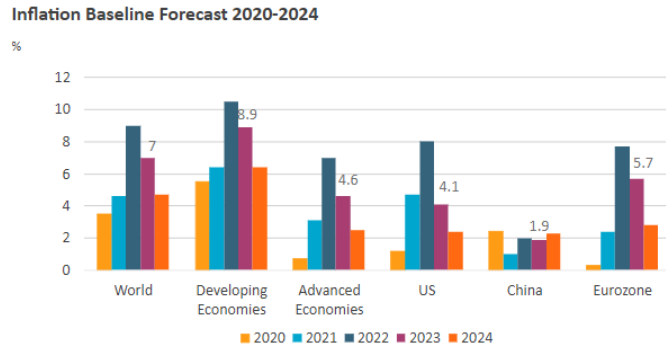
TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU NĂM 2023 VÀ DỰ BÁO NĂM 2024, 2025



Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)

TỶ LỆ LẠM PHÁT TOÀN CẦU

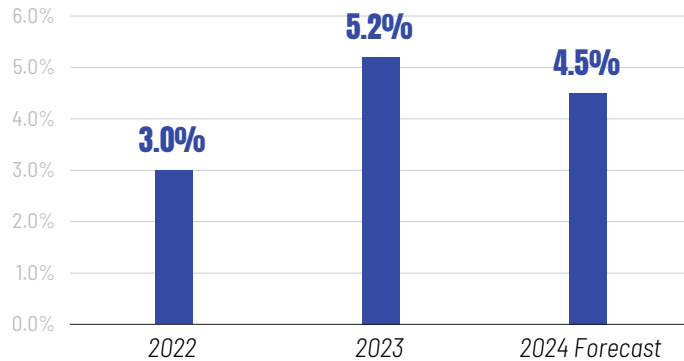
Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm trong năm 2023. Theo Euromonitor International, lạm phát toàn cầu được dự báo đạt 7,0% vào năm 2023 và 4,7% vào năm 2024. Sự biến động trong thị trường hàng hóa và thị trường lao động là một trong những rủi ro chính làm tăng thêm áp lực lạm phát. Giá năng lượng và hàng hóa nông nghiệp tăng cao có thể làm tăng thêm lạm phát trong Quý 1 năm 2024 trong khi thị trường lao động hồi phục mạnh mẽ ở các nền kinh tế lớn nhất tiếp tục đẩy giá dịch vụ tăng cao.



Nguồn: Euromonitor International

Theo Fitch Ratings tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đã đạt 5,2% trong năm 2023 và dự báo đạt 4,5% trong năm 2024. Rủi ro tăng trưởng kinh tế TQ chậm lại có thể kéo theo đà tăng trưởng chung của kinh tế toàn cầu.

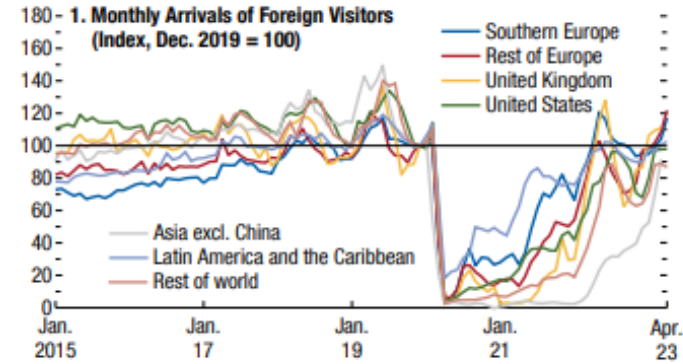
Đánh giá tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2022, 2023 và dự báo 2024 của Fitch Ratings



Nguồn: Reuters và Fitch Ratings

DU LỊCH ĐANG TRỞ LẠI BÌNH THƯỜNG

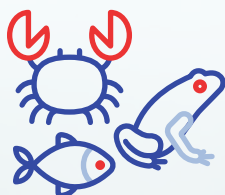
Lượng khách du lịch quốc tế đang tiến gần đến thời kỳ tiền đại dịch ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ. Sự phục hồi của du lịch trong giai đoạn 2021-2023 đã đi kèm với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ ở các nền kinh tế với tỷ trọng lớn của hoạt động du lịch trong GDP.



Môi trường



2,4 tỷ người vẫn đang sống trong tình trạng **khan hiếm nước**



81% các loài phụ thuộc vào các vùng đầm lầy đã **suy giảm** đáng kể từ năm 1970



Các hệ sinh thái liên quan đến nước trên thế giới đang bị suy thoái ở **mức báo động**



Trong **300** năm qua, **hơn 85%** vùng đất ngập nước trên hành tinh đã bị mất.



Nhiệt độ toàn cầu tăng tiếp tục không suy giảm, dẫn đến thời tiết khắc nghiệt hơn. Nhiệt độ đã **tăng 1,1 độ C** so với thời kì tiền công nghiệp



Tổng mức tiêu thụ năng lượng tái tạo tăng một phần tư (25%) từ năm 2010 đến 2019.



Trên toàn cầu, **tỷ lệ chất thải rắn đô thị** được thu gom là **82%**.



Năm 2022, lượng khí thải CO₂ toàn cầu từ quá trình đốt cháy năng lượng và công nghiệp hóa **đã tăng 0,9% và đạt mức cao kỷ lục 36,8 tỷ tấn**



Hơn 10 triệu ha rừng bị phá mỗi năm, **gần 90%** diện tích rừng bị phá trên toàn cầu là do mở rộng sản xuất nông nghiệp.



Ô nhiễm rác thải nhựa đang bóp nghẹt đại dương, **hơn 17 triệu tấn nhựa đổ vào đại dương** vào năm 2021 dự kiến sẽ tăng gấp đôi hoặc gấp ba vào năm 2040.



Xã hội



Số người sống trong cảnh nghèo cùng cực vào năm 2022 ghi nhận 657-676 triệu người so với số lượng trước đại dịch là 581 triệu người.



Hơn 600 triệu người trên toàn thế giới được dự báo đối diện tình trạng nạn đói trong năm 2030



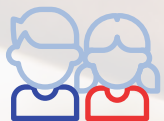
25 triệu trẻ em không được tiêm ngừa theo đúng lộ trình theo số thống kê năm 2021



Cứ 3 người thì có 1 người đang vật lộn với tình trạng đói kém và đói mất nghiêm trọng với an ninh lương thực.



Xung đột, COVID-19, biến đổi khí hậu và bất bình đẳng ngày càng gia tăng đang góp phần làm suy yếu an ninh lương thực trên toàn thế giới, cứ 10 sẽ có 1 người trên toàn thế giới đang bị đói.



Hơn 149,2 triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi (2020).



Phụ nữ chiếm 39% tổng số việc làm vào năm 2019, nhưng 45% mất việc làm trên toàn cầu vào năm 2020



2,2 triệu người đang thiếu nước sạch để sử dụng

3,5 triệu người thiếu tiêu chuẩn an toàn vệ sinh



84 triệu trẻ em có nguy cơ nghỉ học đến năm 2030



Tỷ lệ lao động nghèo tăng từ 6,7% năm 2019 lên 7,2% năm 2020.



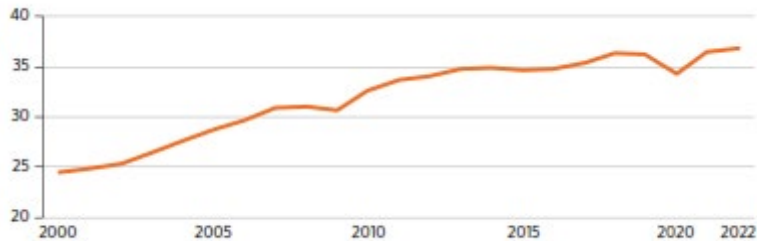
Hơn 300 triệu trẻ em đang thiếu kỹ năng cơ bản về đọc, viết và số học

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY THẾ GIỚI

Ngành dệt may là một trong những ngành gây ô nhiễm môi trường bậc nhất. Do đặc điểm của ngành là sử dụng nhiều năng lượng, nguyên nhiên liệu và hóa chất, gây phát thải khí nhà kính cao. Các quy trình xử lý hàng dệt may (sợi, vải và hàng may) có "dấu chân các-bon" lớn nhất vì sự thâm dụng nước cho các khâu giặt, giũ, tiền xử lý, nhuộm và hoàn tất sau xử lý. Tại hội thảo tập huấn về "Kiểm kê và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực dệt may" do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JICA) và Cục Biến đổi khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đồng tổ chức diễn ra vào ngày 08/11/2023. Tại hội thảo Ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu phát biểu rằng một số nghiên cứu đã chỉ ra ngành dệt may chiếm khoảng 6-10% lượng khí thải các-bon toàn cầu tương đương khoảng 1,7 tỷ tấn các-bon, cũng theo tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) mỗi năm ngành thời trang toàn cầu tiêu thụ khoảng 1,5 tỷ lít nước, nước thải chiếm 20% nước thải công nghiệp. Để giảm tác động đến môi trường các thương hiệu đang rất tích cực có những chiến lược phát triển bền vững cho sản phẩm của mình góp phần bảo vệ môi trường.

Năm 2022, lượng khí thải CO₂ toàn cầu từ quá trình đốt cháy năng lượng và công nghiệp hóa đã tăng 0,9% và đạt mức cao kỷ lục 36,8 tỷ tấn. Sau khi giảm hơn 5% vào năm 2020 trong thời kỳ đại dịch, lượng khí thải đã tăng lại hơn 6% vào năm 2021, vượt qua mức trước đại dịch do kích thích kinh tế và nhu cầu than tăng vọt.

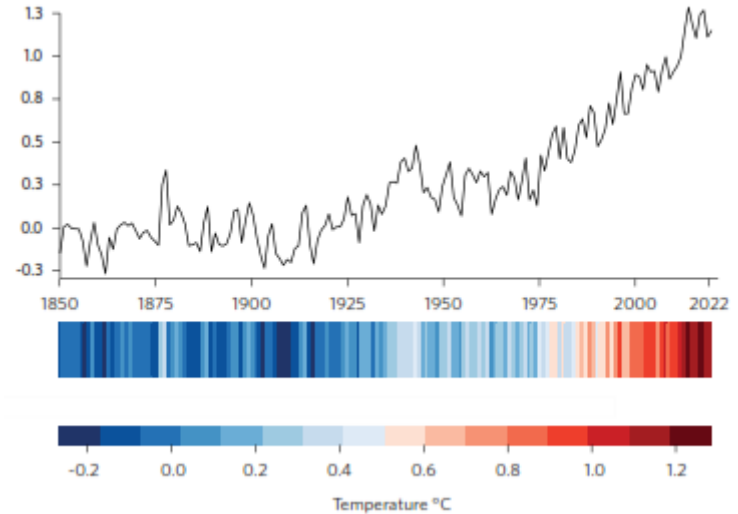
Lượng khí thải CO₂ toàn cầu từ quá trình đốt cháy năng lượng và công nghiệp hóa giai đoạn 2000-2022 (Tỷ tấn)



Nguồn: The Sustainable Development Goals Report 2023

Nhiệt độ toàn cầu đang tăng lên gây ra những đợt nắng nóng và các hiện tượng thời tiết bất thường trên toàn cầu. Báo cáo tổng hợp mới nhất về đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC¹) của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) cho thấy rằng các cam kết về khí hậu kết hợp của 193 thành viên theo Thỏa thuận Paris sẽ giảm nhẹ (0,3%) lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 so với mức năm 2019. Tuy nhiên, con số này không đạt được mức giảm phát thải 43% mà IPCC yêu cầu theo lộ trình 1,5°C và sẽ đẩy thế giới đến mức nóng lên so với thời kì tiền công nghiệp khoảng 2,5°C vào cuối thế kỷ này.

Nhiệt độ trung bình hàng năm toàn cầu so với thời kỳ tiền công nghiệp 1850-2022 (độ C)



Nguồn: The Sustainable Development Goals Report 2023

Vì là một trong những ngành đóng góp phát thải các-bon nhiều nhất nên bản thân ngành thời trang, dệt may nói riêng và các chính phủ nói chung đang có những hành động cụ thể để chống biến đổi khí hậu và ngành thời trang dường như đang có tiến bộ hơn trong việc thực hiện mục tiêu cắt giảm lượng phát thải các-bon. Dưới đây là một số hành động cụ thể của các chính phủ và các thương hiệu thời trang để ứng phó với hiện tượng thời tiết nóng lên toàn cầu và đạt mục tiêu chương trình nghị sự năm 2030.

¹ Nationally determined contribution.

HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH PHỦ

Có tới 16 điều luật liên quan đến thời trang và dệt may đã được thảo luận vào cuối năm 2023 chỉ riêng tại EU và sẽ có hiệu lực vào năm 2024. Các quy định này bao trùm toàn bộ chuỗi giá trị thời trang, từ sản phẩm, thiết kế để marketing và sẽ tác động đến người tiêu dùng và các công ty trên toàn cầu.

Những quy định tự nguyện của Liên minh Châu Âu về phát triển bền vững bị thay thế bởi những quy định bắt buộc

- Chiến lược dệt may tuần hoàn và bền vững của EU được giới thiệu vào tháng 6 năm 2023 để đạt được mục tiêu trung hòa khí hậu.
- Quy định về Thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững của EU ("ESPR") sẽ có hiệu lực đầy đủ vào năm 2025, đặt ra các tiêu chuẩn thiết kế tối thiểu về khả năng tái chế, độ bền, khả năng tái sử dụng, khả năng sửa chữa và sử dụng các chất độc hại cho các sản phẩm bán tại EU.
- "Hệ chiếu sản phẩm kỹ thuật số" chứa các thông tin sản phẩm để cung cấp cho khách hàng là bắt buộc.
- Chỉ thị mới về "Tuyên bố Xanh" của EU hạn chế việc "tẩy xanh"¹ bằng cách yêu cầu các tuyên bố liên quan đến tính bền vững phải cụ thể, có bằng chứng rõ ràng, được xác minh bởi các cơ quan độc lập và phải được truyền đạt một cách rành mạch.
- Để nâng cao tỷ lệ hàng dệt may tái chế (hiện tại là 1%) ngăn chặn việc đổ bỏ và thiêu hủy các sản phẩm dệt may, theo Chỉ thị Khung về Chất thải sửa đổi của EU, Trách nhiệm của Nhà sản xuất Mở rộng được áp đặt và các công ty được yêu cầu phải tài trợ cho việc thu gom, phân loại và tái chế chất thải dệt may.
- Để đảm bảo khả năng so sánh các chỉ số bền vững của các thương hiệu khác nhau, Chỉ thị Báo cáo Phát triển Bền vững Doanh nghiệp ("CSRD")² sẽ yêu cầu các công ty công bố công khai toàn diện về các hoạt động ESG³ trên khuôn khổ tiêu chuẩn hóa.

Những quy định của Mỹ

- Theo California SB 253 (đã được thông qua): Những doanh nghiệp có doanh thu hàng năm trên 1 tỷ USD hoạt động ở tiểu bang California phải báo cáo lượng phát thải từ phạm vi 1 đến phạm vi 3.
- Theo Đạo luật Trách nhiệm xã hội và Phát triển bền vững của New York (đang được đề xuất), các công ty may mặc có doanh thu toàn cầu hàng năm là 100 triệu USD hoạt động tại New York được yêu cầu cung cấp tính minh bạch của chuỗi cung ứng, công bố cụ thể các tiêu chí ESG.

1 Tẩy xanh-Greenwashing: là khái niệm ám chỉ hành vi các thương hiệu thời trang sử dụng thời trang bền vững là hình thức tiếp thị cho doanh nghiệp của mình nhưng lại không cam kết toàn diện với các quy chuẩn nghiêm ngặt của thời trang bền vững.

2 Corporate Sustainability Reporting Directive.

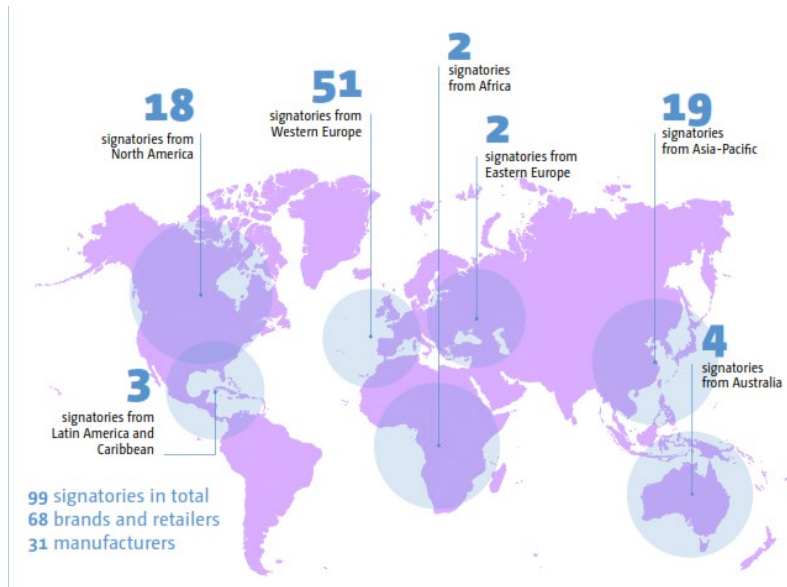
3 Environmental, social, and corporate governance.



HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC THƯƠNG HIỆU

Báo cáo đặc biệt của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu năm 2018 về sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C nhấn mạnh tính cấp bách và những hành động cần thiết để giữ cho hành tinh được an toàn. Trước bờ vực nguy hiểm của biến đổi khí hậu, ngành thời trang cần có những hành động ngay lập tức để có thể đạt được các mục tiêu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và hướng tới mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Ủy ban Biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc (UN Climate Change) đã khởi xướng một kế hoạch hành động về khí hậu rộng hơn, tập hợp các bên liên quan trong lĩnh vực thời trang để phát triển quan điểm thống nhất, mạch lạc về khí hậu. Dưới sự khởi xướng đó Hiến chương ngành thời trang hành động vì khí hậu (Fashion Industry Charter for Climate Action) ra đời hay gọi tắt là Hiến chương thời trang (Fashion Charter). Mục tiêu chính của hiến chương là đưa ngành thời trang đạt mức phát thải ròng bằng 0 không muộn hơn năm 2050. Bên cạnh đó chương trình hiến chương cũng là cơ hội kết nối các bên liên quan trong ngành thời trang gồm các nhà sản xuất nguyên liệu thô, các nhà sản xuất dệt may, nhà sản xuất hàng may mặc và các thương hiệu để xác định các lĩnh vực hành động mới và mở rộng các sáng kiến hiện có nhằm kết nối chuỗi giá trị của nhau.

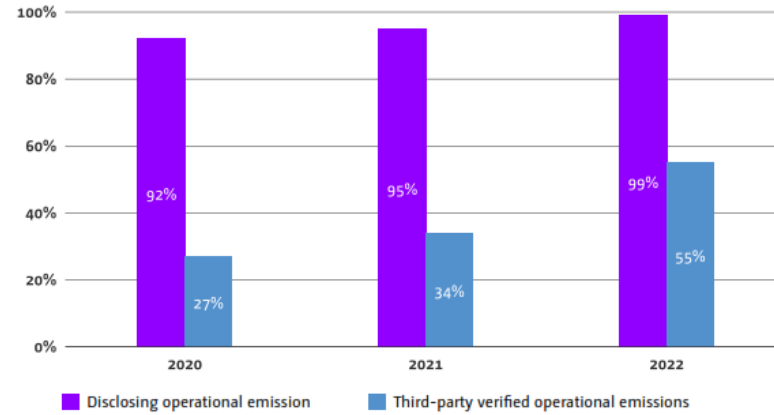
Tính đến ngày 22 tháng 2 năm 2023, 99 công ty (các bên ký kết) bao gồm các thương hiệu, nhà cung cấp và nhà bán lẻ đã cam kết thực hiện các mục tiêu của Hiến chương Ngành Thời trang Hành động vì Khí hậu.



Nguồn: Climate Action-Fashion Industry Charter

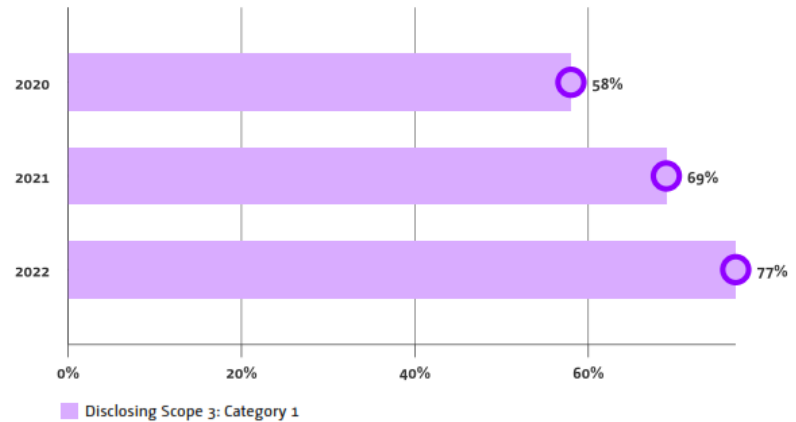
Các bên ký kết đang gia tăng việc công bố dữ liệu về “phát thải hoạt động” (operational emissions-Scope 1 & Scope 2) và xác nhận của bên thứ 3 về dữ liệu mà họ công bố. Bên cạnh đó, trong những năm qua, các bên ký kết đã công bố lượng phát thải Loại 1 thuộc Phạm vi 3 của họ tăng khoảng 20%. Vào năm 2022, 77% bên ký kết đã cung cấp ước tính Phạm vi 3 của họ thông qua CDP.

Các bên ký kết ngày càng gia tăng việc công bố dữ liệu về “phát thải hoạt động” (operational emissions-Scope 1 & Scope 2) và xác nhận của bên thứ 3



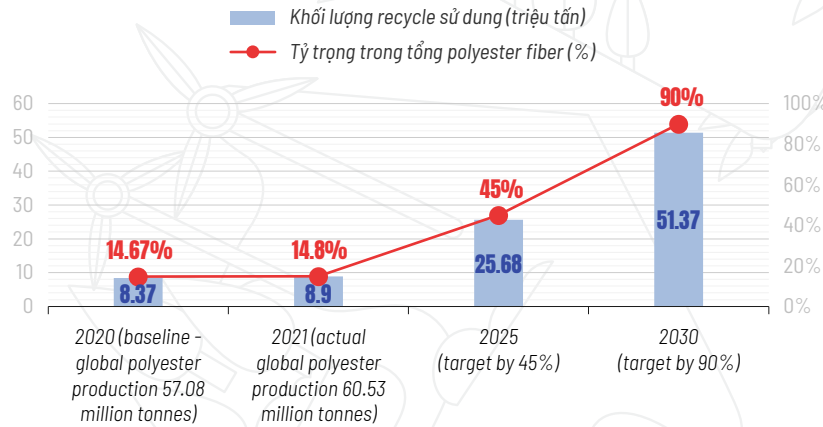
Nguồn: Climate Action-Fashion Industry Charter

Các bên ký kết ngày càng gia tăng công bố Phạm vi 3: Phát thải loại 1



Nguồn: Climate Action-Fashion Industry Charter

Theo báo cáo “2025 Recycled Polyester Challenge - Textile Exchange” tính đến năm 2021, đã có 132 thương hiệu bao gồm Nike, Adidas, Puma, Inditex, Old Navy, New Balance, H&M, Lululemon, VF Group, Decathlon, Gap, Kering, Kmart đã cam kết vào lộ trình nâng cao tỷ trọng sử dụng sợi recycle cho đến 2025. Theo thống kê của Textile Exchange đến 2021 tỷ trọng sợi polyester tái chế trong tổng khối lượng sợi polyester tiêu thụ (60,53 triệu tấn) đạt 14,8% (tương đương 8,9 triệu tấn). Dự kiến, tỷ trọng sợi polyester tái chế sẽ tăng từ 14,8% (2021) lên 45% (2025) và đạt 90% vào năm 2030 (nguồn: Textile Exchange). Bên cạnh đó các thương hiệu đã cam kết giữ mức nhiệt độ toàn cầu gia tăng không vượt quá 1.5% so với thời kỳ tiền công nghiệp, giảm 50% KNK vào năm 2030 và hướng tới net-zero tới năm 2050 để đạt được các mục tiêu đó các thương hiệu đang có những chiến lược như: sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng tới sử dụng 100% điện tái tạo, hướng tới sử dụng 100% nguyên liệu tái chế, khuyến khích các nhà cung ứng đồng hành thực hiện mục tiêu chung cho phát triển bền vững.

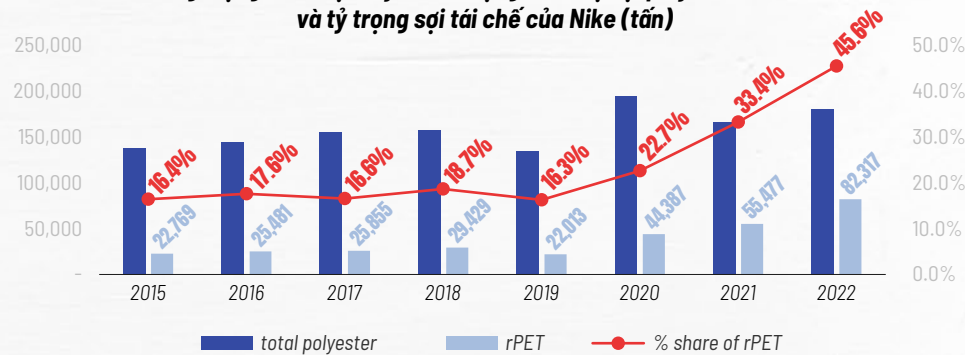


Lộ trình cam kết sử dụng nguyên liệu tái chế của các nhãn hàng thời trang



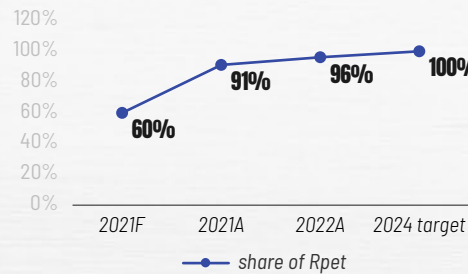
SỐ LƯỢNG TUYỆT ĐỐI VÀ PHẦN TRĂM TĂNG TRƯỞNG TRONG POLYESTER TÁI CHẾ CỦA CÁC THƯƠNG HIỆU TRONG CÁC NĂM GẦN ĐÂY

Tổng lượng tiêu thụ Polyester, lượng tiêu thụ sợi polyester tái chế và tỷ trọng sợi tái chế của Nike (tấn)

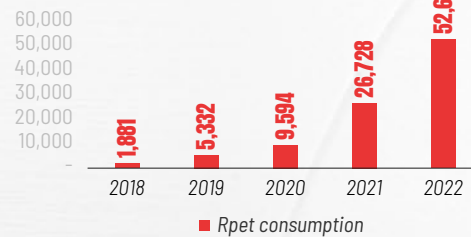


Nguồn: Báo cáo thường niên của Nike

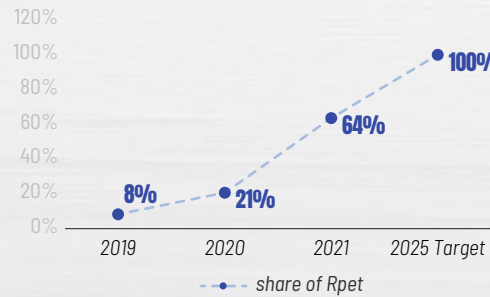
Tỷ lệ sợi tái chế của Adidas



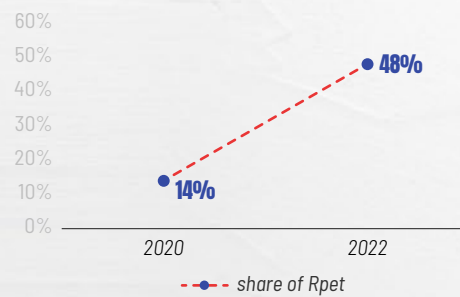
Tiêu thụ sợi tái chế của Inditex qua các năm (tấn)



Tỷ lệ tiêu thụ sợi tái chế của H&M



Tỷ lệ tiêu thụ sợi tái chế của Puma



Nguồn: Báo cáo thường niên các thương hiệu

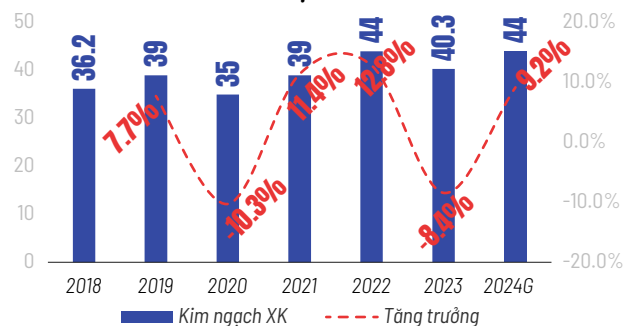
BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM



Tổng quan ngành dệt may Việt Nam năm 2023

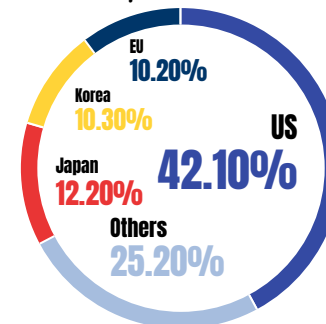
Theo Hội nghị tổng kết ngành dệt may do Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS) tổ chức ngày 16/12/2023, do các yếu tố bất lợi như lạm phát, sức mua sụt giảm ở các thị trường tiêu thụ dệt may chủ lực như Hoa Kỳ, EU, nên kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam năm 2023 đạt khoảng 40.3 tỷ USD, giảm 9.2% so với 2022.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DỆT MAY QUA CÁC NĂM VÀ KẾ HOẠCH 2024



Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam

XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2023



Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam

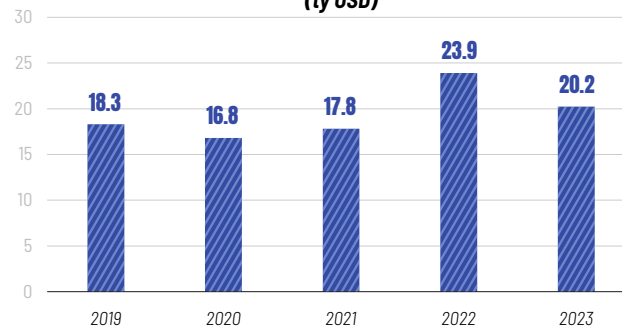
Mặc dù vậy, theo số liệu của UN Comtrade trong 10 tháng đầu năm 2023, Việt Nam vẫn duy trì được thị phần và vị trí số 2 trong xuất khẩu hàng may mặc tại thị trường Mỹ, Nhật Bản, Canada, vị trí thứ 5 ở thị trường EU và vị trí thứ 6 ở thị trường UK. Ngoài ra, do tốc độ sụt giảm kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam tại thị trường EU, UK, Canada thấp hơn so với mức sụt giảm của thị trường chung và thậm chí Việt Nam còn đạt mức tăng trưởng +4,2% tại thị trường Nhật Bản nên thị phần của Việt Nam tại các thị trường này có tăng nhẹ.

VITAS đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu dệt may trong năm 2024 là 44 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2023 dựa trên triển vọng phục hồi của nhu cầu toàn cầu trong năm 2024.

Tổng quan da giày Việt Nam 2023

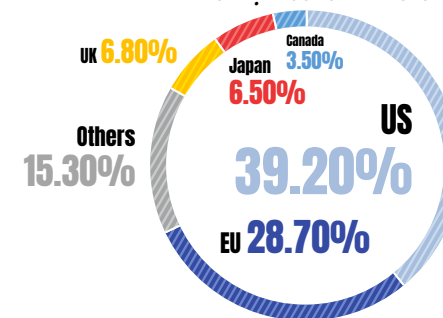
Theo số liệu của Tổng Cục Thống Kê, kim ngạch xuất khẩu da giày của Việt Nam năm 2023 đạt 20,24 tỷ USD, giảm 15,3% so với 2022 do nhu cầu sụt giảm ở các thị trường lớn. Mặc dù vậy, mức sụt giảm của Việt Nam vẫn thấp hơn mức sụt giảm bình quân của các thị trường EU, Nhật Bản, UK. Nhờ vậy, Việt Nam vẫn duy trì vị trí thứ 2 trên bản đồ xuất khẩu giày dép thế giới.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DA GIÀY CỦA VIỆT NAM ĐẾN THÁNG 2023 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

XUẤT KHẨU DA GIÀY VIỆT NAM THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

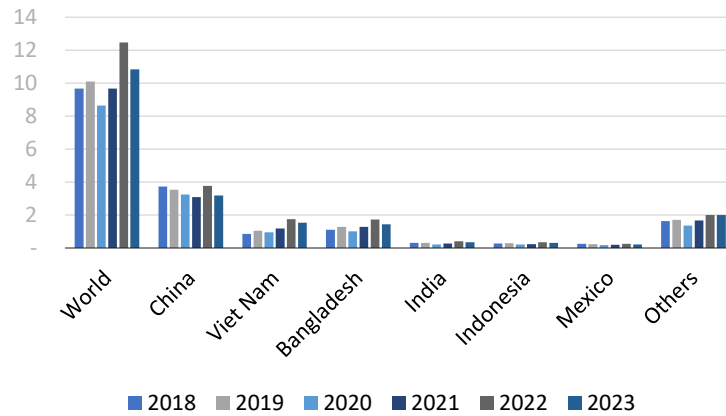


Nguồn: Tổng cục Hải Quan, UN COMTRADE

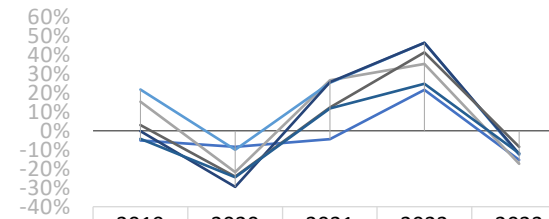
Tổng quan các thị trường nhập khẩu chủ lực dệt may và da giày của Việt Nam trong năm 2023

CANADA

NHẬP KHẨU HÀNG MAY MẶC CỦA CANADA ĐẾN NĂM 2023
(ĐƠN VỊ: TỶ USD)



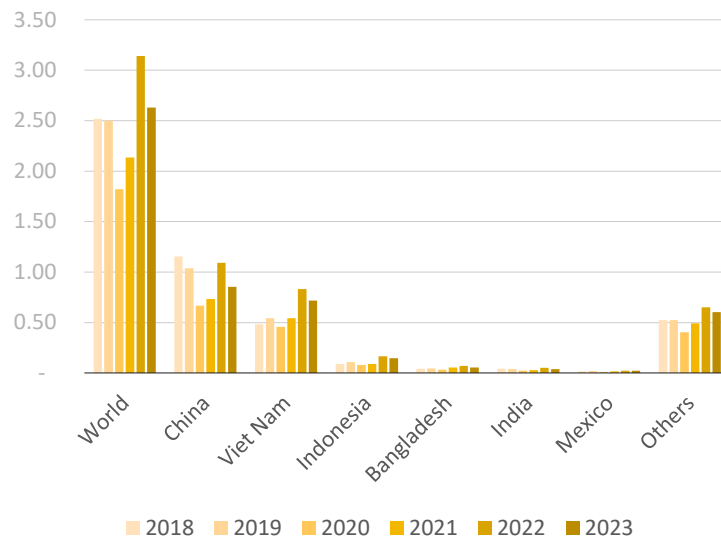
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC TỚI CANADA



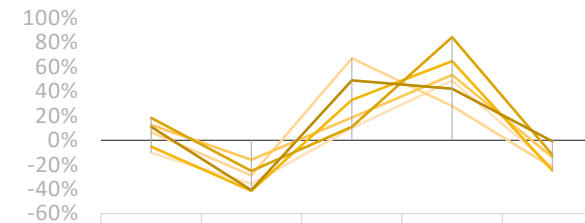
	2019	2020	2021	2022	2023
China	-5.0%	-8.4%	-4.3%	21.6%	-15.3%
Bangladesh	15.4%	-21.8%	26.7%	35.4%	-17.4%
Viet Nam	21.8%	-9.9%	25.3%	46.4%	-12.6%
India	-0.2%	-29.5%	25.7%	46.5%	-12.1%
Indonesia	3.1%	-24.1%	12.4%	41.3%	-8.3%
Mexico	-4.1%	-24.3%	11.9%	24.9%	-11.8%

China Bangladesh Viet Nam
India Indonesia Mexico

GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG DA GIÀY CỦA CANADA ĐẾN NĂM 2023
(ĐƠN VỊ: TỶ USD)



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU DA GIÀY TỚI CANADA

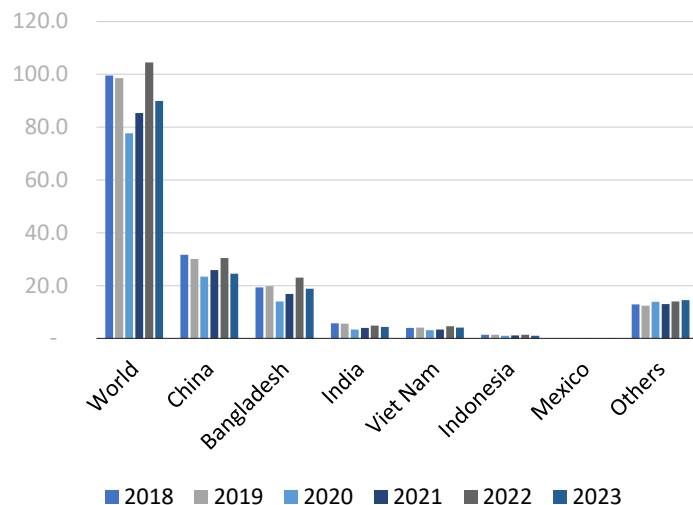


	2019	2020	2021	2022	2023
China	-10.1%	-35.7%	10.0%	48.7%	-21.7%
Bangladesh	6.5%	-28.9%	67.0%	28.1%	-22.2%
Viet Nam	12.7%	-16.0%	18.6%	53.4%	-13.9%
India	-5.2%	-41.3%	33.2%	64.8%	-24.6%
Indonesia	18.3%	-25.2%	11.0%	84.4%	-11.9%
Mexico	11.0%	-40.9%	49.1%	42.3%	-0.8%

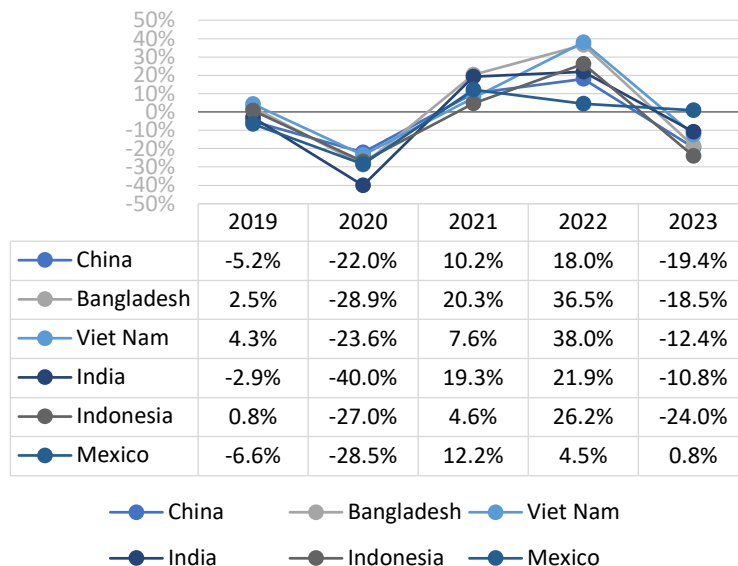
China Bangladesh Viet Nam
India Indonesia Mexico

LIÊN MINH CHÂU ÂU - EU

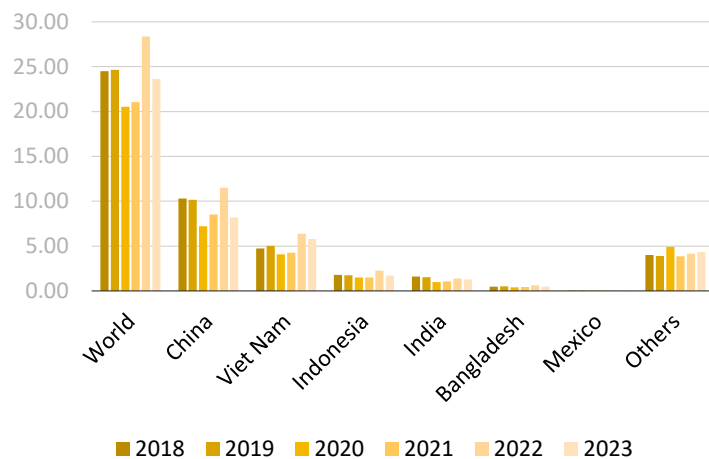
NHẬP KHẨU HÀNG MAY MẶC CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐẾN NĂM 2023
(ĐƠN VỊ: TỶ USD)



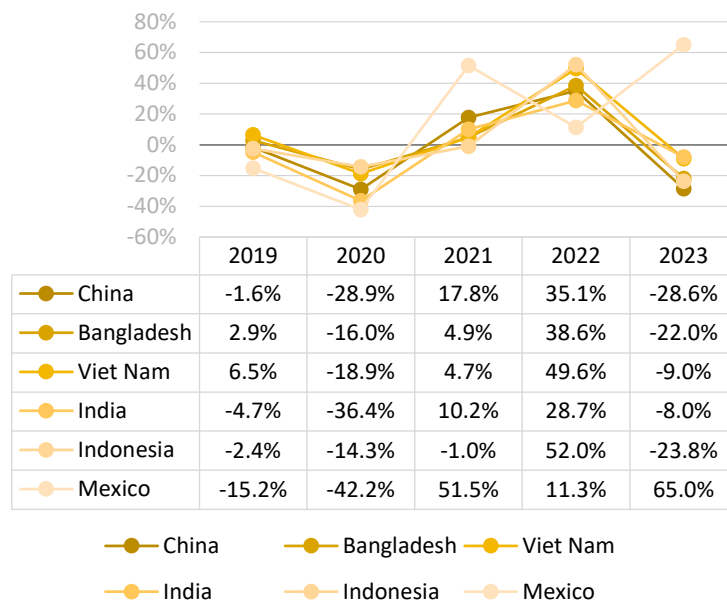
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC TỚI LIÊN MINH CHÂU ÂU



GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG DA GIÀY CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐẾN NĂM 2023
(ĐƠN VỊ: TỶ USD)

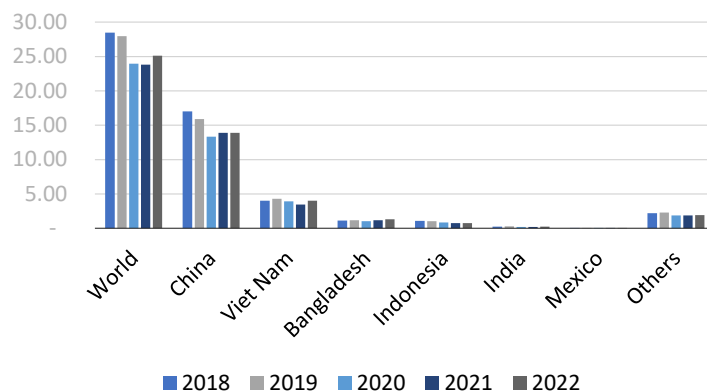


TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU DA GIÀY TỚI LIÊN MINH CHÂU ÂU

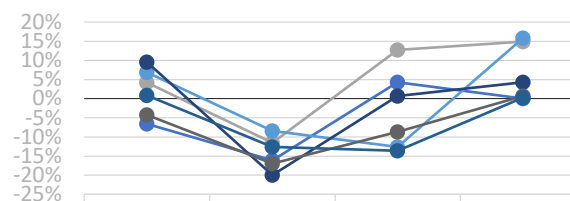


NHẬT BẢN

GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA NHẬT BẢN ĐẾN NĂM 2022 (ĐƠN VỊ: TỶ USD)



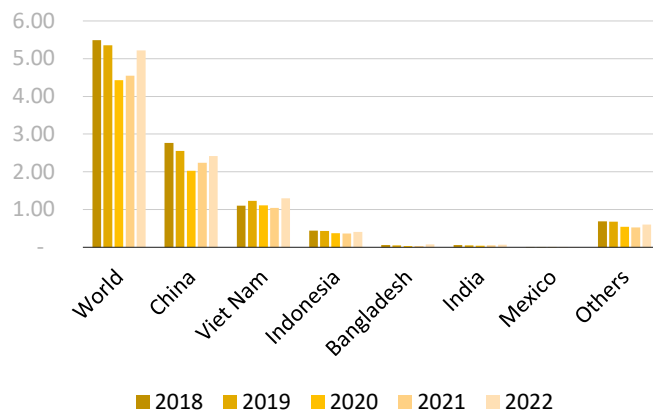
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC TỚI NHẬT BẢN



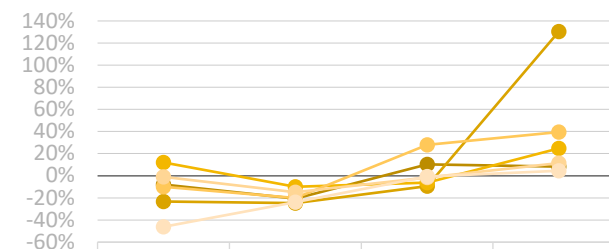
	2019	2020	2021	2022
China	-6.6%	-16.1%	4.3%	0.0%
Viet Nam	4.2%	-11.5%	12.7%	14.9%
Bangladesh	6.9%	-8.4%	-12.6%	15.9%
Indonesia	9.6%	-20.0%	0.7%	4.3%
India	-4.3%	-17.0%	-8.7%	0.7%
Mexico	0.9%	-12.6%	-13.6%	0.2%



GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU DA GIÀY CỦA NHẬT BẢN ĐẾN NĂM 2022 (ĐƠN VỊ: TỶ USD)



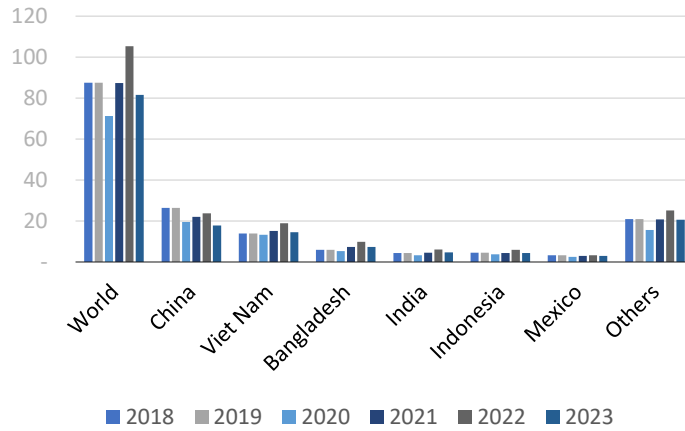
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU DA GIÀY TỚI NHẬT BẢN



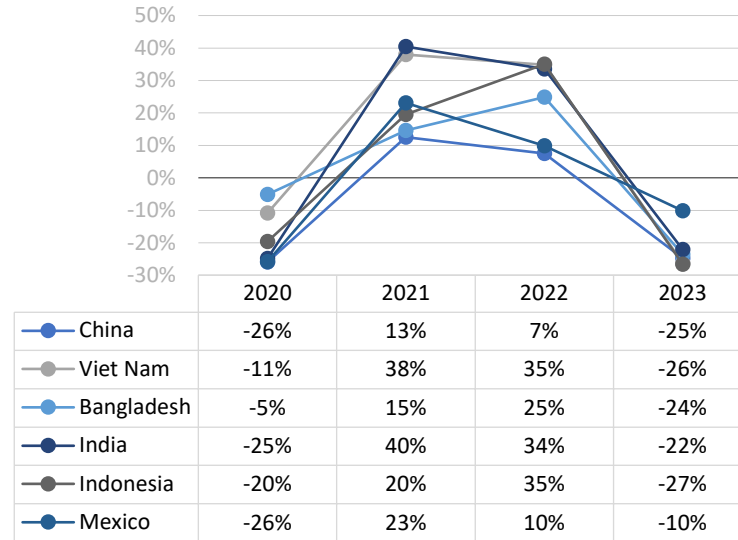
	2019	2020	2021	2022
China	-7.9%	-20.6%	10.4%	8.2%
Bangladesh	-23.2%	-24.9%	-9.5%	130.5%
Viet Nam	12.0%	-10.0%	-6.1%	24.8%
India	-10.0%	-20.1%	27.9%	39.5%
Indonesia	-1.0%	-15.0%	-1.7%	11.4%
Mexico	-46.1%	-24.0%	-0.8%	4.4%



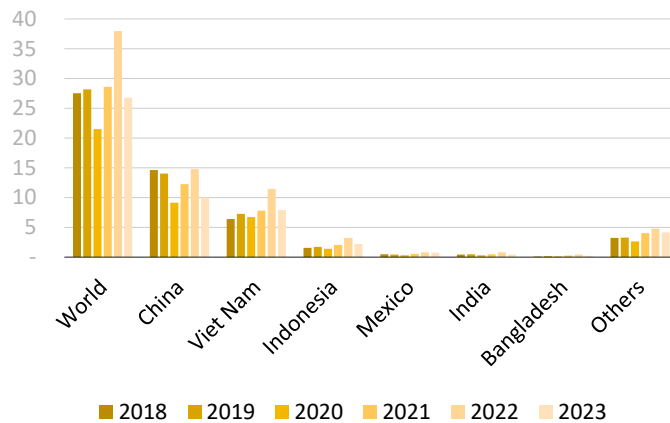
**GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA MỸ ĐẾN NĂM 2023
(ĐƠN VỊ: TỶ USD)**



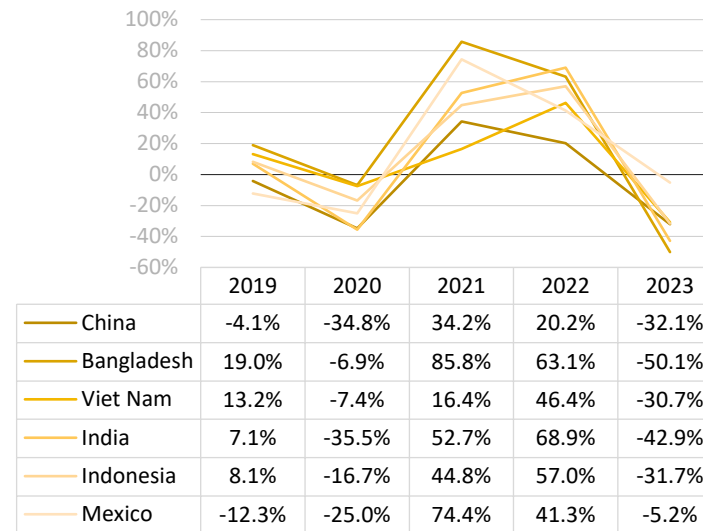
**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA
XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC TỚI MỸ**



**GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG DA GIÀY CỦA MỸ ĐẾN NĂM 2023
(ĐƠN VỊ: TỶ USD)**

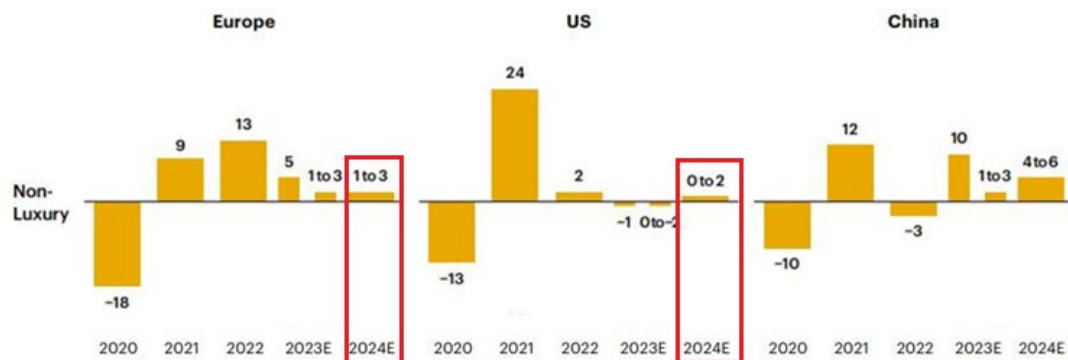


**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC QUỐC GIA
XUẤT KHẨU DA GIÀY TỚI MỸ**



Theo báo cáo “The State of Fashion 2024” của McKinsey, mặc dù ngành dệt may còn nhiều thách thức nhưng triển vọng của ngành trong năm 2024 sẽ sáng sủa hơn so với 2023. McKinsey dự báo doanh số bán lẻ của ngành thời trang phân đoạn phổ thông sẽ tăng trưởng khoảng 1%-3% ở thị trường Châu Âu và 0%-2% ở thị trường Mỹ. McKinsey cũng dự báo tốc độ tăng trưởng của mảng thời trang thể thao và thời trang dã ngoại sẽ cao hơn so với các mảng thời trang khác do xu hướng người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới lối sống lành mạnh và sức khỏe.

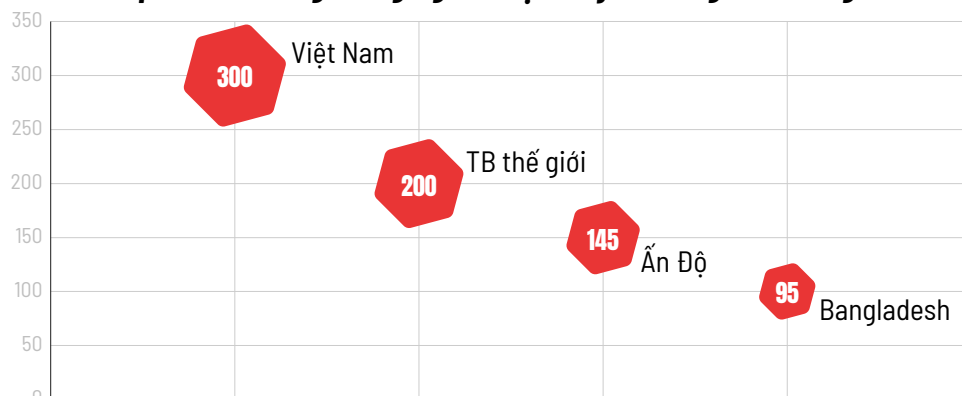
Retail sales year-on-year growth by region and segment, %



Nguồn: MC Kinsey

Mặc dù cả ngành dệt may và da giày có xu hướng giảm trong năm 2023 do nhiều nguyên nhân khách quan. Một trong những nguyên nhân là sự dịch chuyển đơn hàng sang các nước có chi phí nhân công thấp hơn như Pakistan, Bangladesh, Ấn Độ...theo thống kê lương trung bình hàng tháng của công nhân ngành may mặc tại Việt Nam ở mức 300 USD, cao hơn so với mức trung bình 200 USD/người trên thế giới cũng theo đó mức lương trong ngành dệt may tại Việt Nam đang cao hơn nhiều lần so với mức lương tại Bangladesh (95 USD/người/tháng) hay Ấn Độ (145 USD/người/tháng).

Chi phí nhân công trong ngành dệt may USD/người/tháng



Nguồn: Bộ Công Thương



Trước đây, lợi thế của ngành dệt may Việt Nam là lao động dồi dào, chi phí tiền lương cho nhân công ở mức thấp. Với lợi thế đó, dệt may trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam khi đóng góp trên 10% cho kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Trong những năm gần đây chi phí nhân công dần tăng lên hạn chế phần nào năng lực cạnh tranh của Việt Nam. Tuy nhiên, ở khía cạnh tích cực, đây lại là động lực cho ngành để áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến góp phần nâng cao năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Mặc dù chi phí nhân công tăng nhưng bên cạnh đó trình độ nhân công được cải thiện đáng kể.

Theo báo cáo của US. FIA điểm mạnh và điểm yếu của của các quốc gia gia công trong ngành dệt may. Mặc dù chi phí nhân công của Việt Nam có đắt hơn so với Bangladesh và Indonesia (điểm đánh giá của Việt Nam, Bangladesh và Indonesia lần lượt là 3.5, 4.5, 4) nhưng xét về độ linh hoạt và thích ứng nhanh thì Việt Nam có điểm đánh giá cao hơn so với hai nước còn lại là Bangladesh và Indonesia với điểm đánh giá lần lượt là 4, 3.5, 3.5.

Table 2-1 Strengths and weaknesses of primary sourcing bases in 2023—by country

Region	Sourcing destination	Speed to market	Sourcing cost	Flexibility and agility	Risk of labor and social compliance	Risk of environmental compliance
Western Hemisphere	USA	4.5	2.0	3.0	4.0	4.0
	Mexico	4.0	2.5	3.5	3.0	3.0
	CAFTA-DR	4.0	3.5	3.5	3.5	3.5
Asia	China	3.5	3.5	4.0	1.5	2.5
	Vietnam	3.0	3.5	4.0	2.5	2.5
	Bangladesh	2.0	4.5	3.5	2.5	2.5
	Indonesia	2.5	4.0	3.5	3.0	3.0
	India	2.5	3.5	3.5	3.0	2.5
	Sri Lanka	2.5	3.5	3.5	3.5	3.0
	Cambodia	2.5	3.5	3.0	2.5	3.0
Rest of the world	Europe	3.0	2.0	3.0	3.5	4.0
	Turkey	3.0	3.0	3.5	3.0	3.0
	AGOA	2.0	4.0	3.0	3.0	2.5
	Egypt	3.0	3.5	3.0	3.0	3.0

Nguồn: US.FIA

Theo các khảo sát của các thương hiệu và nhà bán lẻ đánh giá mức độ cạnh tranh của các nhà cung ứng cũng cho thấy. Ngoài việc đạt tổng điểm là 46, cao nhất trong 6 quốc gia được khảo sát (Bangladesh, Campuchia, Lào, Nepal, Trung Quốc và Việt Nam). Việt Nam còn đạt điểm số ấn tượng ở các chỉ tiêu như chất lượng sản phẩm, khả năng tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm, sự sáng tạo và khả năng phát triển sản phẩm theo yêu cầu của người mua, năng suất, sự linh hoạt của số lượng đơn đặt hàng và môi trường chính trị ổn định (hầu hết ở mức điểm 4 đến 4.5 và mức điểm cao nhất là mức 5). Bên cạnh đó, Việt Nam được đánh giá cao ở tiêu chí Compliance/Sustainability (Tuân thủ/Bền vững) đạt mức 3.5 điểm cao nhất trong 6 quốc gia được đánh giá.

Criteria/Country	Bangladesh	Cambodia	Lao PDR	Nepal	China	Vietnam
Production quality	3.5	3.5	3.5	2	4.5	4.5
Ability to create value added products	3	3	2.5	2	4.5	4
Vertical integration/ability to source raw materials	2	2	2.5	3	5	3
Innovation and ability to develop products with buyers	3	2	2.5	2.5	4.5	4
Efficiency	3	3	2	3	4.5	4
Lead time	3.5	3	2	2	4	4.5
Price	4.5	4.5	3	3	3	4
Tariff advantages	3.5	2	3	3	2	3
Flexibility of order quantity	3	2.5	2.5	2.5	4	4
Financial stability	2	1.5	2	2	3	3
Political stability	2.5	3.5	3	3	2.5	4.5
Compliance/Sustainability	2	2.5	2	2	2	3.5
Total	35.5	33.0	30.5	30.0	43.5	46.0
Benchmark	60	60	60	60	60	60

Nguồn: Textiles and clothing in Asia graduating LDCs - WTO

Theo hiệp hội dệt may Việt Nam mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh trong năm 2023, tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam vẫn có một số đột phá. Năm 2023 là năm ghi nhận xuất khẩu các sản phẩm ngành dệt may Việt Nam sang nhiều thị trường nhất trong các năm gần đây, tới hơn 104 quốc gia và vùng lãnh thổ.

WTO cũng nhận định môi trường chính trị và xã hội của Việt Nam ổn định hơn so với Bangladesh và Ấn Độ- các quốc gia đa đảng, VND ổn định so với USD bên cạnh đó chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc là một yếu tố khác thúc đẩy các doanh nghiệp quốc tế chuyển cơ sở sản xuất của mình sang Việt Nam vì nhiều doanh nghiệp lo ngại về thuế quan và các hạn chế thương mại mà họ có thể phải đối mặt nếu hoạt động sản xuất vẫn ở Trung Quốc.

Từ các nhận định trên có thể thấy Việt Nam vẫn là điểm đến lý tưởng trong lĩnh vực gia công nói chung và gia công ngành dệt may nói riêng.

Với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các hiệp định thương mại tự do (FTA) ngày càng gia tăng nhanh chóng. Các hiệp định FTA này giúp các quốc gia thành viên phát triển sâu rộng, gắn kết với phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và liên kết toàn cầu.



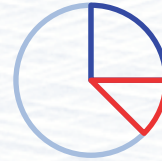
Đến tháng 08-2023 Việt Nam đàm phán và ký kết thành công nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác thương mại trên toàn thế giới.

16 FTA đã được kí kết thành công

3 FTA đang trong quá trình đàm phán và khởi động đàm phán



Các FTA tạo ra các ưu đãi về cắt giảm thuế quan giúp tăng trưởng xuất khẩu dệt may Việt Nam, hàng dệt may sẽ được hưởng thuế xuất nhập khẩu ưu đãi tới 0% mang lại lợi thế cạnh tranh lớn.



Nhập khẩu vải và nguyên phụ liệu chiếm khoảng 40% giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc, 70% vải nhập khẩu phục vụ cho mục đích may xuất khẩu. Chi phí cho nhập khẩu nguyên phụ liệu chiếm khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp.



Hiệp định CPTPP có hiệu lực từ 30/12/2018

Năm 2022, giá trị xuất khẩu sang các nước CPTPP tăng 19,5%, đạt 542 triệu USD.

Với những điều khoản trong CPTPP đã thúc đẩy tăng kim ngạch xuất khẩu dệt may và tạo điều kiện phát triển xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong thời gian tới.



EVFTA có hiệu lực từ 01/08/2021

Kim ngạch XK của Việt Nam sang EU mới chỉ chiếm khoảng 6% tổng kim ngạch XK dệt may của Việt Nam trước năm 2021

Các chính sách EVFTA giúp kim ngạch XK của Việt Nam sang EU tăng 8% trong năm 2021. Đặc biệt, sang năm 2022 có sự tăng trưởng nhanh giá trị XK sang EU, trong đó thị trường chính là Đức tăng 57%.



RCEP có hiệu lực từ 01/01/2022

Chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may thế giới.

RCEP sẽ giúp tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu dệt may sang 6 nước cũng cùng tham gia với CPTPP.



UKVFTA có hiệu lực từ 01/05/2021

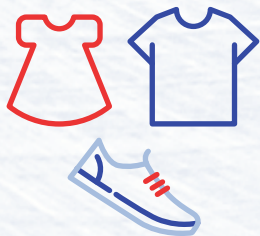
Nhập khẩu dệt may của Anh trước năm 2021

21% từ Trung Quốc

15% từ Bangladesh

Chỉ khoảng 2% từ Việt Nam

Năm 2021, giá trị này đạt 628 triệu USD, tăng 5% so với năm 2020.

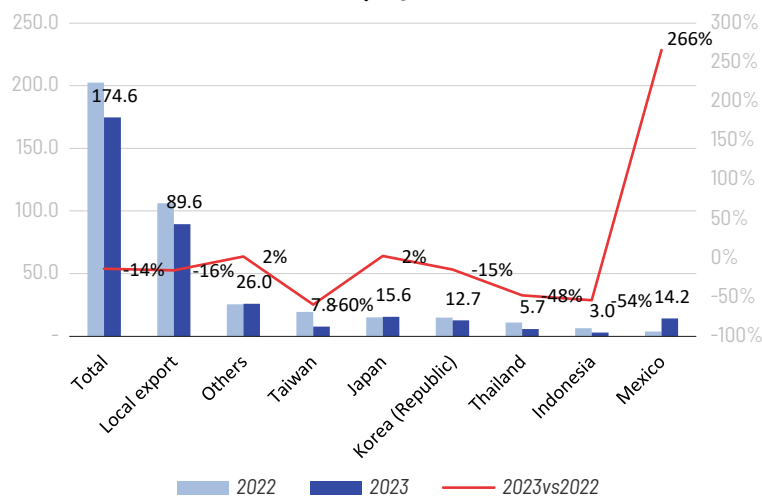


Tỷ lệ tận dụng lợi thế từ các FTA hiện chỉ đạt mức 20-25%. Tăng kim ngạch xuất khẩu dệt may chỉ tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nội địa chiếm tỉ trọng nhỏ.

Nguồn: STK tổng hợp từ website Viện Nghiên Cứu Chiến Lược, Chính Sách Công Thương, Bộ Công Thương

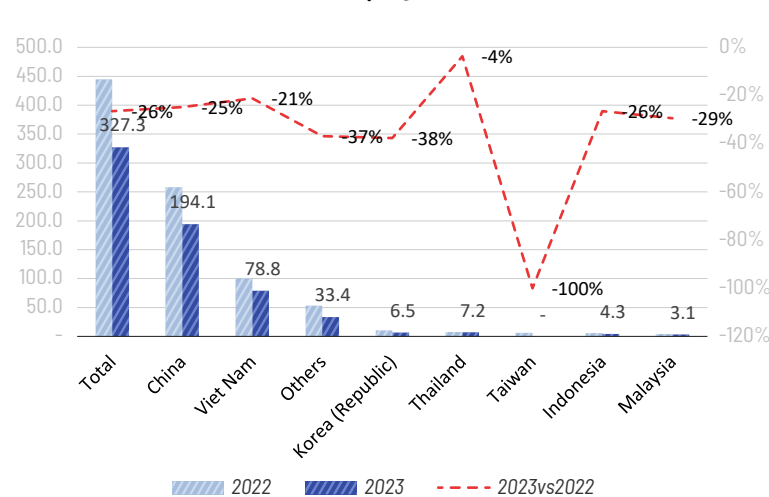
Tình hình xuất nhập khẩu sợi polyester của Việt Nam

Khối lượng xuất khẩu sợi Polyester của Việt Nam trong năm 2023
(Đơn vị: Ngàn tấn)



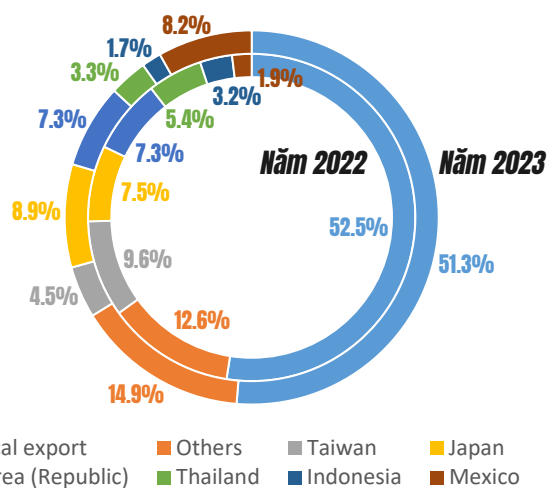
Nguồn: STK tổng hợp

Khối lượng nhập khẩu sợi polyester của Việt Nam trong năm 2023
(Đơn vị: Ngàn tấn)



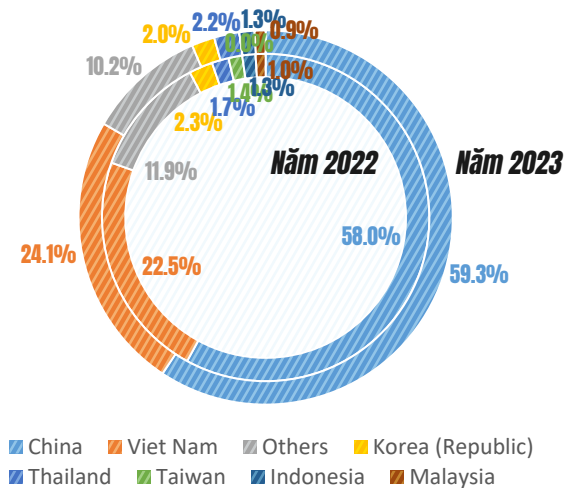
Nguồn: STK tổng hợp

Cơ cấu xuất khẩu sợi Polyester của Việt Nam trong năm 2022 và 2023



Xét về xuất khẩu thì xuất khẩu tại chỗ vẫn đang chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xuất khẩu sợi polyester của Việt Nam tỷ lệ xuất khẩu tại chỗ là 52,5% và 51,3% trong hai năm 2022 và 2023. Các thị trường xuất khẩu trực tiếp chủ lực của Việt Nam trong năm 2023 là Nhật Bản (8,9%), Mexico (8,2%), Hàn Quốc (7,3%), Đài Loan (4,5%), Thái Lan (3,5%).

Cơ cấu nhập khẩu sợi Polyester của Việt Nam trong năm 2022 và 2023



Xét về nhập khẩu tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc vẫn đang mức cao 58% và 59,3% trong năm 2022 và 2023. Trong năm 2023 tỷ trọng nhập khẩu tại chỗ từ Việt Nam là 24,1% và tỷ lệ nhập khẩu tại thị trường Đài Loan là 10,2%.

"Xanh hóa" ngành dệt may hiện tại là xu thế toàn cầu. Hiện nay, các yếu tố "xanh hóa" này không còn là lựa chọn mà đang dần bắt buộc tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam. Nếu như trước đây, các tiêu chuẩn này chỉ liên quan đến hoá chất, thuốc nhuộm được sử dụng trên nền tảng vải, thì giờ đây là yêu cầu sản phẩm sản xuất ra có bao nhiêu phần trăm từ nguyên liệu tái chế, bao nhiêu phần trăm có thể tuần hoàn, các yếu tố về tuổi thọ của sản phẩm...

Hiện nay, tỷ trọng sợi polyester tái chế (sợi polyester recycle hay sợi recycle) trên tổng lượng sợi polyester xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam vẫn còn thấp. Tỷ trọng sợi polyester tái chế nhập khẩu trên tổng khối lượng polyester nhập khẩu trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 12,2% và 13,1%. Về xuất khẩu tỷ trọng sợi polyester tái chế trên tổng khối lượng polyester là 12% và 6,2% lần lượt trong năm 2022 và 2023.

Import/Year	2022	2023
vPet import volume (tons)	390,577	284,504
rPet import volume (tons)	54,267	42,823
rPet import volume/ total polyester import volume	12.2%	13.1%

Export/Year	2022	2023
vPet export volume (tons)	178,182	163,849
rPet export volume (tons)	24,388	10,757
rPet export volume/ total polyester export volume	12.0%	6.2%

Nguồn: STK tổng hợp

Đây vừa là thách thức vừa là cơ hội cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chuyển mình đáp ứng các tiêu chuẩn "xanh hóa" trong sản xuất dệt may để có thể giúp doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các nhà nhập khẩu từ các thị trường lớn trên thế giới, cùng với đó là phát triển bền vững doanh nghiệp.

Nắm bắt cơ hội phát triển và gắn kết với xu hướng phát triển bền vững, Sợi Thế Kỳ ngày càng tăng dần tỷ trọng cơ cấu sợi thân thiện với môi trường như sợi tái chế, tỷ trọng doanh thu sợi tái chế trên tổng doanh thu tăng dần qua các năm từ mức 44% năm 2020 lên đến 55% trong năm 2022. Năm 2023 tỷ trọng doanh thu sợi tái chế trong tổng doanh thu có giảm về mức 49,5% do tình trạng khó khăn chung của ngành dệt may nhưng công ty vẫn kiên định hướng tới mục tiêu 60%-70% trong giai đoạn 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu.

Đến 2023, Sợi Thế Kỳ đã gián tiếp tái chế 4,6 tỷ chai nhựa rác thải thành sợi recycle, góp phần giảm rác thải chai nhựa và bảo vệ môi trường.



Bên cạnh đó STK cũng đã phát triển sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, tạo ra giải pháp thay thế công đoạn nhuộm truyền thống, giúp các khách hàng giảm lượng nước sạch tiêu thụ tới 89%, đồng thời giảm tương ứng mức xả nước thải và hóa chất ra môi trường, góp phần đạt được các cam kết của họ trong chiến dịch ZDHC. Mặc dù tỷ lệ đóng góp trong doanh thu của sợi màu còn khiêm tốn 0,9% năm 2022 và 0,83% năm 2023, Công ty cũng đang tích cực mở rộng thêm nhiều khách hàng mua sản phẩm này và dự kiến tỷ trọng sản phẩm sợi màu sẽ tăng trong các năm tới.

ZDHC là viết tắt của Zero Discharge of Hazardous Chemicals, là một tổ chức chuyên về loại bỏ các hóa chất nguy hiểm và thực hành áp dụng các hóa chất bền vững trong lĩnh vực thời trang. Chương trình Roadmap to Zero của ZDHC, mục tiêu là dẫn dắt ngành thời trang loại bỏ các hóa chất độc hại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu bằng cách xây dựng nền tảng cho hoạt động sản xuất bền vững hơn để bảo vệ người lao động, người tiêu dùng và hệ sinh thái hành tinh của chúng ta. Vào năm 2020, số lượng Nhà cung cấp đang hoạt động trên Cổng ZDHC đã tăng 41% so với năm trước và hiện có hơn 320 các bên ký kết từ khắp ngành thời trang bao gồm các thương hiệu, các nhà cung cấp, các nhà cung cấp hóa chất. Việc tham gia ZDHC của các thương hiệu gián tiếp làm gia tăng nhu cầu sợi màu vì sản phẩm sợi màu giúp cho các nhà máy nhuộm truyền thống giảm lượng nước sử dụng và hóa chất độc hại.

CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY (GRI 2-23)

(Xem thêm mục Báo cáo quản trị - BCTN 2023)

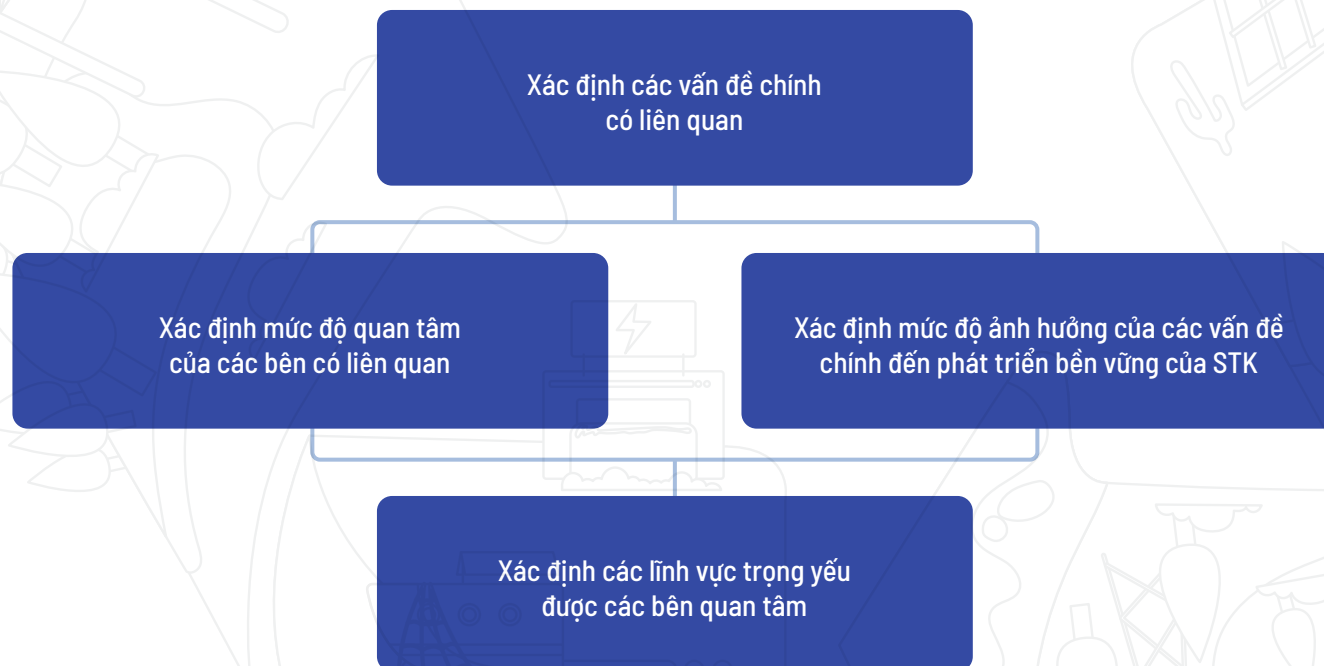
NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-23)

(Xem thêm mục Báo cáo quản trị - BCTN 2023)

CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY (GRI 2-26)

Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại STK, bộ chuẩn mực quy tắc ứng xử được hệ thống hóa thành quy trình SOP và kiểm soát dưới tiêu chuẩn ISO, áp dụng rộng rãi đến tất cả người lao động và các bên liên quan, phòng Phát triển doanh nghiệp là đơn vị trực tiếp tiếp nhận các khiếu nại liên quan đến nguyên tắc ứng xử trong Công ty và từ các bên liên quan, để từ đó cùng phối hợp với bộ phận nhân sự để điều chỉnh hoặc cập nhật các chính sách nhân sự phù hợp hơn đến các bên liên quan đặc biệt là người lao động.

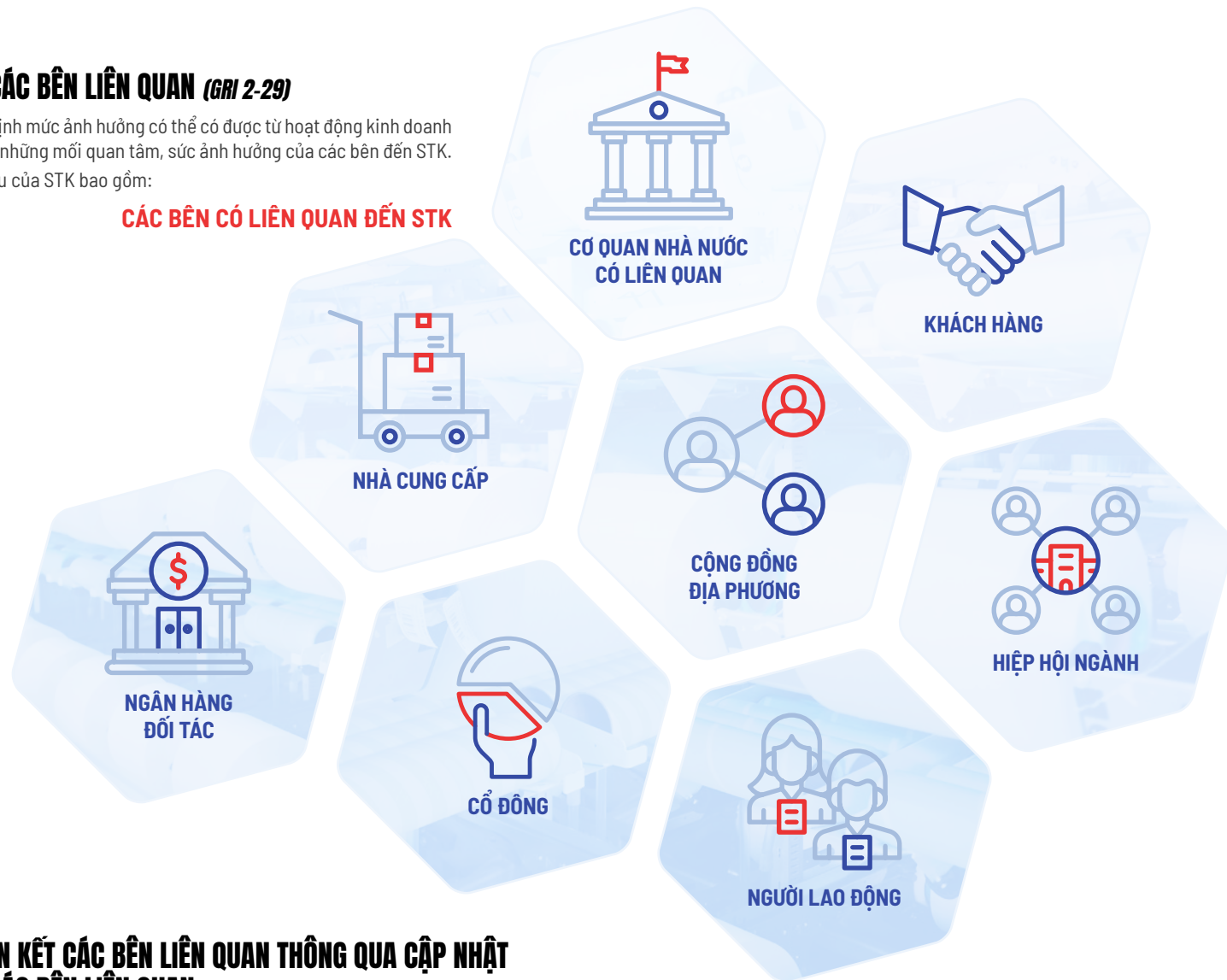
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP BÁO CÁO PTBV



NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-29)

- Công ty dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và ngược lại những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK.
- Theo đó, 8 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:

CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN STK



CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN THÔNG QUA CẬP NHẬT CÁC MỐI QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-29)

- Liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.
- Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu.
- Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng.
- STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ.
- Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộc họp ĐHDCĐ. - Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. - Hội thảo và tham quan nhà máy. - Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. - Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings. 	<ul style="list-style-type: none"> - Minh bạch thông tin. - Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. - Quản trị doanh nghiệp tốt. - Định hướng phát triển lâu dài. - Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. - Định hướng phát triển bền vững. - Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG). - Chính sách cổ tức. - Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. - Giá trị của doanh nghiệp. - Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. - Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu đạt 1.425 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 87,7 tỷ VND, hoàn thành lần lượt 66,3% và 34,7% kế hoạch đề ra. - Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 57,1% trong 6 tháng đầu năm 2023. - Trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%. Tương đương giá trị là 122,7 tỷ đồng. - Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus. - Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin. - Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. - Đa dạng các kênh công bố thông tin. - Thực hiện giám sát và đo lường mức phát thải carbon footprint tại Công ty.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi trực tiếp. - Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. - Phiếu khảo sát khách hàng. - Website Công ty. - Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. - Email, điện thoại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín. - Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. - Giá cả cạnh tranh. - Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. - Dịch vụ khách hàng vượt trội. - Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. - Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. - Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. - Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. - Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyển rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed. - Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định. - Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. - Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt. - Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. - Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm. - Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. - Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). - Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. - Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). - Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình Tôn chỉ. - Các cuộc họp giao ban. - Đối thoại định kỳ với người lao động. - Hội nghị người lao động hàng năm. - Trực tiếp trao đổi với người quản lý. - Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. - Phiên họp thương lượng tập thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường làm việc thoải mái an toàn. - Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. - Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. - Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. - Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. - Cơ hội thăng tiến trong công việc. - Tầm nhìn của người lãnh đạo. - Sự công bằng và dân chủ. - Không phân biệt đối xử. - An toàn lao động trong nơi làm việc. - Công việc ổn định và được hướng dẫn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. - Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 19 người trong năm 2023 - Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. - Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. - Thực hiện cơ chế 5s, cải thiện môi trường làm việc. - Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. - Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. - Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm – 13,14/12/2023. - Duy trì lượng đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ trực tiếp. - Tham quan nhà máy. - Thông qua email, điện thoại. - Thu thập thông tin qua khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Uy tín, cộng tác dài lâu. - Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. - Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. - Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. - Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. - Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. - Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. - Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. - Các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. - Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. - Hỗ trợ phát triển cộng đồng. - Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. - Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. - Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. - Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. - Ủng hộ chủ trương của nhà nước. - Nộp thuế đầy đủ. - Hỗ trợ phát triển địa phương. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Ngân hàng đối tác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc gặp mặt trực tiếp. - Điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty hoạt động bền vững và uy tín. - Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. - Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. - Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển - Sử dụng năng lượng tái và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. - Thực hiện chỉ trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. - Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. - Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. - Các hoạt động xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. - Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. - Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. - Sử dụng năng lượng tái và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. - Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. - Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. - Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. - Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, liên minh Sợi-Dệt-May. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Hiệp hội ngành (VCOSA)	<ul style="list-style-type: none"> - Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. - Đóng góp hội phí thường niên. - Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA).

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU (GRI 3-1, GRI 3-2, GRI 3-3)

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty trong năm 2023.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

BƯỚC 1

Xác định các lĩnh vực trọng yếu có thể ảnh hưởng sự phát triển bền vững của STK

- Phân tích thị trường kinh doanh và nắm bắt định hướng nhu cầu khách hàng.
- Đánh giá rủi ro tình hình bùng phát dịch bệnh trên thế giới.
- Phân tích dữ liệu xuất nhập khẩu, đánh giá tình hình cạnh tranh tại các thị trường chính.
- Tiếp nhận và phân tích các ý kiến đóng góp từ các kênh tiếp xúc của các bên có liên quan.

BƯỚC 2

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

- Tổng hợp các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm.
- Tiếp nhận ý kiến từ Ban Điều Hành và các thành viên Hội Đồng Quản Trị bổ sung các vấn đề trọng yếu.
- Cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.
- Sàng lọc các vấn đề trọng yếu phù hợp với mục tiêu phát triển và những chiến lược của Công ty.
- Chia các vấn đề trọng yếu theo ba lĩnh vực: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

BƯỚC 3

Xác định và phê duyệt các lĩnh vực trọng yếu trong năm

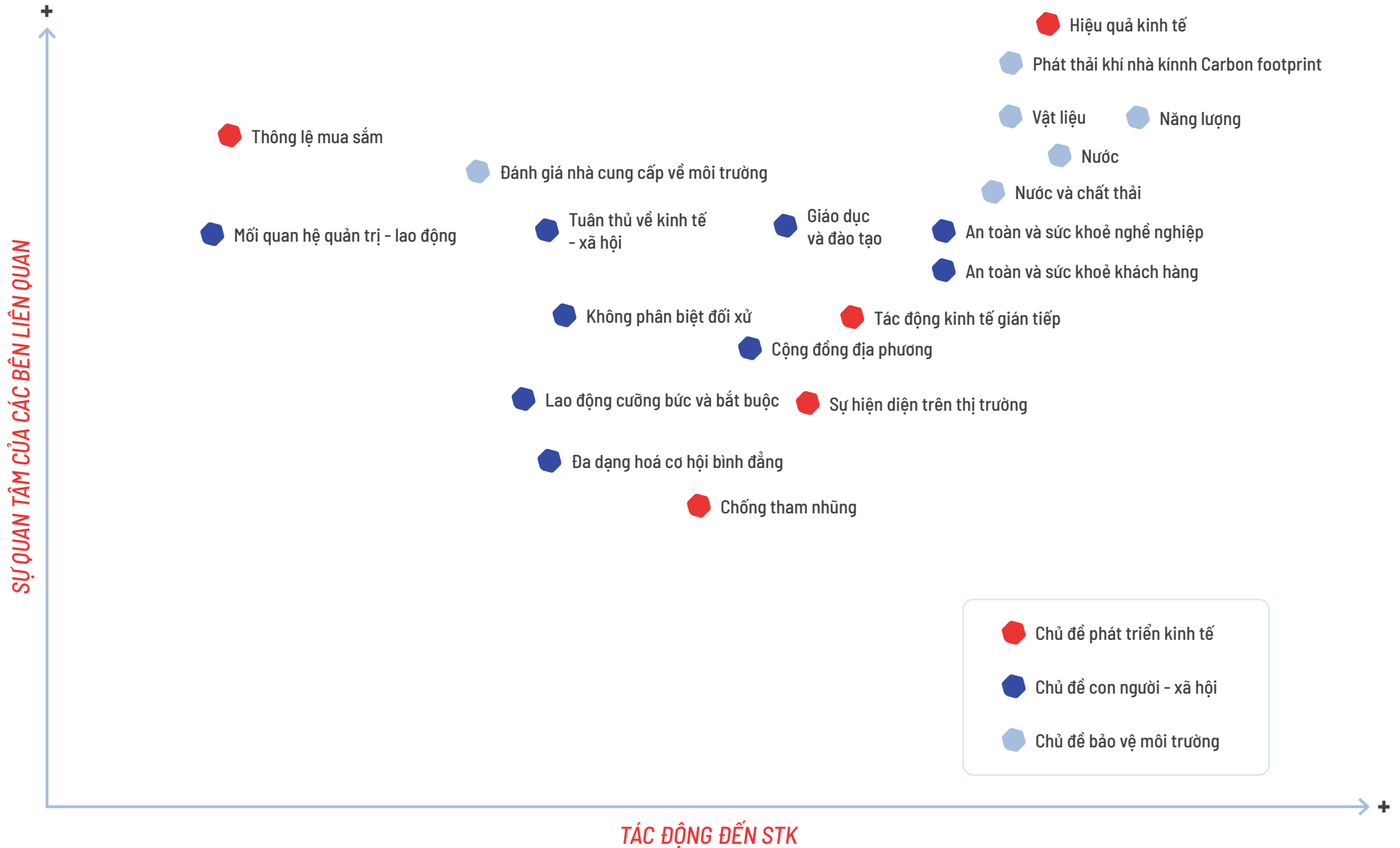
- Thiết lập ma trận các vấn đề trọng yếu.
- Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao.
- Sắp xếp mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu.

BƯỚC 4

Đánh giá và rà soát lại các lĩnh vực trọng yếu đã thực hiện

- Rà soát kết quả sau khi thực hiện.
- Tiếp nhận các đóng góp của các bên liên quan.
- Liên tục cải thiện các lĩnh vực trọng yếu trở nên chính xác hơn.

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



Danh sách các chủ đề trọng yếu 2023 (GRI 3-2)

KINH TẾ

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Duy trì và ổn định đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận.
- Phát triển thị trường và hợp tác cùng có lợi với các bên liên quan.
- Nâng cao tỷ lệ bán hàng sợi recycle, sợi có giá trị gia tăng cao, sợi thân thiện với môi trường.
- Phát triển kinh tế cộng đồng địa phương thông qua nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Hiệu quả kinh tế 2023
- Tác động kinh tế gián tiếp
- Sự hiện diện trên thị trường
- Chống tham nhũng

MÔI TRƯỜNG

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu hiệu quả thông qua đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại.
- Tiết kiệm điện, nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất-kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng tái tạo năng lượng mặt trời.
- Giảm phát thải khí nhà kính, khí thải, tăng cường tái chế sợi phế, tái sử dụng nguyên vật liệu và nước tuần hoàn.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn-vệ sinh-môi trường.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Phát thải khí nhà kính Carbon footprint
- Vật liệu
- Năng lượng
- Nước
- Nước thải và chất thải
- Phát thải
- Tuân thủ môi trường

LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Duy trì lượng lao động và nâng cao quyền lợi lao động.
- Xây dựng chính sách phúc lợi, thu nhập và bảo vệ sức khỏe người lao động.
- Duy trì việc làm ổn định cho người lao động.
- Duy trì môi trường làm việc an toàn, minh bạch và công bằng.
- Tạo cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

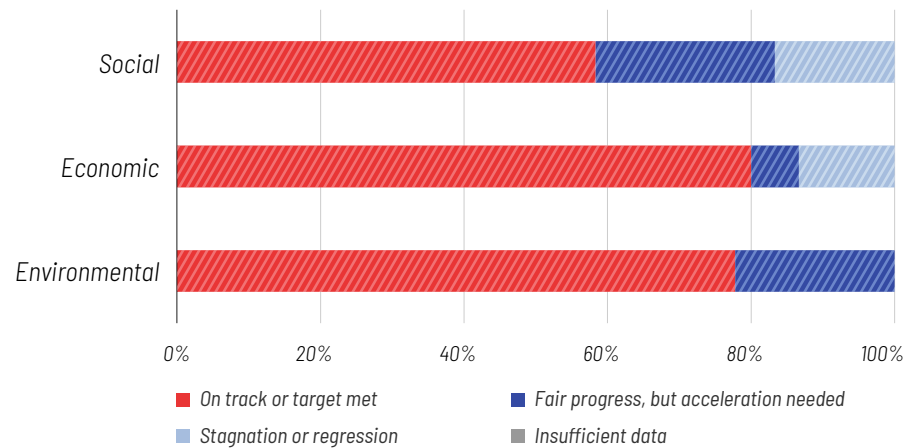
- Việc làm ổn định
- Giáo dục đào tạo
- Thăng tiến và cơ hội phát triển nghề nghiệp
- An toàn và sức khỏe khách hàng
- Chia sẻ với cộng đồng địa phương

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau:

Environmental-Môi trường	Economic-Kinh tế	Social-Xã hội
Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY	Doanh thu	Tỷ lệ biến động nhân sự
Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ tuyển dụng bất thành
Nước sử dụng m ³ /kg sợi	Mức tăng lương bình quân tối thiểu	Đáp ứng nhu cầu nhân sự
Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh)	Chi trả cổ tức cho người lao động 15% mệnh giá	Quản lý ngân sách lương
Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng	Thưởng cuối năm cho NLD (số tháng lương)	
Tỷ lệ sợi recycle		

Progress assessment for STK's SDG Goals



Công ty vẫn đang trên đường thực hiện tốt các mục tiêu của phát triển bền vững của mình, cụ thể mục tiêu về kinh tế Công ty vẫn đang đi đúng hướng với điểm đánh giá thực hiện là 80%, về môi trường đạt 77,8% điểm đánh giá thực hiện. Tuy nhiên mục tiêu về xã hội Công ty cần có những chiến lược phù hợp hơn trong các năm tới để phần trăm đánh giá đang đi đúng hướng được gia tăng lên. Trong 3 năm từ 2021-2023 mức độ đang đi đúng hướng của tiêu chí này chỉ ở mức 58,3%, đi ngang hoặc giảm cải thiện ở mức 25%.



TIẾP TỤC ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2024-2026

Mục tiêu phát triển bền vững Trung - Dài hạn 2024-2026

- Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh sợi dệt-may) nhằm đạt lợi thế về qui mô.
- Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA).
- Tập trung phát triển các loại **sợi thân thiện với môi trường** (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu.
- Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.
- Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ **49,5%** năm 2023 lên **60%-70%** vào năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu.
- Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy.
- Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm.
- Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói.
- Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm **3-5%** lượng điện tiêu thụ mỗi năm.
- Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)).

Mục tiêu phát triển bền vững Ngắn hạn 2024

- Đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (**36.000 tấn/năm**) vào hoạt động nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất thời gian dự kiến cuối **Q3.2024**.
- Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi thông qua việc ký kết hợp đồng DPPA với đơn vị chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng.
- Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2024 là **44,1%** trên tổng doanh thu của nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi và **62,4%** đối với nhà máy Unitex
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.
- Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.
- Triệt để **tuân thủ** các tiêu chuẩn sản xuất của **REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS** và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.
- **Áp dụng smart factory** nâng cao hiệu suất của nhà máy, giúp giảm lỗi phát sinh và giảm hàng lỗi, giảm phế phẩm từ đó tiết kiệm nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng.
- Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng và đóng gói tự động giúp rút ngắn thời gian so với đóng gói thông thường, giảm thiểu đáng kể nhân lực cho khâu đóng gói. Khắc phục được tình trạng bẩn sợi, trầy sợi và giúp khắc phục những lỗi con người có thể gây ra.

Tiếp tục bám sát và gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty, đảm bảo lộ trình thực hiện các mục tiêu đã đề ra. STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2024-2026 của doanh nghiệp, cụ thể:



Một cuộc sống tốt hơn

- Tạo ra thêm công ăn việc làm.
- Tăng thu nhập cho người lao động.
- Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.
- Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động
- Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ.
- Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu,
- Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.

Một môi trường tốt hơn

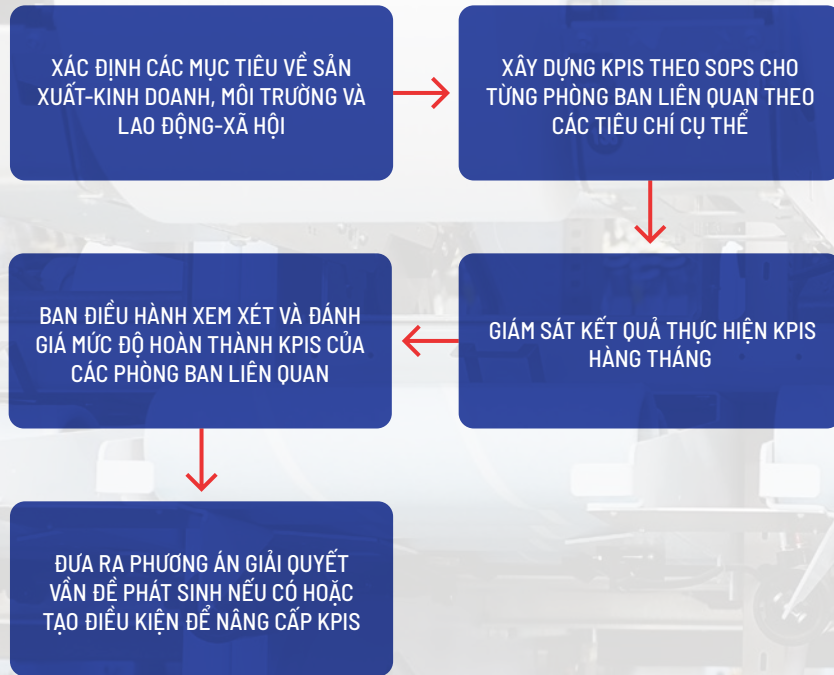
- Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.
- Không sử dụng hóa chất độc hại.
- Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất.
- Phát triển sản phẩm sơn màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại.
- Sử dụng năng lượng hợp lý.
- Tiết kiệm năng lượng.
- Sử dụng năng lượng mặt trời.
- Sáng kiến tiết kiệm điện.
- Hạn chế phát thải khí nhà kính carbon footprint.
- Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, xanh sạch.
- Kí cam kết SBTi cam kết cắt giảm 213.792 tấn CO₂ đến năm 2027.
- Dự án Smart factory giúp giám sát lỗi phát sinh và giảm số lượng hàng lỗi, gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu đầu vào.

Sự phát triển tốt hơn

- Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.
- Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn.

Cách thức triển khai thực hiện định hướng mục tiêu phát triển bền vững đề ra:

Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:



KPIs cụ thể:

MỤC TIÊU PTBV	BỘ PHẬN LIÊN QUAN	KPIs	NGƯỜI PHỤ TRÁCH GIÁM SÁT
KINH TẾ	<i>Kinh Doanh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận. - Số lượng khách hàng và thị trường mới. 	Tổng Giám Đốc Công ty. Trưởng phòng kinh doanh Trợ lý kinh doanh. Trưởng nhóm kinh doanh nội địa và xuất khẩu.
	<i>Kinh Doanh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao hàng. - Chất lượng sản phẩm. 	Tổng Giám Đốc Công ty. Trưởng nhóm QA. Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC.
TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM	<i>Đánh giá chất lượng QA</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Phản hồi khách hàng. - Thái độ phục vụ. 	
	<i>Quản lý chất lượng QC</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giải quyết khiếu nại. - Giá cả cạnh tranh hợp lý. - Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm 	
MÔI TRƯỜNG	<i>Tổng vụ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Mức tiêu hao điện sử dụng. - Mức tiêu hao nước sử dụng. 	Tổng Giám Đốc Công ty. Giám đốc tổng quản lý. Trưởng bộ phận Thu mua. Trợ lý TGD về thu mua. Trưởng bộ phận Utility. Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ. Nhân viên ISO.
	<i>ISO team</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn. - SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự. 	
	<i>Utility</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng. - Chi phí điện, nước. - Thực hiện tiết kiệm điện, nước. 	
	<i>Thu mua</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải. - Chi phí xử lý nước thải, rác thải. 	
QUYỀN CON NGƯỜI TẠI NƠI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	<i>Nhân sự</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả tuyển dụng. - Tỷ lệ đáp ứng lao động. - Kết quả thực hiện đào tạo. 	Tổng Giám Đốc Công ty. Giám Đốc tổng quản lý. Trưởng bộ phận nhân sự. Trưởng nhóm đào tạo. Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ. Nhân viên ISO.
	<i>Đào tạo</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chi phí đào tạo. - Tỷ lệ biến động nhân sự. - SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự. 	
	<i>ISO team</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nhân viên được đề bạt. - Quản lý chi phí lương, phúc lợi. 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn -vệ sinh. 	
	<i>Tổng vụ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động. - Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi. 	

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA (GRI 2-5)

- STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo.
- Dữ liệu về hoạt động của STK được đảm bảo chéo của bên thứ ba, tăng tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:
 - Quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường lao động, chỉ số hoạt động (chính sách tuân thủ môi trường – an toàn – lao động, chính sách lao động, phúc lợi, lương thưởng và các cam kết về trách nhiệm xã hội, số lượng recycle chip sử dụng, sản lượng recycle được sản xuất) được chuẩn hóa thành SOPs và đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
 - Quy trình vận hành và hệ thống quản trị được đánh giá định kỳ 2 năm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
 - Chỉ số trách nhiệm xã hội được đánh giá định kỳ theo tiêu chuẩn một số khách hàng là các thương hiệu thời trang hàng đầu trên thế giới.
 - Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại như nguồn gốc nguyên, vật liệu, hệ số phát thải nhà kính CO₂, số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
 - Thông tin về xử lý chất thải (khối lượng nước thải, rác thải và chi phí xử lý) được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý nước thải và chất thải nguy hại.
 - Thông tin về tiết kiệm năng lượng (điện, nước và chi phí sử dụng) được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
 - Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động (chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc) được đảm bảo bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
 - Thông tin về kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
 - Thông tin tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi) được kiểm toán bởi Ernst & Young.
 - Thông tin tiêu chuẩn lao động – xã hội (tỷ lệ nam/nữ, trình độ lao động, tuổi, thu nhập bình quân, lương thưởng, tỷ lệ biến động nhân sự, các khóa đào tạo và ngân sách chi phí đào tạo, ngân sách chi phí tặng quỹ học bổng, số lượng cá nhân được đề bạt, ngân sách kinh phí trao tặng quà cho lao động có hoàn cảnh khó khăn) được đánh giá bởi bộ phận nhân sự và được đảm bảo theo báo cáo tình hình lao động gửi TANIZA và HEPZA.
 - Đầu năm 2024 nhà máy Trảng Bàng của Công ty đã phối hợp với Tổ chức Quốc tế và Bảo Tồn Thiên Nhiên tại Việt Nam (gọi tắt là WWF-Việt Nam) và Trung tâm Nghiên cứu Và Phát triển về Tiết kiệm Năng lượng (ENERTEAM) là đơn vị tư vấn phụ trách triển khai hoạt động kiểm kê khí nhà kính cho nhà máy. Hoạt động này nhằm thúc đẩy các giải pháp năng lượng bền vững và giảm phát thải carbon, hướng tới tương lai “Net Zero”, đồng thời đề xuất các khuyến nghị phù hợp (như lộ trình giảm phát thải KNK) để Công ty tiến đến giảm lượng phát thải CO₂, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu theo các quy định của Việt Nam và thế giới.

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP

70

CÁCH THỨC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO

71

DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

72

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP

Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố biến động khó lường như tình hình lạm phát, khủng hoảng năng lượng, xung đột chính trị và chiến tranh dẫn đến các ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Century đã chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh và xác định các rủi ro tiềm ẩn có thể tạo ra khó khăn và thách thức cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro trong Công ty đóng vai trò rất quan trọng như một công cụ giúp cho doanh nghiệp duy trì và tiếp tục thực hiện các hoạt động phát triển bền vững theo mục tiêu PTBV đặt ra. Thông qua việc quản lý và giải quyết các rủi ro tiềm ẩn, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được đảm bảo liên tục, từ đó ổn định các cân cân PTBV như Hiệu quả phát triển kinh tế, Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội.

Tầm quan trọng của quản trị rủi ro đối với Sợi Thế Kỳ:



1
Tăng cường công tác quản trị bằng cách cung cấp thông tin cho HĐQT các rủi ro trọng yếu và các biện pháp.

2
Hỗ trợ Công ty hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra (có cả chiến lược PTBV) thông qua các công cụ quản trị rủi ro.

3
Đánh giá được mức độ rủi ro, rủi ro nào cần xử lý trước, rủi ro nào cần xử lý sau.

4
Củng cố lòng tin và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư và các bên liên quan.

5
Tối ưu nguồn lực Công ty sử dụng cho quản lý và xử lý các rủi ro chính.

6
Giúp Công ty tiết kiệm các khoản kinh phí không cần thiết.

7
Tìm ra cơ hội để cải thiện và tiếp tục phát triển.

CÁCH THỨC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO

Tại Sợi Thế Kỳ, hệ thống quản trị rủi ro được thực hiện theo nguyên tắc 3 vòng bảo vệ:

Vòng bảo vệ 1	Vòng bảo vệ 2	Vòng bảo vệ 3
↑	↑	↑
<p><i>Quản lý các hoạt động hàng ngày theo hệ thống SOPs.</i></p> <p><i>Kiểm soát nội bộ việc tuân thủ, các trưởng bộ phận có trách nhiệm xây dựng và triển khai quy trình.</i></p>	<p><i>Kiểm soát tài chính.</i> Đơn vị tài chính.</p> <p><i>Kiểm soát an ninh, an toàn, vệ sinh, môi trường.</i> Đơn vị tổng vụ.</p> <p><i>Quản lý rủi ro chất lượng sản xuất.</i> Đơn vị ISO, Quản lý chất lượng, QA.</p> <p><i>Kiểm tra tuân thủ toàn Công ty.</i> Đơn vị tổng vụ- kiểm soát nội bộ.</p>	<p><i>Kiểm toán nội bộ</i></p> <p><i>Cơ quan kiểm toán độc lập (bên ngoài).</i></p>

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (STK) thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ bằng việc kết hợp với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC) và các thành viên nhóm "Hỗ trợ xây dựng KTNB" của STK, Công ty kiểm toán AFC đã tiến hành kiểm toán công ty từ ngày 26/09/2023-30/10/2023 nhằm đánh giá về sự phù hợp, đầy đủ và hiệu quả của một số quy trình của sản xuất sợi DTY liên quan đến hoạt động các phòng ban và bộ phận kế hoạch sản tiêu trong quá trình sản xuất DTY.

AFC đã khảo sát bộ phận kế toán, tài chính và phát hiện các hạn chế trong quy trình tính giá thành hiện tại của công ty đồng thời đề xuất những biện pháp để công ty hoàn thiện quy trình tính giá thành.

Kiểm toán nội bộ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện và khắc phục những hạn chế của hệ thống quản lý quản trị doanh nghiệp của Sợi Thế Kỳ. Thực tế đã chứng minh các công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ hoạt động hiệu quả, minh bạch hơn và có kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn.

Bên cạnh đó kiểm toán nội bộ sẽ giúp Sợi Thế Kỳ tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và các quy định có thể có tác động đáng kể đến công ty, giúp kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt, giảm thiểu đáng kể các rủi ro liên quan đến các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị, giảm thiểu các rủi ro liên quan đến các giao dịch và hoạt động của Công ty, đặc biệt là các giao dịch với người có liên quan và giao dịch có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính quý, năm.

PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

(Tham khảo thêm Báo cáo quản trị rủi ro - BCTN 2023)

Bên cạnh danh sách các chủ đề rủi ro trọng yếu được đề cập trong báo cáo thường niên năm 2023, Sợi Thế Kỳ cũng tự thực hiện đánh giá rủi ro liên quan các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) riêng biệt theo khung tiêu chuẩn được lập và công bố bởi tổ chức IFC.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI ¹		Khả năng xảy ra rủi ro (Likelihood)		
		Rất ít khi xảy ra=1	Thỉnh thoảng xảy ra=2	Thường xuyên xảy ra=3
Mức độ ảnh hưởng của rủi ro (Consequence)	Thấp: 1	1	2	3
	Trung bình: 2	2	4	6
	Cao: 3	3	6	9

Phân loại rủi ro theo mức độ nghiêm trọng của rủi ro	Risk < 6	6 ≤ Risk ≤ 9	Risk > 9
		Thấp	Trung bình

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN 1: ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI					
1. Chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp	2	1	2	Có một Kế hoạch hoặc Thủ tục Ứng phó Khẩn cấp.	Để ứng phó với các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh có thể xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Công ty chủ động thực hiện các chương trình diễn tập nhằm nâng cao nhận thức và hướng dẫn CBCNV Công ty có thể phản ứng kịp thời khi có các sự cố xảy ra. Định kỳ Công ty thực hiện diễn tập hoạt động PCCC, Sơ cấp cứu, thoát hiểm cứu nạn 1 năm/lần tại hai nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, nhằm nâng cao nhận thức và huấn luyện toàn thể nhân viên hiểu biết các phương án phản ứng khi có sự cố xảy ra.
2. Năng lực E&S tương xứng với rủi ro ngành	3	1	3	Có lực lượng nội bộ / bên ngoài về E&S (đơn vị / bộ phận E&S, nhân viên E&S có trình độ nội bộ để xác định và giám sát rủi ro E&S liên quan đến việc phát triển và hoạt động mới, quy trình chính thức thuê ngoài để kiểm tra E&S từ các chuyên gia tư vấn bên ngoài có trình độ).	Công ty chính thức bổ nhiệm nhân sự chuyên trách lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty. Nhân viên chuyên trách có nhiệm vụ theo dõi các hoạt động về an toàn, môi trường, sức khỏe của Công ty hàng ngày. Định kỳ phối hợp với đơn vị đánh giá thực hiện báo cáo quan trắc môi trường và thực hiện đào tạo an toàn lao động cho toàn thể nhân viên Công ty.

¹ Phỏng theo các chỉ số hoạt động về môi trường và xã hội (E&S) của IFC dành cho doanh nghiệp trên thị trường

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
3. Xác định rủi ro và tác động của E&S	3	1	3	Có các chính sách và quy trình để xác định rủi ro và tác động của E&S đối với hoạt động của Công ty.	Công ty có xây dựng hệ thống đánh giá và quản trị rủi ro trong kinh doanh bao gồm các rủi ro về môi trường và xã hội và được cập nhật hàng năm. <i>Xem mục Quản trị rủi ro – Báo cáo thường niên 2023.</i>
4. Tuyên bố ý định liên quan đến E&S	2	1	2	Có một Chính sách Môi trường & Xã hội được phê duyệt bởi quản lý cấp cao.	Công ty chính thức ban hành bằng văn bản Cam kết về chính sách xã hội và bảo vệ môi trường theo Tiêu chuẩn GRS 4.0 từ năm 2019.
5. Thông tin đến các bên liên quan về tác động và cơ hội	3	1	3	Thông tin được công bố cho các bên liên quan.	Công ty niêm yết từ năm 2015 nên Công ty đã xây dựng một hệ thống CBTT một cách rộng rãi và minh bạch các thông tin của Công ty bao gồm cả báo cáo PTBV và BCTN. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • CBTT thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. • CBTT thông qua việc đăng tải lên website Công ty, HOSE và UBCKNN. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng tab PTBV riêng biệt trên website Công ty để CBTT cho các vấn đề PTBV của Công ty bao gồm cả báo cáo PTBV (được lập riêng kể từ năm 2015 cho đến nay). Links: <ol style="list-style-type: none"> 1. http://thekey.vn/cen/bao-cao-thuong-nien. 2. http://thekey.vn/cen/phan-trien-ben-vung/ 3. http://www.hsx.vn
6. Phản hồi của các bên liên quan	3	1	3	Cơ chế phản hồi thông tin từ các bên liên quan	Công ty liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan. Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu. Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng. STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ. Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp. <i>Tham khảo BCPTBV – Các kênh phản hồi thông tin của các bên liên quan.</i>

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN 2: LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC					
7. Bảo vệ lao động hợp đồng	3	1	3	Tuân thủ các quy định về giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng hợp pháp.	Tất cả các lao động làm việc ở STK đều có hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định là hợp đồng thử việc với thời gian thử việc từ 6-60 ngày tùy theo vị trí công việc, hợp đồng đào tạo từ 30-60 ngày tùy theo từng vị trí và hợp đồng lao động có thời hạn (áp dụng cho CBCNV đã qua giai đoạn thử việc/đào tạo), hợp đồng lao động vô thời hạn (áp dụng với những người đã làm trên 3 năm tại Công ty.
8. Sức khỏe và an toàn của người lao động	3	1	3	Ban hành quy định, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động	Công ty ban hành và nghiêm túc thực hiện kế hoạch huấn luyện an toàn, vệ sinh, lao động hàng năm cho toàn bộ CBCNV Công ty theo nhóm huấn luyện ATVSLĐ đặc thù của nghị định 44/2016 – ND-CP.
9. Thương tích và tử vong	3	1	3	Không xảy ra về các trường hợp tử vong liên quan đến công việc của người lao động trực tiếp và / hoặc hợp đồng.	Định kỳ 6 tháng Công ty lập báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp có bao gồm thông tin về số vụ tai nạn lao động, tử vong, số người có bệnh nghề nghiệp và gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP,HCM và Tây Ninh <i>Tham khảo Phụ lục 7 - Báo cáo AT VS LĐ 2023</i>
10. Bình đẳng giới	1	1	1	Cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính.	Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách bằng văn bản dành cho lao động nữ, công ty tuân thủ quy định đối với lao động nữ và đảm bảo bình đẳng giới trong Công ty.
11. Không phân biệt đối xử & cơ hội bình đẳng	2	1	2	Có chính sách không phân biệt đối xử về tuyển dụng, tiền lương, thăng chức.	Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách bằng văn bản Chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối và lạm dụng, Công ty cam kết đảm bảo không phân biệt đối xử, xâm hại tinh dục trong công sở và lạm dụng.
12. Tuân thủ luật lao động	3	1	3	Không có các vụ kiện tụng liên quan đến điều kiện làm việc (hiệp hội, thỏa ước tập thể, luật lao động, phân biệt đối xử, thù lao bình đẳng, thiếu cơ hội bình đẳng, quấy rối).	Công ty không có vụ kiện tụng nào liên quan đến điều kiện làm việc (tổ chức hiệp hội, thỏa ước tập thể, luật lao động, phân biệt đối xử, thù lao bình đẳng, thiếu cơ hội bình đẳng, quấy rối).

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
13. Tổ chức của người lao động	2	1	2	Các hoạt động của Công ty không hạn chế hoặc cản trở quyền của người lao động tham gia các tổ chức và cơ chế của người lao động để bày tỏ sự bất bình của họ về điều kiện làm việc và các điều khoản tuyển dụng.	Công ty xây dựng và công khai quy chế dân chủ tại nơi làm việc và thực hiện tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ.
14. Các điều khoản chính thức để tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc	2	1	2	Có những thỏa thuận chính thức để tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc, bao gồm chính sách quấy rối tình dục, ở mức tối thiểu, với cơ chế nộp đơn khiếu nại ẩn danh và bí mật và nhân viên nhân sự được đào tạo để xem xét các trường hợp quấy rối tình dục.	Công ty cam kết đảm bảo về Chính sách không phân biệt đối xử, xâm hại tình dục trong công sở và lạm dụng.
15. Khiếu nại của người lao động	2	1	2	Có cơ chế cho người lao động khiếu nại	Công ty xây dựng và áp dụng chính sách tiếp nhận và giải quyết các ý kiến khiếu nại của người lao động.

Rủi ro cụ thể của ngành: hoạt động hoặc chuỗi cung ứng ở các quốc gia hoặc lĩnh vực có nguy cơ lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em (ví dụ: nông nghiệp, dệt may, xây dựng, kinh doanh nông nghiệp).

16. Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong Công ty	3	1	3	Có ban hành công khai, bao gồm các hành động pháp lý liên quan đến bảo vệ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong hoạt động của Công ty.	Công ty ban hành chính sách không sử dụng lao động chưa thành niên và nghiêm túc thực hiện chính sách này.
17. Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng chính	3	1	3	Có ban hành công khai, bao gồm các hành động pháp lý liên quan đến bảo vệ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng chính của Công ty	Công ty hoạt động sản xuất sợi polyester filament, các nhà cung ứng chính của Công ty là các công ty cung cấp PET Chip, vốn đều đạt chứng nhận GRS- trong đó một trong các tiêu chí tiên quyết của chứng nhận là được chứng minh cam kết không sử dụng lao động trẻ em hoặc vị thành niên dưới 18 tuổi.
18. Chỗ ở công nhân đảm bảo an toàn, vệ sinh	2	1	2	Có ban hành chính sách liên quan đến chỗ ở của người lao động (trại, ký túc xá, v.v.) như sức khỏe và an toàn (ví dụ: hỏa hoạn, nước, vệ sinh, quá tải).	Công ty không xây dựng các khu ký túc xá cho người lao động, thay vào đó Công ty thuê các khu nhà trọ ở Củ Chi và Trảng Bàng. Các khu nhà này có các căn hộ khép kín (với đầy đủ bếp, toilet) và được đảm bảo an ninh. CBCNV không phải trả tiền thuê nhà và được hỗ trợ một phần tiền điện nước.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT 3: HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN VÀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM					
19. Tác động đến nguồn nước	2	1	2	Có ban hành các chính sách, hành động bảo vệ nguồn nước	Công ty không sử dụng các nguồn nước ngầm hay xả thải trực tiếp ra nguồn nước tự nhiên. nguồn nước được sử dụng tại công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi ban quản lý khu công nghiệp và đảm bảo chất lượng nước xả thải đầu ra trước khi được đầu nối lại vào hệ thống xử lý của KCN.
20. Ngăn ngừa ô nhiễm và rủi ro	2	1	2	Có chính sách và hành động bảo vệ liên quan đến rủi ro ô nhiễm trong quá khứ hoặc đang diễn ra (ví dụ: khí thải không khí hoặc nước, ô nhiễm đất hoặc nước ngầm, xử lý chất thải) từ Công ty / dự án.	Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng quý và lập báo cáo bằng văn bản, theo đó các chỉ số về nước thải, khí thải, độ ồn, bụi, ánh sáng... đều đạt theo tiêu chuẩn quy định hiện hành.
21. Kiểm soát khí thải nhà kính (GHG)	3	1	3	Có thông tin về phát thải khí nhà kính: Phạm vi 1 và 2, Phạm vi 3 nếu có liên quan đến hoạt động kinh doanh, cường độ (khí nhà kính được giải phóng trong tiêu thụ năng lượng cho yếu tố sản xuất/bình thường hóa [thường là sản xuất hoặc bán hàng]).	Công ty chủ động thực hiện việc giám sát và tính toán lượng phát thải khí nhà kính CO ₂ từ năm 2016 dựa trên tổng lượng điện năng tiêu thụ trong từng năm của Công ty (Scope 2). Từ đó đưa ra các sáng kiến giúp giảm lượng khí nhà kính phát thải thông qua việc áp dụng năng lượng tái tạo (Solar energy) và tăng tỷ lệ sợi thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản phẩm kinh doanh. <i>Tham khảo Phụ lục 5 - BCPTBV - Mục quản lý phát thải khí nhà kính - Carbon footprint.</i>
22. Hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu	1	1	1	Có hệ thống quản lý năng lượng, các sáng kiến sản xuất sạch hơn, các chỉ số hiệu quả tài nguyên (tức là năng lượng, nước, các tài nguyên khác và đầu vào vật liệu).	Công ty thực hiện tái sử dụng ống giấy POY nhiều lần, hạn chế việc khai thác và bảo vệ rừng giúp chống sạt lở và xói mòn. Trong năm 2023, tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3.15 lần. Ngoài ra, với nhà máy Trảng Bàng 5 đi vào hoạt động cùng với dây chuyền sản xuất 1,500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường. Tỷ lệ tái chế lại phế phẩm chiếm hơn 82% tổng phế phẩm tạo ra. <i>Tham khảo mục Hiệu quả sử dụng vật liệu - BCPTBV.</i>

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT 4: SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ AN NINH CỘNG ĐỒNG					
23. An ninh cộng đồng	3	1	3	Ban hành và thực hiện các hành động đảm bảo an ninh cộng đồng, đảm bảo không có sự cố gây mất an ninh đến cộng đồng địa phương, đặc biệt là về những bạo lực trên cơ sở giới.	Công ty hoạt động với cam kết tuân thủ theo pháp luật hiện hành, phối hợp chặt chẽ với ban quản lý khu vực để đảm bảo an ninh và trật tự địa phương.
24. Đóng góp vào công tác bảo vệ sức khỏe đối cộng đồng	3	1	3	Có đóng góp vào các hành động bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giảm sự gia tăng bệnh tật (HIV / Aids, sốt rét, v.v.) cho cộng đồng.	Không áp dụng
25. Hỗ trợ nguồn lao động địa phương	2	1	2	Có hỗ trợ nguồn lao động địa phương	Thông qua các dự án mở rộng công suất, Công ty góp phần tạo thêm được nhiều công ăn việc làm, gia tăng thu nhập và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ cung ứng của địa phương. <i>Tham khảo phần TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP - BCPTBV mục Đóng góp kinh tế cho cộng đồng địa phương.</i>
Rủi ro cụ thể của ngành: các công ty / dự án xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà và công trình được công chúng tiếp cận hoặc có thể đe dọa sự an toàn của cộng đồng (cầu, đập, v.v.).					
26. Sự cố cơ sở hạ tầng đã dẫn đến tổn hại cho cộng đồng	3	1	3	Công ty có xây dựng hoặc vận hành cơ sở hạ tầng (cầu, đập.....) gây thiệt hại cho cộng đồng.	Không áp dụng
27. Hỏa hoạn hoặc tai nạn xây dựng đã gây tổn hại cho cộng đồng	2	1	2	Công ty xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà hoặc công trình được tiếp cận, công khai có ghi nhận hoả hạn và tai nạn xây dựng gây ảnh hưởng đến cộng đồng	Không áp dụng

NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ (GRI 201)	79
SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (GRI 202)	80
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)	81
VẬT LIỆU (GRI 301)	85
NƯỚC (GRI 303)	86
NĂNG LƯỢNG (GRI 302)	88
PHÁT THẢI (GRI-305)	90
NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (GRI 306)	102
TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307)	103
VIỆC LÀM (GRI 401)	106
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (GRI 404)	110
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403)	113
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG (GRI 416)	115
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (GRI 413)	117
VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TẠI STK	118
TINH THẦN TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI CỦA DOANH NGHIỆP	118
CÁC DỰ ÁN XANH TẠI CÔNG TY	119
BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI	121

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ - GRI 200



Với nỗ lực duy trì các đơn đặt hàng có giá trị gia tăng cao từ các khách hàng cao cấp nhờ uy tín xây dựng với khách hàng về bảo đảm chất lượng và thời gian cung ứng sản phẩm tốt đã giúp Century duy trì mục tiêu doanh thu và lợi nhuận bất chấp thị trường gặp nhiều khó khăn.

Mục tiêu 2023

- Doanh thu: 2.149 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 253,1 tỷ đồng;
- Đảm bảo mức lương khởi điểm cao hơn mức lương tối thiểu vùng;
- Tăng đóng góp cho xã hội và địa phương;
- Mở rộng công suất, phát triển thêm các sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- Cải thiện chế độ lương-phúc lợi cho người lao động;
- Thưởng cuối năm 1 tháng lương cho người lao động;
- Chi trả cổ tức tối thiểu 15%/mệnh giá;
- Phát hành tăng vốn để góp vốn vào công ty con Unitex

Kết quả 2023

- Hoàn thành 66,3% kế hoạch doanh thu, đạt 1.425 tỷ đồng;
- Hoàn thành 34,7% kế hoạch lợi nhuận, đạt 87,7 tỷ đồng;
- Thưởng cuối năm hơn 1 tháng lương, tỷ lệ nhân viên tham gia BHXH đạt 100%;
- Mức lương thấp nhất tại STK cao hơn lương tối thiểu vùng từ 47%-53%;
- Chi trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2022 - tương đương tổng số tiền chi trả cổ tức cho cổ đông là 122,7 tỷ đồng
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 113,01 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước;
- Triển khai thực hiện dự án mở rộng công suất Untiex giai đoạn 1, khối lượng xây dựng tổng thể tính đến cuối tháng 12.2023: đạt 90%,
- STK đã góp vốn thêm vào Unitex và thay đổi Kế hoạch PHRL để bổ sung nguồn vốn lưu động;

1. Phương pháp quản trị (GRI 2-12)

Nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững để góp phần duy trì cân bằng và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển bền vững của Công ty được liên tục thực hiện dưới bối cảnh khó khăn của thị trường do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thị trường suy giảm và các xung đột địa chính trị phức tạp trên toàn cầu. Trong năm 2023, Công ty đã nỗ lực duy trì chiến lược kinh doanh, áp dụng phương pháp tiếp cận khách hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, ổn định chất lượng hàng hoá và từng bước duy trì thị phần trong nước và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	<ul style="list-style-type: none">• Kế hoạch kinh doanh 2023, chính sách bán hàng, chính sách phục vụ khách hàng, chính sách marketing hàng năm;• Chính sách lương thưởng và cam kết của Công ty số CS-06 (01/03/2016);• Thông báo áp dụng thang lương bảng lương mới nhất số 282- 18/CV -TK;• Các dự án mở rộng sản xuất của Công ty (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may);• Xây dựng ngân sách đào tạo đội ngũ bán hàng hàng năm;
CAM KẾT	<ul style="list-style-type: none">• Cạnh tranh lành mạnh, mọi hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành; Cam kết chính sách chi trả tiền lương, phúc lợi tuân thủ theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng;• Cam kết tạo thu nhập ổn định cho người lao động địa phương, tổ chức các khóa đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ người lao động địa phương;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	<ul style="list-style-type: none">• Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch kinh doanh;• Mở rộng thị trường, nâng cao thị phần trong nước và thị trường xuất khẩu;• Chi trả đúng theo thang lương/bảng lương cho người lao động;• Tạo thu nhập, cải thiện mức sống và nâng cao trình độ cho cộng đồng địa phương;
TRÁCH NHIỆM	<ul style="list-style-type: none">• Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	<ul style="list-style-type: none">• Phòng kinh doanh/marketing, bộ phận tài chính...• Phòng phận nhân sự, bộ phận đào tạo;
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	<ul style="list-style-type: none">• Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng QA-QT-01;• Khảo sát và thăm khách hàng định kỳ;• Quy trình khiếu nại/khiếu kiện của người lao động;

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 2-18)

- Năm 2023, Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và các xung đột địa chính trị vẫn còn kéo dài tác động tiêu cực đến ngành dệt may Việt Nam. Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2023 của STK không như kỳ vọng nhưng tập thể CNV và Ban điều hành đã phấn đấu hết mình để có thể mang lại kết quả kinh doanh tốt nhất, xây dựng nền tảng trong năm để có thể đạt những đột phá trong năm 2024.
- Công ty vẫn duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi được chi trả đúng hạn và đúng theo cam kết với người lao động. Bất chấp việc Công ty phải tạm thời thu hẹp sản xuất nhà máy Củ Chi, ngưng hoạt động trong giai đoạn Q3&4-2022 đến hết 2023 do nhu cầu thị trường suy giảm, Công ty vẫn cố gắng giữ người lao động bằng việc tổ chức các lớp đào tạo đa tay nghề, duy trì thu nhập cho người lao động và duy trì mức thưởng tết Nguyên Đán 2023 dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong dịp cuối năm.
- Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương trực tiếp và gián tiếp.

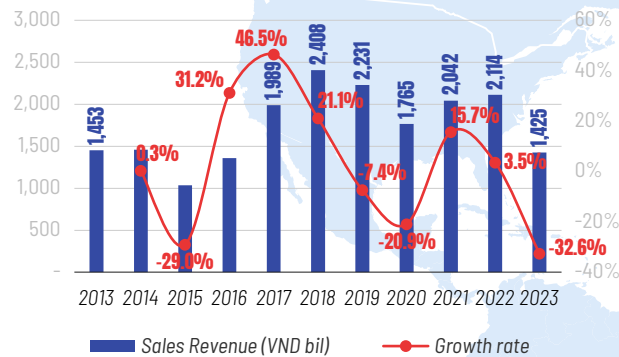
TRÁCH NHIỆM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ (GRI 201)

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI (GRI 201-1)

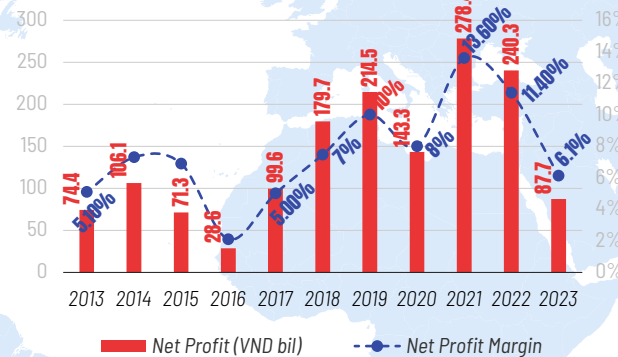
Năm 2023 mặc dù nền kinh tế thế giới chứng kiến sự phục hưng nhưng tốc độ hồi phục vẫn còn chậm chạp. Chiến tranh Nga-Ukraine vẫn còn kéo dài cộng với các căng thẳng địa chính trị mới làm ảnh hưởng đến thương mại quốc tế, lạm phát cao và sự mất ổn định tại thị trường tài chính khiến sức mua toàn cầu sụt giảm. Ngành dệt may Việt Nam cũng không tránh khỏi vòng xoáy khó khăn do khi kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam năm 2023 đạt khoảng 40,3 tỷ USD, giảm 9,2% so với 2022. Thị trường và đơn hàng có lẽ là những khó khăn lớn nhất của các DN dệt may Việt Nam gặp phải trong năm 2023. STK vẫn có thể giữ những đơn hàng giá trị gia tăng cao của những khách hàng cao cấp nhờ vào sự tin tưởng lâu dài của khách hàng vào kỹ thuật của công ty trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và dịch vụ khách hàng xuất sắc (thời gian giao hàng ngắn, dịch vụ trước và sau khi mua hàng). Mặc dù quy mô khối lượng của những đơn đặt hàng đó nhỏ nhưng khả năng sinh lời cao, giúp công ty duy trì price gap ổn định. STK vẫn giữ vững mục tiêu duy trì với những khách hàng thân thiết, mở rộng tệp khách hàng mới và luôn đáp ứng các đơn hàng phức tạp có giá trị gia tăng cao.

Bên cạnh đó, STK thành công phát triển thêm các loại sợi thân thiện với môi trường có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle, Dope dye, Recycle Plus, từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế, đặc biệt là thị trường Mỹ.

DOANH THU THUẦN



LỢI NHUẬN SAU THUẾ, BIẾN LỢI NHUẬN RÒNG



CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 201-1)

Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:

- Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%;
- Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2022 trị giá hơn 122,7 tỷ đồng;
- Duy trì hoạt động sản xuất trong giai đoạn khó khăn của thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, cải thiện chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
- Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2023 ước tính 101,8 tỷ đồng;
- Thưởng 1 tháng lương vào dịp Tết Nguyên Đán 2023;
- Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;
- Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (GRI 202)

MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG VÀ TỶ LỆ THEO GIỚI TÍNH (GRI 202-1)

Công ty xem xét tỷ lệ của mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng dựa trên địa bàn hoạt động của Công ty tại nhà máy Củ Chi (TP.HCM) và Trảng Bàng (Tây Ninh).

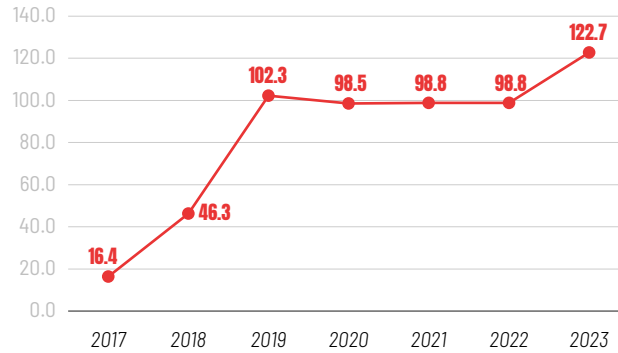
	Khu vực TP.HCM (VND)	Khu vực Tây Ninh (VND)
Lương tối thiểu vùng	4.680.000 đồng/tháng	4.160.000 đồng/tháng
Mức lương thấp nhất tại STK	7.141.000 đồng/tháng	6.455.000 đồng/tháng

Tên địa điểm	Tỷ lệ theo nam giới (%)	Tỷ lệ theo nữ giới (%)
TP.HCM	73%	27%
Tây Ninh	84%	16%

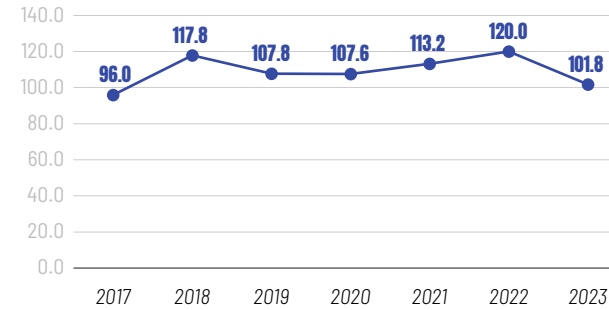
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)

NHỮNG ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI TRONG NĂM 2023

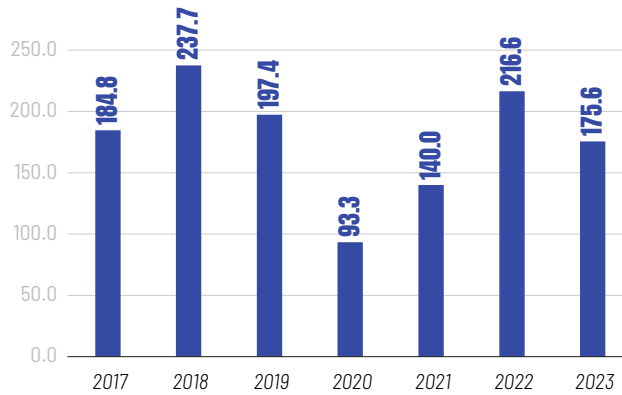
SỐ TIỀN CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM CHO CỔ ĐÔNG (TỶ VND)



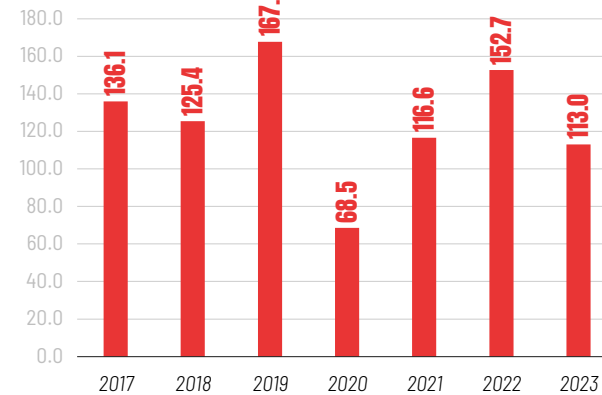
TỔNG SỐ TIỀN LƯƠNG - THƯỞNG ĐÃ CHI TRẢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (TỶ VND)



GIÁ TRỊ GIAO DỊCH VỚI NHÀ CUNG CẤP NỘI ĐỊA (TỶ VND)



TỔNG TIỀN THUẾ ĐÃ ĐÓNG TRONG NĂM 2023 (TỶ VND)





Mặc dù ảnh hưởng của lạm phát cao và suy thoái kinh tế, Công ty vẫn duy trì mức đóng góp cho nền kinh tế địa phương và xã hội. Trong năm 2023, tổng số tiền chi trả lương thưởng cho người lao động là hơn 101 tỷ đồng, góp phần nâng cao mức sống của người dân địa phương. Ngoài ra, những đóng góp gián tiếp của STK cho nền kinh tế địa phương và xã hội còn thể hiện qua ngân sách nộp thuế và giá trị giao dịch với nhà cung ứng nội địa, lần lượt là 113 tỷ và 175.5 tỷ trong năm 2023.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ NĂM 2024

- Tăng trưởng doanh thu: 2.703,5 tỷ đồng, tăng 90% so với thực hiện 2023;
- Tăng trưởng lợi nhuận: 300,6 tỷ đồng, tăng 242% so với thực hiện 2023;
- Tăng tỷ lệ sợi có giá trị gia tăng (sợi tái chế): 53,25% trên tổng doanh thu;
- Đảm bảo duy trì thưởng cho người lao động theo kết quả kinh doanh cuối năm;
- Chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty 15%/mệnh giá.

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - GRI 300



STK vẫn đang đi đúng hướng trong việc thực hiện các mục tiêu về môi trường. Công ty kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao năng lượng, nước và hạn chế tỷ lệ phát thải, phế phẩm nhằm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định và hiệu quả, giúp STK ngày càng tiến gần hơn với mục tiêu "xanh hóa" của ngành thời trang.

Mục tiêu 2023

- Tiêu hao nguyên vật liệu hợp lý;
- Nâng tỷ trọng vật liệu tái chế được sử dụng;
- Nâng cao tỷ trọng tái sử dụng vật liệu đóng gói;
- Sử dụng nguồn nước hợp lý và tiết kiệm;
- Tái sử dụng nước trong sản xuất;
- Sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và tiết kiệm;
- Tiết giảm chi phí điện;
- Giảm thiểu phát thải;
- Giảm phát thải khí nhà kính;
- Không vi phạm luật môi trường về rác thải và nước thải;
- Không vi phạm các sự cố an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường;
- Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo;
- Tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành về môi trường;
- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3,15 lần;
- Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn chiếm 2% trên tổng lượng nước sử dụng;
- Mục tiêu nước sử dụng m³/kg sợi: 0.0023;
- Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng sử dụng chiếm 10%;
- Tỷ lệ sợi recycle đóng góp trên tổng doanh thu chiếm 64%;
- Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY:1.26 kw/kg sợi; DTY:1.86 kw/kg sợi; FDY: 1,41 kw/kg sợi.
- Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: 0 lần;

Kết quả 2023

- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3,15 lần;
- Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng: 3,1%;
- Nước sử dụng m³/kg sợi: 0,0032
- Lượng điện năng tiêu thụ giảm 19%, điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1,07 kwh/kg sợi; DTY:1.97 kwh/kg sợi; FDY: 1,23 kwh/kg sợi
- Áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện 2023 giúp giảm 425,2 Mwh/năm;
- Hệ số phát thải carbon footprint của điện năng giảm 19,5%;
- Tổng lượng điện sử dụng từ dự án năng lượng mặt trời 6.857 Mwh, chiếm hơn 6,5% trên tổng năng lượng tiêu thụ;
- Hệ số phát thải carbon footprint của dầu DO cho xe nâng giảm 100%;
- Tỷ lệ sợi recycle chiếm 49,5% trên tổng doanh thu;
- Không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về rác thải và xử lý nước thải, an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy;
- Kết quả chỉ số của báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo đo đạt môi trường lao động đều nằm trong khung tuân thủ theo quy định và luật môi trường;

1. Phương pháp quản trị (GRI 2-12)

Nhằm đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững ngành dệt may Việt Nam, Công ty luôn không ngừng nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, giảm tác động tiêu cực tới môi trường. Do vậy, Công ty ưu tiên nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu tái chế, đầu tư máy móc, thiết bị tự động, cải tiến công nghệ sản xuất theo hướng xanh, sạch, giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, được xem là giải pháp cần thiết để doanh nghiệp tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty theo MM- QT- 02; Quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng; Quy định đảm bảo chất lượng nước đầu vào từ khu công nghiệp QCVN -02- 2009/BYT; Báo cáo quan trắc chất lượng nước định kỳ và báo cáo đánh giá tác động môi trường; Chính sách tiết kiệm năng lượng; Quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; Kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm; Chính sách quản lý và xử lý rác thải tại Công ty, quy định tiêu chuẩn chất lượng nước giá trị C, Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT; Chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS 4.0, luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14;
CAM KẾT	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện từ nhà cung ứng uy tín chất lượng; Đảm bảo nguồn nước sạch cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt; Tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên nước thông qua các biện pháp và sáng kiến tiết kiệm nước; Sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; Tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần giảm phát thải khí nhà kính CO₂; Quản lý nguồn nước thải và rác thải chặt chẽ, không gây tác động tới môi trường;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì sản phẩm một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao, cạnh tranh; Cung cấp nguồn nước đạt chất lượng phục vụ sản xuất sản phẩm và đảm bảo sức khỏe người lao động; Giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế việc làm trái đất nóng lên, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa chi phí;
TRÁCH NHIỆM	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	<ul style="list-style-type: none"> Ban Điều Hành, phòng thu mua, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất, bộ phận tài chính và toàn thể CBCNV Công ty.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	<ul style="list-style-type: none"> Phòng thu mua, Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ, Bộ phận sản xuất, Ban an toàn - vệ sinh - lao động.

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 2-18)

- Trong năm 2023, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng (PET chip recycle) chiếm hơn 44,3% trong tổng lượng PET chip sử dụng của Công ty, chủ yếu Công ty tập trung phát triển và đẩy mạnh việc kinh doanh sợi tái chế theo nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường.
- Lượng nước sử dụng tại công ty giảm 14% so với năm 2022, nguyên nhân là do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm 2023 ít hơn so với năm 2022 nên tiêu thụ nước ít hơn, bên cạnh đó tỷ lệ nước tuần hoàn và tái sử dụng tăng lên 3,1% trong năm 2023 từ mức 2,7% trong năm 2022 cũng là một nguyên nhân làm giảm lượng nước sử dụng.
- Lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, FDY và POY lần lượt tăng 16,8%, 12,1% và 10% so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do việc thu hẹp hoạt động sản xuất dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm 2023 giảm 25% so với cùng kỳ năm 2022 trong khi các hệ thống phụ trợ như khí nén, điều không vẫn hoạt động 100% công suất. Bên cạnh đó công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.
- Năm 2021 công ty đã đưa vào hoạt động 2 hệ thống điện mặt trời áp mái với tổng công suất 7.4 MwP. Công ty đã ký hợp đồng với đối tác để mua thêm điện tái tạo với tổng công suất 75 MwP trong các năm tới .
- Hệ số Cacbon footprint theo điện năng tiêu thụ có giảm 19,5% so với năm 2022.
- Không có ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ nước thải và rác thải.
- Các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

VẬT LIỆU (GRI 301)

VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT (GRI 301-1)

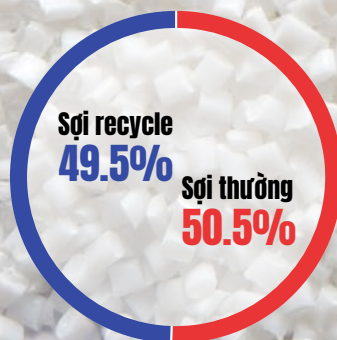
- Công ty sử dụng nguồn nguyên, vật liệu đầu vào được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Đức với quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng phát thải nhà kính ra môi trường.
- Khuyến khích các nhà cung ứng bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện cam kết bằng văn bản việc tuân thủ bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp sáng tạo trong hoạt động kinh doanh để giảm phát thải khí nhà kính, chống biến đổi khí hậu.

Phân loại vật liệu	STT	Chủng loại nguyên vật liệu	Nguồn gốc vật liệu
VẬT LIỆU KHÔNG THỂ TÁI TẠO	1	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật
	2	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
VẬT LIỆU CÓ THỂ TÁI TẠO	3	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	4	Thùng Carton	Việt Nam

VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÔNG TY (GRI 301-2)

- Để sản xuất sợi recycle thân thiện với môi trường thì Công ty ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là recycle PET chip, tỷ lệ doanh thu sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2023 chiếm 49,5%.
- Dây chuyền tái chế sợi phế trong sản xuất thành hạt nhựa tái sinh phục vụ nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty có công suất 1.500 tấn/năm giúp giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường, đồng thời giúp Công ty giảm chi phí sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý.

CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM 2023



SẢN PHẨM ĐƯỢC TÁI SỬ DỤNG VÀ VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM (GRI 301-2)

- Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy. Với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,15 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tái sử dụng lại pallets gỗ trong hoạt động giao nhận hàng, các vật dụng và linh kiện sản xuất như đầu lọc trong quy trình sản xuất sợi POY, nhằm giúp gián tiếp giảm việc tiêu hao và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Trong năm 2024 dự kiến tỷ lệ tái sử dụng ống giấy sẽ về mức 3,0. Theo bộ phận sản xuất POY, vì POY là bán thành phẩm để sản xuất tiếp sợi DTY và để khống chế lỗi cho DTY buộc số lần tái sử dụng ống giấy phải giảm xuống. Vì việc sử dụng ống giấy nhiều lần có thể gây móp hoặc bẩn ống giấy và không đạt tiêu chuẩn cho bộ phận DTY. Việc giảm tỷ lệ sử dụng ống giấy xuống 3 lần để đảm bảo quá trình quấn sợi ống bị lỗi lôm không ảnh hưởng đến những khâu sau khi gia công DTY.
- Trong năm 2023, số lượng ống giấy POY sử dụng là 682.817 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2023 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{682.817 \times 3,15}{682.817 \times 3,15 + 11.215.901} = 16\% \end{aligned}$$

Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2023 là

16%

NƯỚC (GRI 303)

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)



NƯỚC BỀ MẶT BAO GỒM NƯỚC TỪ CÁC VÙNG ĐẦM LẦY, SÔNG, HỒ, VÀ ĐẠI DƯƠNG: **0 M³** (KHÔNG ÁP DỤNG)



NƯỚC NGẦM: **0 M³** (KHÔNG ÁP DỤNG)



NƯỚC MƯA DO TỔ CHỨC THU THẬP VÀ ÁP DỤNG: **0 M³** (KHÔNG ÁP DỤNG)



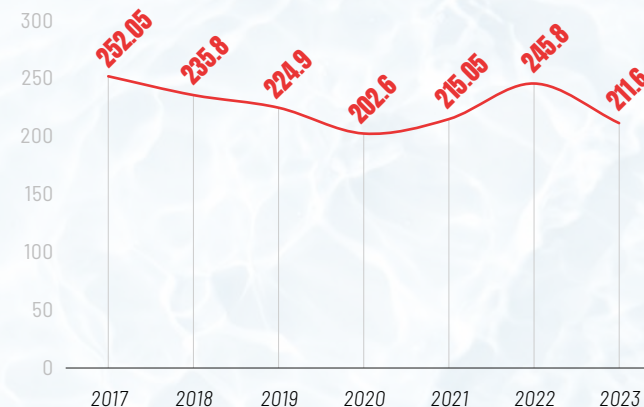
NƯỚC THẢI TỪ TỔ CHỨC KHÁC: **0 M³** (KHÔNG ÁP DỤNG)



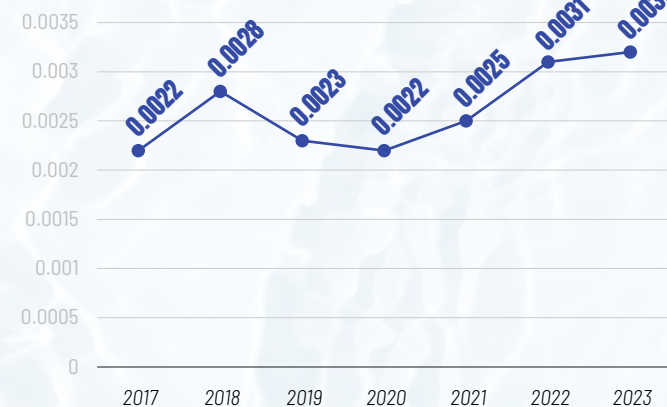
CÁC NGUỒN CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ HOẶC CƠ SỞ CẤP NƯỚC CÔNG CỘNG HOẶC TƯ NHÂN KHÁC: NGUỒN NƯỚC ĐƯỢC SỬ DỤNG TẠI CÔNG TY ĐƯỢC CUNG CẤP VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BỞI BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP (KCN).

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)

LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG (NGHÌN M³)



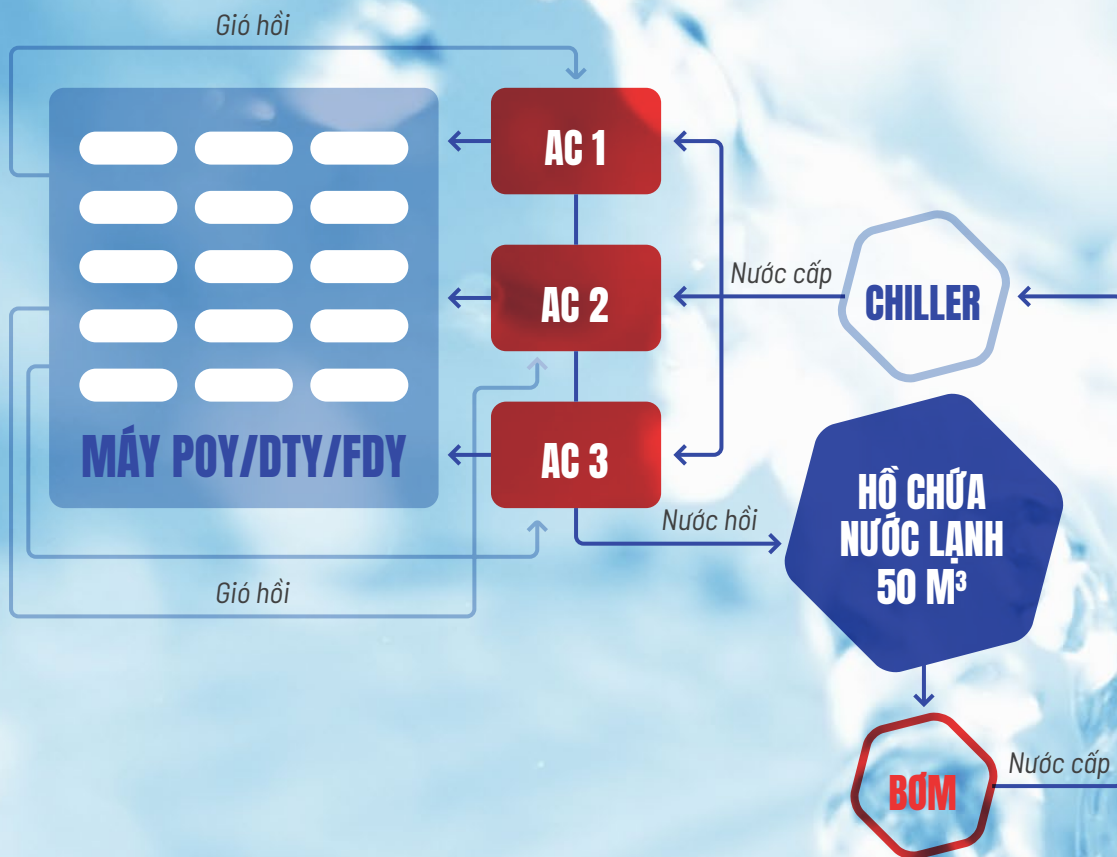
MỨC TIÊU HAO NƯỚC (m³/kg sợi)



Trong năm 2023, mức tiêu hao nước sử dụng giảm 14% so với năm 2022, mức giảm tiêu hao nước sử dụng nhỏ hơn nhiều so với mức giảm sản lượng (sản lượng sản xuất giảm 25% trong năm 2023) nên mức tiêu hao nước trên 1kg sợi của năm 2023 tăng nhẹ 3,2% so với năm 2022 (0,031 m³/kg sợi-2022 và 0,032 m³/kg sợi-2023). Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 21,65 triệu đồng trong năm 2023.

Tuần hoàn và tái sử dụng nước (GRI 303-3)

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m³ nước.



TỶ LỆ PHẦN TRĂM CỦA NƯỚC TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG 2023

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{6.571}{211.622} \times 100 = 3,1\%$$

CÁC BIỆN PHÁP TÁI SỬ DỤNG VÀ TIẾT KIỆM NƯỚC NĂM 2023

Giải pháp	Hiệu quả
<ul style="list-style-type: none"> Thu hồi nước xả máy nén 3,4 TB3. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tiết kiệm 3m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 7.560.000 VNĐ/năm.
<ul style="list-style-type: none"> Thu hồi nước ngưng tụ từ AC6 Củ Chi về hồ gom để tái sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tiết kiệm 2m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 6.534.000 VNĐ/năm.

NĂNG LƯỢNG (GRI 302)

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

- Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:
- Nguồn nhiên liệu không tái tạo: Dầu DO và điện EVN. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2023: 4,48 tấn, tương đương 5.600 lít. Dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC. Lượng điện EVN sử dụng trong năm 2023 là 99,2 triệu Kwh.
- Nguồn nhiên liệu tái tạo: Điện mặt trời. Lượng điện mặt trời đã sử dụng trong năm 2023 là 6,9 triệu Kwh.

KHỐI LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ TRONG NĂM 2023

LƯỢNG ĐIỆN SỬ DỤNG (Mwh)



LƯỢNG DẦU DO SỬ DỤNG QUA CÁC NĂM (LÍT)



Nguồn năng lượng	Năm 2023	Hệ số quy đổi ra MJ	Mj
Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN) (Kwh)	106,052,949.46	3.6	381,790,618
Dầu DO (Lit)	5,600	36.845	206,332

Chú thích:

- <https://bachhopsc.com.vn/dac-tinh-co-ban-cua-gas/> (quy đổi 1 kg dầu DO về 1 kcal);
- <https://www.convertworld.com/vi/nang-luong/j.html> (quy đổi 1 kcal về 1 kJ);
- <http://www.saigonpetro.com.vn/linh-vuc-hoat-dong/95/diezen-do.html> (khối lượng riêng của dầu DO = 820-860 kg/m³ - QCVN 01:2015/BKHCN).

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ trong tổ chức

=

nhiên liệu không tái tạo đã tiêu thụ

+

nhiên liệu tái tạo đã tiêu thụ

=

382 tỷ KJun

CƠ CẤU TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG CỦA STK TRONG NĂM 2023 (ĐƠN VỊ MJ)

Dầu DO **0%**

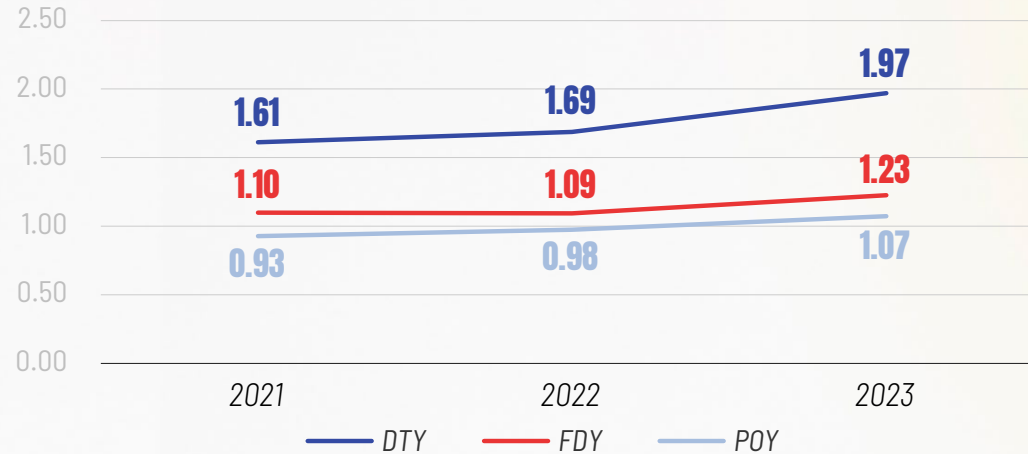
Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN) **100%**



CƯỜNG ĐỘ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (GRI 302-3)

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg). Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:

ĐIỆN TIÊU HAO TRÊN 1 KG SỢI (KWH/KG SỢI)



Lưu ý: Sản lượng đã quy đổi theo denier chuẩn của từng loại sợi DTY, FDY và POY

- Tổng lượng điện năng tiêu thụ năm 2023 giảm 19% so với 2022, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 nên tổng lượng điện năng sử dụng 2023 thấp hơn 2022. Mặc dù vậy, lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, POY và FDY lần lượt tăng 16,8%, 10% và 12,1% so với cùng kỳ chủ yếu do việc thu hẹp hoạt động sản xuất dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm 2023 giảm 25% so với cùng kỳ năm 2022 trong khi các hệ thống phụ trợ như khí nén, điều không vẫn hoạt động 100% công suất. Bên cạnh đó công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

Giải pháp	Hiệu quả
<ul style="list-style-type: none">Thực hiện gắn inverter cho motor dầu thải máy DTY (3 máy).	<ul style="list-style-type: none">Dự kiến tiết kiệm được 89,5 triệu VND/năm.
<ul style="list-style-type: none">Canh chỉnh cánh quạt AC1,2,3 TB2Gắn inverter cho motor quạt hút, quạt thổi AC1,2,3.	<ul style="list-style-type: none">Dự kiến tiết kiệm chi phí: 787,8 triệu VND/năm.



PHÁT THẢI (GRI-305)

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-2)

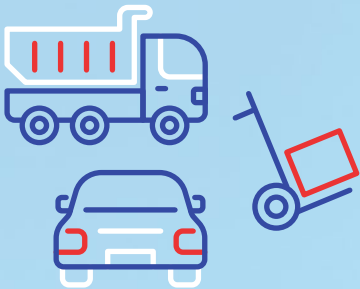
Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:



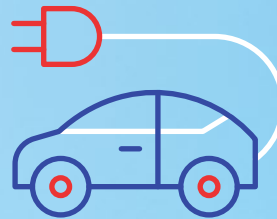
Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để **có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.**



Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải **6 tháng/lần** theo quy định của pháp luật hiện hành.



Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe **container, xe tải, xe nâng, xe con** của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.



Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại **xe điện**



Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.



CARBON NET ZERO



Giảm phát thải khí nhà kính STK

Giảm phát thải nhà kính

Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

STK là một trong các doanh nghiệp sợi hàng đầu tại Việt Nam, công ty kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao năng lượng, nước và hạn chế tỷ lệ phát thải, phế phẩm nhằm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định và hiệu quả, giúp STK ngày càng tiến gần hơn với mục tiêu “xanh hóa” của ngành thời trang

Bên cạnh đó Công ty đã tiếp cận toàn diện, triển khai một cách bài bản và đồng bộ các giải pháp để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, hướng đến mục tiêu chung phát thải ròng bằng 0 năm 2050.



Hiệu quả sử dụng năng lượng



Sử dụng năng lượng tái tạo



Mua năng lượng tái tạo từ bên ngoài (PPAs)



Sử dụng xe nâng hàng điện trong Công ty



Cam kết của các nhà cung ứng trong chuỗi cung ứng



Tối ưu sử dụng các phương tiện vận chuyển của Công ty

GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRONG TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

SCOPE 1 Trực tiếp

Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi công ty.

Công ty không sở hữu lò hơi, hoặc sử dụng các vật liệu than đá, để tạo hơi và sản sinh ra khí nhà kính. Công ty chỉ sử dụng một lượng nhỏ dầu DO để chạy máy phát khí mất điện và để nạp máy bơm PCCC.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Polyester Filament từ hạt nhựa PET, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

SCOPE 2 Gián tiếp

Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do công ty mua.

SCOPE 3 Gián tiếp

Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của công ty.

Công ty đã gia tăng tỷ trọng trong việc sử dụng hạt nhựa tái chế trong các năm vừa qua.

Cuối năm 2023 và đầu năm 2024 nhà máy Trảng Bàng của Công ty đã phối hợp với Tổ chức Quốc tế và Bảo Tồn Thiên Nhiên tại Việt Nam (gọi tắt là WWF-Việt Nam) và Trung tâm Nghiên cứu Và Phát triển về Tiết kiệm Năng lượng (ENERTEAM) là đơn vị tư vấn phụ trách triển khai hoạt động kiểm kê khí nhà kính cho nhà máy. Hoạt động này nhằm thúc đẩy các giải pháp sử dụng năng lượng bền vững và giảm phát thải carbon, hướng tới tương lai "Net Zero", đồng thời đề xuất các khuyến nghị phù hợp (như lộ trình giảm phát thải KNK) để Công ty có thể áp dụng tiến đến giảm lượng phát thải CO₂, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu theo các quy định của Việt Nam và thế giới.

Thông qua việc khảo sát thực tế hiện trường và các số liệu mà Công ty cung cấp theo yêu cầu của ENERTEAM lượng phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng năm 2023 như sau:

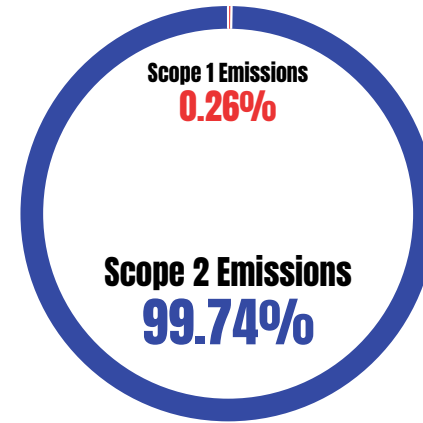
Phát thải của nhà máy Trảng Bàng năm 2023

	Hoạt động phát thải	Phát thải KNK (tấn CO ₂ td)				Tổng phát thải (tấn CO ₂ td)	Tỷ lệ
		CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs		
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	14.32	62.46	0.03	62.42	139.23	0.26%
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	13.38	0.02	0.03	-	13.43	0.03%
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	-	62.45	-	-	62.45	0.12%
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	-	-	-	62.42	62.42	0.12%
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0.94	-	-	-	0.94	0.00%
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	52,765.40	-	-	-	52,765.40	99.74%
2.1	Điện mua	52,765.40	-	-	-	52,765.40	99.74%
	Tổng	52,779.72	62.46	0.03	62.42	52,904.63	100.00%

Nguồn: Báo cáo kiểm kê KNK năm 2023 cho nhà máy Trảng Bàng của ENERTEAM



Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Trảng Bàng năm 2023



Phát thải của nhà máy Củ Chi 2023

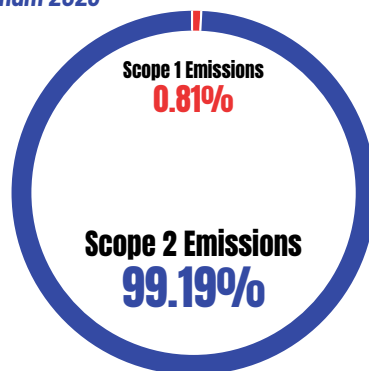
	Hoạt động phát thải	Phát thải KNK (tấn CO ₂ đ)				Tổng phát thải (tấn CO ₂ đ)	Tỷ lệ
		CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs		
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	1.88	34.95	0.004	83.23	120.06	0.81%
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	1.606	0.002	0.004	-	1.61	0.01%
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	-	34.95	-	-	34.95	0.24%
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	-	-	-	83.23	83.23	0.56%
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0.27	-	-	-	0.27	0.00%
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	14,712.55	-	-	-	14,712.55	99.19%
2.1	Điện mua	14,712.55	-	-	-		
	Tổng	14,714.43	34.952	0.004	83.23	14,832.62	100.00%

Nguồn: STK tính toán theo phương pháp ENERTEAM

Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Củ Chi năm 2023

Có thể thấy Phạm vi 2 (Điện năng tiêu thụ) đang chiếm tỷ trọng cao lên đến hơn 99% cơ cấu phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi.

Dựa trên cách tính lượng phát thải khí nhà kính của ENERTEAM cho nhà máy Trảng Bàng năm 2023, STK đã tính lượng phát thải KNK của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng cho bốn năm từ 2020 đến 2023.



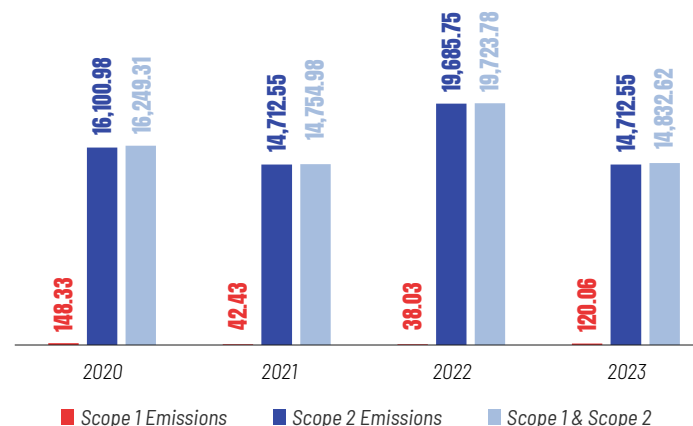
Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Củ Chi

Phát thải nhà máy Củ Chi

Đơn vị: (Tấn CO₂ tđ)

STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	148.33	42.43	38.03	120.06
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định (dầu DO)	1.61	0.00	0.00	1.61
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	42.40	42.16	37.76	34.95
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	104.04	0	0	83.232
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0.27	0.27	0.27	0.27
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	16,100.98	14,712.55	19,685.75	14,712.55
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	16,100.98	14,712.55	19,685.75	14,712.55
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		16,249.31	14,754.98	19,723.78	14,832.62

Lượng phát thải theo phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Củ Chi



Lưu ý: Phương pháp tính toán căn cứ theo các công thức và phương pháp thu thập dữ liệu của ENERTEAM

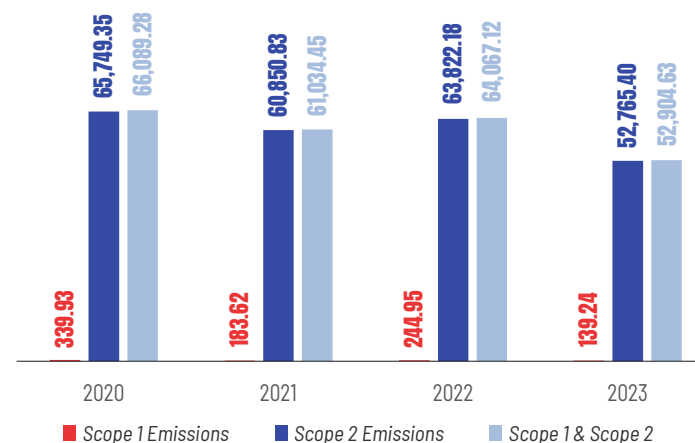
Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Trảng Bàng.

Phát thải nhà máy Trảng Bàng

Đơn vị: (Tấn CO₂ tđ)

STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	339.93	183.62	244.95	139.24
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định (dầu DO)	14.02	7.52	7.52	13.43
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	75.28	71.12	70.02	62.45
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	249.70	104.04	166.46	62.42
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0.94	0.94	0.94	0.94
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	65,749.35	60,850.83	63,822.18	52,765.40
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	65,749.35	60,850.83	63,822.18	52,765.40
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		66,089.28	61,034.45	64,067.12	52,904.63

Lượng phát thải theo phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Trảng Bàng

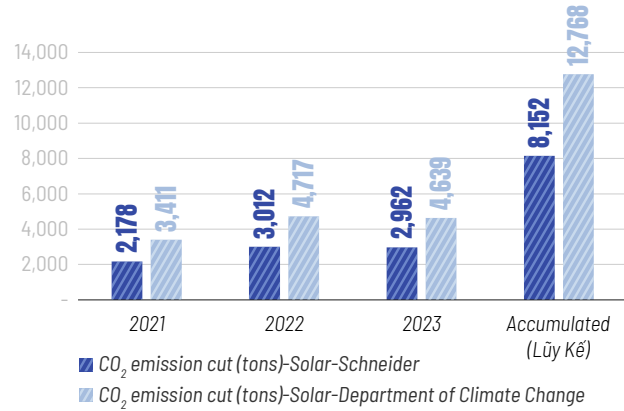


Lưu ý: Phương pháp tính toán căn cứ theo các công thức và phương pháp thu thập dữ liệu của ENERTEAM

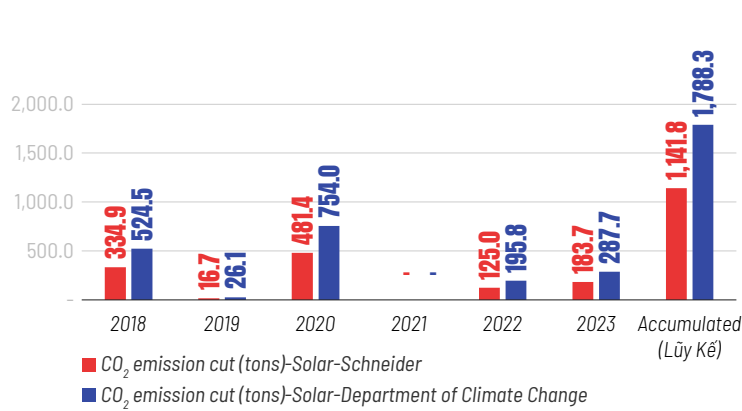
Bên cạnh đó, trong những năm qua STK đã thực hiện những biện pháp góp phần cắt giảm KNK như: các sáng kiến tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng hạt nhựa tái chế.

Chi tiết scope 2: Lượng carbon footprint cắt giảm do các biện pháp tiết kiệm điện và cắt giảm do sử dụng điện tái tạo

CARBON FOOTPRINT CẮT GIẢM NHỜ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (TẤN)



CARBON FOOTPRINT CẮT GIẢM NHỜ CÁC SÁNG KIẾN (TẤN)



Lượng **Carbon footprint cắt giảm lũy kế đến năm 2023** nhờ **sử dụng năng lượng tái tạo** là **8.512 tấn** tính theo hệ số phát thải của **Schneider**¹ và **12.768 tấn** tính theo hệ số phát thải của **Cục BĐKH**

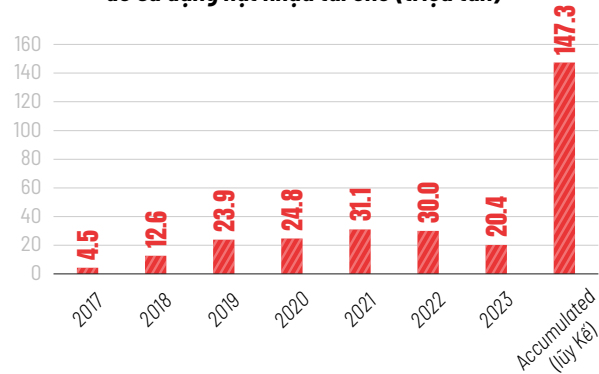
Lượng **Carbon footprint cắt giảm lũy kế đến năm 2023** nhờ **các sáng kiến tiết kiệm điện** là **1.142 tấn** tính theo hệ số phát thải của **Schneider** và **1.788 tấn** tính theo hệ số phát thải của **Cục BĐKH**¹

¹ Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric: 0,432 tấn CO₂/Mwh.

¹ Hệ số phát thải tính theo Cục Biến Đổi Khí Hậu Việt Nam (Department of Climate Change-DCC): 0,6766 tấn CO₂/Mwh.

Chi tiết scope 3: Carbon footprint cắt giảm do sử dụng hạt nhựa tái chế

Carbon footprint cắt giảm do sử dụng hạt nhựa tái chế (triệu tấn)



Lưu ý: Theo số liệu từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK, hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO₂e/tấn chip và 2,36 tấn CO₂e/tấn chip

Lượng **carbon footprint cắt giảm lũy kế** từ năm 2017 đến năm 2023 do **sử dụng hạt nhựa tái chế** là **147,3 triệu tấn**

SỐ LIỆU CARBON FOOTPRINT CỦA STK TRONG NĂM 2023 NHƯ SAU:

Phát thải CO₂ (Schneider Electric)

	Lượng tiêu thụ 2023	Hệ số phát thải CO ₂ (Schneider Electric)	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Tăng/giảm % 2023/2022
Điện năng	106.053 MWh/năm	0,432 (tCO ₂ e/MWh)	57.081 (tCO ₂ e/năm)	56.545 (tCO ₂ e/năm)	45.802 (tCO ₂ e/năm)	-19%
<i>Trong đó, phát thải cacbon Phạm vi 2 (Scope 2) trên 1kg sợi</i>						
DTY	1,82 kwh/kg	0,432 (kgCO ₂ e/kWh)	0,67 (kgCO ₂ e/kWh)	0,69 (kgCO ₂ e/kWh)	0,79 (kgCO ₂ e/kWh)	+14,3
FDY	1,12 kwh/kg	0,432 (kgCO ₂ e/kWh)	0,45 (kgCO ₂ e/kWh)	0,45 (kgCO ₂ e/kWh)	0,48 (kgCO ₂ e/kWh)	+6,6%
POY	1,01 kwh/kg	0,432 (kgCO ₂ e/kWh)	0,39 (kgCO ₂ e/kWh)	0,40 (kgCO ₂ e/kWh)	0,44 (kgCO ₂ e/kWh)	+8,1%

Ghi chú: Điện tiêu thụ/kg sợi (Lượng điện tiêu thụ không bao gồm điện mặt trời do hệ số phát thải của điện mặt trời bằng 0)

Phát thải CO₂ (Cục BDKH)

	Lượng tiêu thụ 2023	Hệ số phát thải CO ₂ (Cục BDKH)	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Tăng/giảm % 2023/2022
Điện năng	106.053 MWh/năm	0,6766 (tCO ₂ e/MWh)	89.402 (tCO ₂ e/năm)	88.587 (tCO ₂ e/năm)	71.756 (tCO ₂ e/năm)	-19%
<i>Trong đó, phát thải cacbon Phạm vi 2 (Scope 2) trên 1kg sợi</i>						
DTY	1,82 kwh/kg	0,6766 (kgCO ₂ e/kWh)	1,05 (kgCO ₂ e/kWh)	1,08 (kgCO ₂ e/kWh)	1,23 (kgCO ₂ e/kWh)	+14,3
FDY	1,12 kwh/kg	0,6766 (kgCO ₂ e/kWh)	0,71 (kgCO ₂ e/kWh)	0,71 (kgCO ₂ e/kWh)	0,76 (kgCO ₂ e/kWh)	+6,6%
POY	1,01 kwh/kg	0,6766 (kgCO ₂ e/kWh)	0,61 (kgCO ₂ e/kWh)	0,63 (kgCO ₂ e/kWh)	0,69 (kgCO ₂ e/kWh)	+8,1%

Ghi chú: Điện tiêu thụ/kg sợi (Lượng điện tiêu thụ không bao gồm điện mặt trời do hệ số phát thải của điện mặt trời bằng 0)

Hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi POY, DTY, FDY có tăng so với năm 2022 (POY tăng 8,1%, DTY tăng 14,3%; FDY tăng 6,6%), chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt trong năm, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn trên một đơn vị sợi.

SÁNG KIẾN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CARBON FOOTPRINT

1. THÔNG QUA SỬ DỤNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO- NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI:

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7,4 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA¹ ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.

Từ đầu dự án đến cuối năm 2023

Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	25.262
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	18.870

Từ năm 2024 đến hết vòng đời dự án

Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	926.152
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	691.817
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar (DPPA TB)	2.259.099
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)(DPPA TB)	1.687.500
Tổng lượng CO ₂ giảm được:	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	3.185.252
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	2.379.317

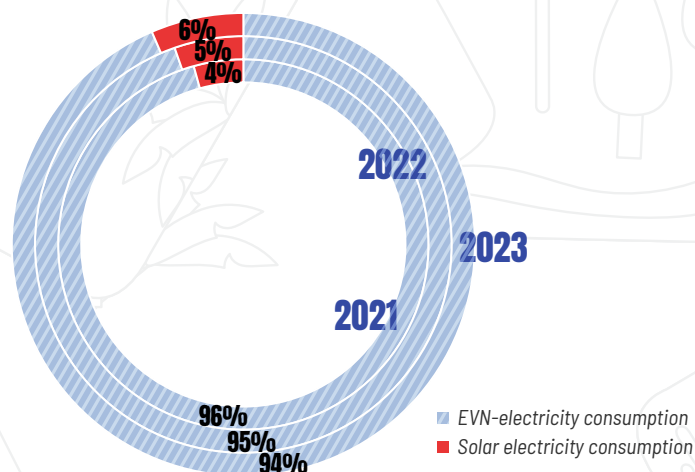
Lưu ý: Hệ số phát thải của Indefol/Aurora là 1,3387 ton CO₂e/Mwh

2. THÔNG QUA MỤC TIÊU NÂNG TỶ TRỌNG SỢI TÁI CHẾ TRONG TỔNG DOANH THU ĐẾN 2026-2027

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường “sợi Recycle” trong tổng doanh thu từ 49,5% năm 2023 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy Củ Chi, Trảng Bàng và Unitex.

	2023	2026-2027
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	49,5%	60%-70%
Lượng CO ₂ (triệu tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	20,35 triệu tấn	Khoảng 123,05 triệu tấn

Cơ cấu tiêu thụ điện giai đoạn 2021-2023



¹ DPPA (Direct Power Purchase Agreement)- là thỏa thuận trực tiếp giữa bên sản xuất điện bên và có nhu cầu mua điện về việc mua bán điện mà KHÔNG thông qua các công ty điện lực của EVN. Hợp đồng này có tính chất song phương giá điện và thời hạn được cả hai bên thỏa thuận. Vì vậy, các doanh nghiệp có thể quản lý được sự biến động giá điện, giảm hóa đơn điện và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp.



3. THAM GIA VÀO CÁC NỀN TẢNG SÁNG KIẾN ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO DỮ LIỆU CARBON

Nhằm cải thiện và giám sát các hoạt động có liên quan đến việc tác động môi trường, Công ty đã tham gia vào chương trình theo dõi và công bố Carbon tại doanh nghiệp (Carbon Disclose Project-CDP) trong năm 2022.



Công ty thực hiện cung cấp thông tin và số liệu liên quan thông qua bảng câu hỏi chi tiết về các chủ đề biến đổi khí hậu (dữ liệu phát thải scope 1,2,3), công bố về phương pháp quản trị hệ thống nhận diện rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp, cơ chế quản trị doanh nghiệp, các vấn đề về sử dụng năng lượng và chiến lược phát triển của Công ty.

Nhờ vậy, Công ty nhận diện được các lĩnh vực mình cần cải thiện trong thời gian tới: tăng tính tin cậy của số liệu phát thải carbon footprint scope 1,2 và 3 thông qua việc đánh giá và xác nhận của các tổ chức uy tín, tăng cường triển khai lập kế hoạch sử dụng năng lượng và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng tại tổ chức, tăng cường huy động sự tham gia của chuỗi cung ứng trong cam kết giảm phát thải carbon và chiến lược chống biến đổi khí hậu.

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục công bố dữ liệu carbon của mình trên cổng thông tin của CDP, việc công bố định kỳ và được chấm điểm bởi CDP sẽ giúp Công ty nhận diện được tình trạng hiện tại của các lĩnh vực, khuyến khích Công ty đo lường và quản lý tác động môi trường từ đó giúp Công ty đề ra những chiến lược tích hợp cả về kinh tế và bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu chung Net-Zero năm 2050.

STT	Khoản mục	Điểm 2022	Điểm 2023
1	Value chain engagement	B	C
2	Targets	B-	C
3	Scope 3 emissions (incl. verification)	D	D-
4	Scope 1 & 2 emissions (incl. verification)	D	C
5	Risk management processes	B-	C
6	Risk Disclosure	B	C
7	Opportunity Disclosure	B	C
8	Governance	A-	C
9	Energy	B-	C
10	Emissions reduction initiatives	A-	D
11	Business Strategy, Fianancial Planning & Scenario Analysis	A-	C

Hầu hết các khoản mục theo đánh giá của CDP đều bị giảm điểm trong năm 2023. Lý do là CDP cập nhật tiêu chí chấm điểm mới từng năm trong khi các phản hồi của STK tới CDP trong năm 2023 hầu như giữ nguyên như năm 2022. Bên cạnh đó, bộ câu hỏi của CDP trong năm 2023 có cập nhật một số các câu hỏi mới, Công ty chưa cập nhật kịp thời và đã không phản hồi các câu hỏi đó cho CDP. Một trong những tiêu chí của CDP là phải công bố đầy đủ và chi tiết việc công bố chưa đầy đủ có thể là lý do cho việc giảm điểm trong năm 2023, thêm vào đó CDP sẽ thay đổi tiêu chí chấm điểm qua từng năm nhằm giúp doanh nghiệp nhận diện kịp thời tiến độ bảo vệ môi trường của công ty mình qua đó thúc đẩy các công ty công bố tác động của mình đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đồng thời thực hiện hành động để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Trong năm 2024, STK sẽ theo sát các hướng dẫn của CDP trong việc phản hồi các câu hỏi, cung cấp thông tin chi tiết và đầy đủ theo quy định của CDP. Đồng thời chú trọng nhiều hơn vào các khoản mục có tỷ trọng điểm cao như: Mục tiêu(Targets), Phát thải phạm vi 1, 2 (Scope 1&2 emissions), Quản trị (Governance) và chú trọng nhiều hơn các khoản mục bị giảm điểm mạnh như: Các sáng kiến cắt giảm phát thải (Emissions reduction initiatives), Chiến lược kinh doanh, Kế hoạch tài chính, Phân tích kịch bản (Business Strategy, Fianancial Planning & Scenario Analysis).

4. KÍ CAM KẾT SBTi VỚI MỘT KHÁCH HÀNG THƯƠNG HIỆU



SCIENCE BASED TARGETS

DRIVING AMBITIOUS CORPORATE CLIMATE ACTION

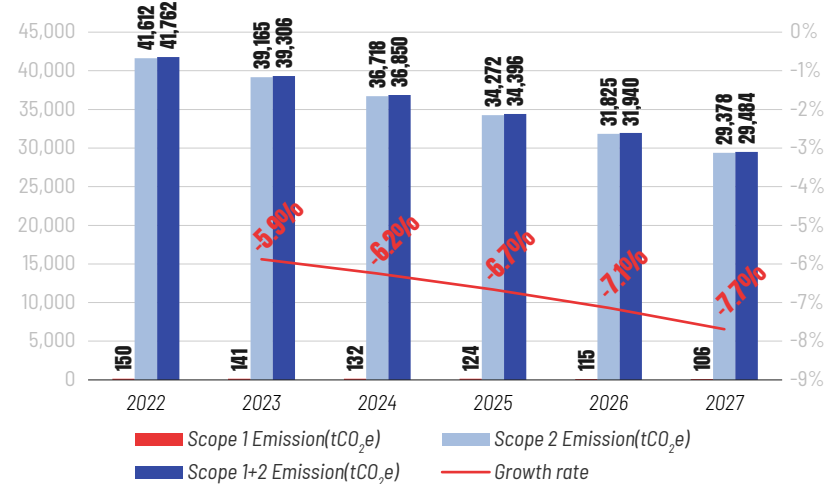
Bên cạnh đó, Nhà máy Trắng Bàng của Công ty đã cùng khách hàng Decathlon cam kết SBTi¹ trong năm 2023, đồng hành với thương hiệu này trong việc thiết lập các mục tiêu về cắt giảm khí nhà kính. STK nhận thấy vai trò quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp trong việc giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra cho tương lai của hành tinh.

Chi tiết cam kết SBTi với Decathlon của nhà máy Trắng Bàng. Năm cơ sở và mục tiêu cắt giảm khí thải nhà kính đến năm 2027.

Năm cơ sở 2022		Năm mục tiêu 2027	
Scope 1 Emission (tCO ₂ e)	150	Scope 1 Emission (tCO ₂ e)	106
Scope 2 Emission (tCO ₂ e)	46.612	Scope 2 Emission (tCO ₂ e)	29.378

¹ SBTi là viết tắt của "Science Based Targets initiative". Mục tiêu của SBTi là đảm bảo rằng các doanh nghiệp, tổ chức và chính phủ thiết lập mục tiêu giảm lượng khí nhà kính của họ dựa trên cơ sở khoa học về biến đổi khí hậu.

CAM KẾT CẮT GIẢM KNK CỦA STK CHI NHÁNH TRẮNG BÀNG



Các thông tin về tiêu thụ năng lượng của nhà máy Trắng Bàng được Công ty cung cấp lên platform "Resource Advisor" nhằm phục vụ cho mục đích xác minh kết quả cắt giảm khí nhà kính tại nhà máy có đang phù hợp với lộ trình cam kết từ đó giúp Công ty có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp để đạt được cam kết cắt giảm khí thải đã đề ra ban đầu..

5. CÁC ĐỀ XUẤT CỦA ENERTEAM VỀ CÁC GIẢI PHÁP CẮT GIẢM TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG VÀ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Mục	Tên giải pháp	Tiết kiệm hàng năm Điện (kWh)	Giảm phát thải KNK				Tiết kiệm (triệu đồng/năm)	Đầu tư (triệu đồng)	Hoàn vốn (năm)
			Phạm vi 1 (tấn CO ₂ td)	Phạm vi 3 (tấn CO ₂ td)	Tổng (tấn CO ₂ td)	Tỷ lệ giảm phát thải			
1	Sử dụng đèn LED hiệu suất cao	63.878	-	43,2	43,2	0,08%	115	62	0,5
2	Thay thế quạt truyền động dây đai bằng quạt truyền động trực tiếp	127.258	-	86,1	86,1	0,16%	228	Không nhiều	Tức thì
3	Lắp biến tần điều khiển quạt hút dầu	197.012	-	133,3	133,3	0,25%	354	45	0,1
4	Giảm nhiệt độ đầu vào máy nén khí tại TB 3&4	225.400	-	152,5	152,5	0,29%	405	Không	Tức thì
5	Sử dụng cảm ứng điện từ gia nhiệt thay cho điện trở	296.609	-	200,7	200,7	0,38%	532	1.102	2,1
6	Lắp biến tần điều khiển bơm/quạt các khu vực AC	1.490.603	-	1.008,5	1.008,5	1,91%	2.676	859	0,3
7	Điều khiển bơm nước lạnh, bơm và quạt tháp giải nhiệt HQLN	595.143	-	402,7	402,7	0,76%	1.068	477	0,4
8	Xây dựng hệ thống quản lý năng lượng	838.158	-	567,1	567,1	1,07%	1.504	532	0,4
9	Mua tín chỉ carbon hoặc mua điện từ các nhà cung cấp điện năng lượng tái tạo		-	13.329,0	13.329,0	25,19%	-	296	-
Tổng		3.834.061	-	15.923,1	15.923,1	30,10%	6.882	3.372	-
Tỷ lệ tiết kiệm/ Tỷ lệ giảm phát thải		4,57%	-	30,18%	30,10%	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo kiểm kê KNK năm 2023 cho nhà máy Trảng Bàng của ENERTEAM

Sau khi xem xét các đề xuất của ENERTEAM, Công ty đã đưa ra lộ trình thực hiện các biện pháp cắt giảm KNK như sau:

STT	Tên giải pháp	Thời gian thực hiện giải pháp	
		Bắt đầu	Hoàn thành
Ưu tiên 1			
1	Sử dụng đèn LED hiệu suất cao	1/4/2024	1/4/2027
2	Thay thế quạt truyền động dây đai bằng quạt truyền động trực tiếp	1/4/2024	1/5/2030
3	Lắp biến tần điều khiển quạt hút dầu	1/4/2024	1/8/2024
4	Giảm nhiệt độ đầu vào máy nén khí tại TB 3&4	1/4/2024	1/8/2024
5	Xây dựng hệ thống quản lý năng lượng	1/4/2024	1/1/2026
6	Điều khiển bơm nước lạnh, bơm và quạt tháp giải nhiệt HQLN	1/4/2024	1/4/2025
7	Lắp biến tần điều khiển bơm/quạt các khu vực AC	1/4/2024	1/5/2025
Ưu tiên 2			
8	Sử dụng cảm ứng điện từ gia nhiệt thay cho điện trở	1/4/2025	1/4/2027
Ưu tiên 3			
9	Mua tín chỉ carbon hoặc mua điện từ các nhà cung cấp điện năng lượng tái tạo.	1/4/2027	1/4/2028

CÁC THÔNG SỐ VÀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC KHÍ THẢI TRONG NĂM 2023

(Xem thêm **kết quả quan trắc chất lượng không khí** tại Phụ lục 1)

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (GRI 306)

TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM (GRI 306-1)

		Đvt	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lượng nước thải	Củ Chi	m ³	6.137	6.188	6.173	8.304	5.843	8.607	5.541	4.885
	Trảng Bàng 1,2	m ³	9.462	12.988	11.222	9.496	14.907	11.802	13.744	12.481
	Trảng Bàng 3	m ³	17.724	12.786	9.537	8.817	13.520	8.224	13.807	11.015
	Tổng cộng	m ³	33.323	31.961	26.932	26.617	34.269	28.633	33.092	28.380

Lượng nước thải của Công ty đến từ hai nguồn chính : nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất. Trong năm 2023 do việc thu hẹp sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 làm sản lượng giảm 25% so với cùng kỳ, gián tiếp làm giảm lượng nước sử dụng của Công ty từ mức 245,8 nghìn m³ năm 2022 xuống còn 211,6 nghìn m³ trong năm 2023 tương đương mức giảm 14%. Bên cạnh đó Công ty tiếp tục duy trì các chính sách tiết kiệm nước hàng năm góp phần làm giảm lượng nước sử dụng dẫn đến lượng nước thải thấp hơn trong năm 2023.

CÁC THÔNG SỐ VÀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TRONG NĂM 2023

(Xem thêm [kết quả quan trắc chất lượng nước thải](#) tại Phụ lục 2)

TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-2)

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
TRẢNG BÀNG:			
Dầu nhiên liệu	170601	29.548	Cty TNHH Môi Trường Sen Vàng Công ty CP Môi Trường Xanh VN Cty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	196	
Màng khô	180103	43.760	
Bụi phế	070109	0	
Bóng đèn thải	180201	1.240	
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	160106	0	
Hộp mực in thải	080204	0	
Tổng số lượng		74.690	
CỦ CHI:			
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	7.620	Cty TNHH Môi trường Sen Vàng
Bao bì cứng thải bằng kim loại	180102	210	
Dầu thải	170601	2000	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Tổng số lượng		8.830	

- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại rác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
 - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Cty TNHH Môi Trường Sen Vàng, Cty CP Môi Trường Xanh VN, Cty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên**
 - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp - đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiến Lương.**
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP. HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

SỰ CỐ TRÀN ĐÁNG KỂ (GRI 306-3)

- Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hóa chất hoặc rò rỉ nước thải trong năm 2023.
- Công ty tuân thủ việc lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng theo quy định của tiêu chuẩn GRS và luật môi trường hiện hành.

VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI (GRI 306-4)

- Công ty trang bị nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định.
- Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải.
- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (**Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên**) thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này - Xem thêm mục [Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý \(GRI 306-2\)](#).

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307)

KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307-1)

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Ban QL KCN và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: **0** cơ trường hợp.

Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: 0 lần;

MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3,0 lần;

Mục tiêu nước sử dụng m³/kg sợi: 0.0023;

NATURAL 100%
Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng sử dụng chiếm 10%;

Tỷ lệ sợi recycle đóng góp trên tổng doanh thu chiếm 53,25%;

Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn chiếm 2% trên tổng lượng nước sử dụng;

Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1.26kw/kg sợi; DTY: 1.86 kw/kg sợi; FDY: 1,41 kw/kg sợi;

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI - GRI 400



Liên tục cải thiện các chính sách lao động, nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển nghề nghiệp cho người lao động, Công ty tập trung thu hút và duy trì lượng lao động ổn định cho các hoạt động sản xuất.

Mục tiêu 2023

- Đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động; giảm tỷ lệ biến động nhân sự;
- Tăng số giờ đào tạo trung bình; xây dựng nhiều chương trình đào tạo nâng cao cho người lao động;
- Tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động; giảm số vụ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- Đảm bảo tất cả người lao động được trang bị kiến thức an toàn-vệ sinh-lao động và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- Cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn sức khỏe cho khách hàng;
- Phát triển cộng đồng địa phương; đảm bảo chống tham nhũng;
- Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;
- Quản lý Ngân sách lương 97%;

Kết quả 2023

- Thương Tết Nguyên Đán hơn 1 tháng lương cho người lao động;
- Tỷ lệ biến động nhân sự trọng năm 2023 là 46,7% so với năm 2022 là 42,5%; số giờ đào tạo trung bình giảm 18,6% so với năm trước;
- Tổ chức hơn 38 khóa đào tạo nâng cao tay nghề; tỷ lệ người lao động được đánh giá để phát triển nghề nghiệp 89,5%;
- Số vụ tai nạn và bệnh nghề nghiệp: 0 vụ; tỷ lệ người lao động được huấn luyện AT-VS-LĐ: 100%;
- Kết quả báo cáo đo đạt môi trường lao động đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước;
- Không có vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ;
- Số vụ tham nhũng: 0 vụ;
- Tỷ lệ biến động Nhân sự **46,7%**;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành **24,7%**;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự **79,3%**;
- Quản lý Ngân sách lương **97%**;

1. Phương pháp quản trị (GRI 2-12)

Nhằm duy trì và phát triển các tiêu chí của chính sách tuyển dụng lao động, đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho các hoạt động sản xuất của Công ty. Sợi Thế Kỳ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp; tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế bền vững và các hoạt động đóng góp cho lợi ích của cộng đồng địa phương và xã hội nơi nhà máy hoạt động.

CHÍNH SÁCH	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách và quy trình tuyển dụng tại Công ty; Quy chế khen thưởng năm 2023; Kế hoạch đào tạo năm 2023; Chính sách an toàn – vệ sinh – lao động theo tiêu chuẩn GRS 4.0; Quy định về an toàn lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; Quy trình và chính sách của hệ thống ISO 9001-2015, GRS v4.0, 5s, Reach 168, OEKO – TEX 100; Chính sách phát triển cộng đồng địa phương theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của GRS v4.0;
CAM KẾT	<ul style="list-style-type: none"> Công ty cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển; Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn và thoải mái nhất đối với người lao động; Cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn tuyệt đối đến khách hàng; Cam kết thực hiện trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì nguồn nhân lực ổn định cho toàn Công ty; Phát triển nguồn nhân lực ổn định có tay nghề cao; Giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động cho người lao động; Thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường; Nâng cao mức thu nhập, trình độ dân trí và điều kiện sống của người lao động địa phương;
TRÁCH NHIỆM	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	<ul style="list-style-type: none"> Ban Điều Hành, phòng nhân sự, bộ phận tuyển dụng, bộ phận đào tạo, cán bộ chuyên trách an toàn- vệ sinh- lao động, mạng lưới vệ sinh viên, công đoàn.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	<ul style="list-style-type: none"> Phòng nhân sự, Phòng Tổng Quản Lý;

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 2-18)

- Do tình hình khó khăn chung của ngành dệt may Việt Nam và STK cũng không phải là ngoại lệ nên năm 2023 Công ty đã không có chính sách tăng lương cho NLĐ. Nhu cầu thị trường yếu cũng làm cho sản lượng thấp và lương của nhóm sản xuất thấp. Bên cạnh đó, do một số người lao động có thâm niên công tác cao nghỉ việc nên thu nhập trung bình của người lao động năm 2023 giảm nhẹ 0,6% so với 2022. Công ty luôn tạo điều kiện, khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.
- Tỷ lệ biến động nhân sự năm 2023: 46,73% biến động khá mạnh so với mục tiêu là 25%, chủ yếu do ảnh hưởng từ tình hình thu hẹp quy mô sản xuất ở nhà máy Củ Chi do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới làm ảnh hưởng ít nhiều đến ngành dệt may Việt Nam.
- Các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức góp phần gia tăng hiệu suất làm việc của người lao động thông qua hoàn thành mục tiêu KPIs chung của Công ty theo kế hoạch đặt ra.
- Số vụ tai nạn lao động ghi nhận qua các năm và số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể;
- Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

VIỆC LÀM (GRI 401)

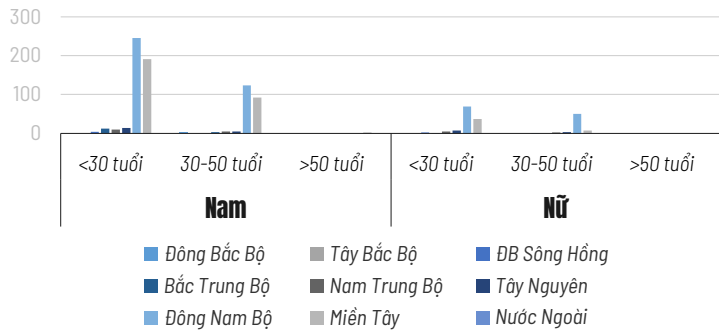
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC (GRI 401-1)

Trong năm 2023, khó khăn của nền kinh tế toàn cầu vẫn còn tiếp diễn nhu cầu thị trường cho ngành thời trang còn yếu nên thiếu các đơn hàng mới. Trước tình trạng đó, Công ty đã thu hẹp quy mô sản xuất ở nhà máy Củ Chi (từ Q3/2022) và nhà máy Trảng Bàng. Việc đóng máy để thu hẹp quy mô sản xuất làm giảm số giờ làm của của NLD vì NLD phải làm ít thời gian hơn so với lúc các nhà máy hoạt động bình thường đồng nghĩa với việc thu nhập của NLD thấp hơn so với trước kia. Nhiều NLD đã chọn nghỉ việc tìm công việc khác có mức thu nhập phù hợp với họ hơn. Bên cạnh đó, trong năm 2023 Công ty đã áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng và đóng gói tự động, hệ thống này giúp rút ngắn thời gian so với đóng gói thông thường, giảm thiểu nhân lực cho khâu đóng gói tuy tác động còn chưa nhiều nhưng cũng là một nguyên nhân lý giải cho việc NLD giảm trong năm 2023.

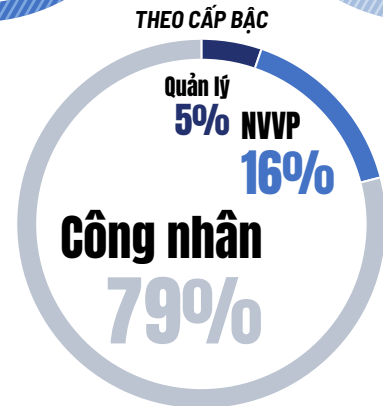
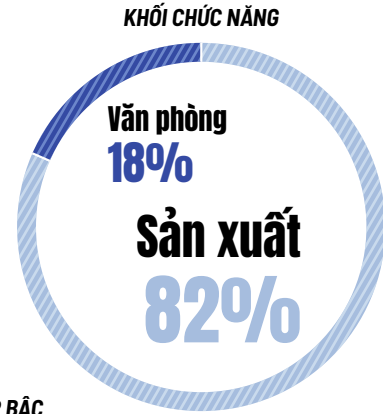
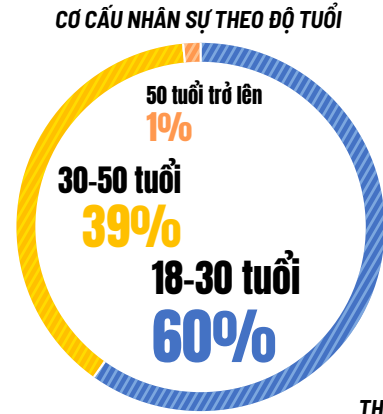
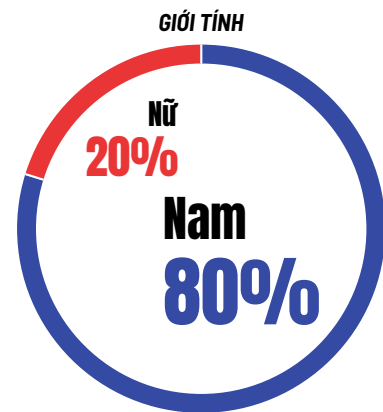
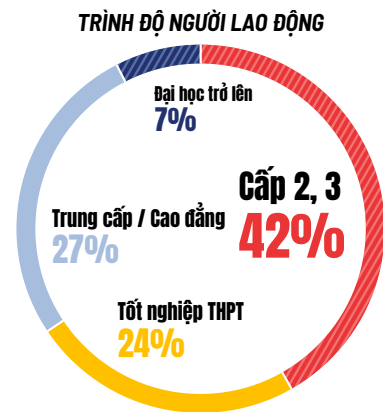
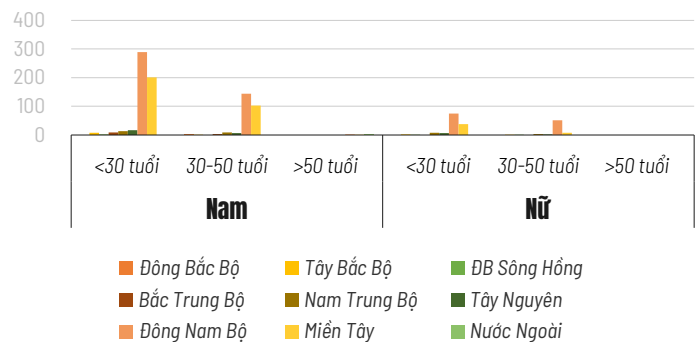


Thông tin tổng quan về lao động chính thức đến hết 31/12/2023 là **797** nhân viên

TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI TRONG KỲ BÁO CÁO



TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN NGHỈ VIỆC TRONG KỲ BÁO CÁO





PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN (GRI 401-2)

CHÍNH SÁCH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC

- Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời.
- Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty.
- Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần, khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7.
- Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca.
- Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG CƠ BẢN

- Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.
- Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.
- Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.
- Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

CHÍNH SÁCH VỀ THƯỞNG

Theo quy chế thưởng, Công ty có các loại tiền thưởng như sau:

- *Thưởng tác nghiệp viên;*
- *Thưởng chấp hành nội quy;*
- *Thưởng hoàn thành nhiệm vụ;*
- *Thưởng bậc tay nghề;*
- *Thưởng theo doanh số bán hàng;*
- *Thưởng hiệu quả mua hàng;*
- *Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng;*
- *Thưởng các ngày Lễ;*

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:

- *Thưởng Tết;*
- *Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm;*

CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM

- Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là 100%.
- Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

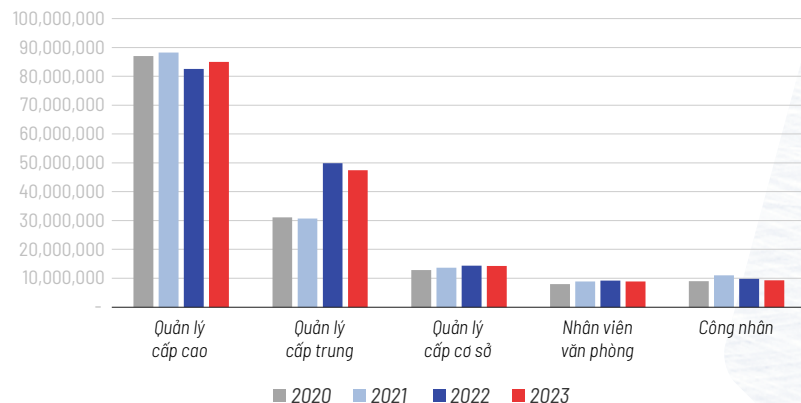
CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- Hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên.
- Đãi thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...
- Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp.
- Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.
- Du lịch và nghỉ mát định kỳ cho tất cả CBCNV.

LƯƠNG THỰC LÃNH

- Khối văn phòng: Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.
- Khối sản xuất: Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA TỪNG NĂM (triệu đồng)



Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối sản xuất tại doanh nghiệp trong 2023 có sự thay đổi giảm 5,8% so với 2022, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 nên tổng sản lượng và hiệu quả sản xuất 2023 thấp hơn 2022, một phần thu nhập của khối sản xuất đến từ sản lượng, sản lượng thấp trong năm 2023 dẫn đến thu nhập của khối sản xuất trực tiếp bị thấp hơn.

Trong 2023, Mặc dù kinh tế thế giới có sự hồi phục nhưng tốc độ hồi phục đang diễn ra chậm chạp, lạm phát còn duy trì ở mức cao, hàng tồn kho của các thương hiệu có xu hướng giảm từ năm 2023, tuy nhiên đơn đặt hàng mới chưa có nhiều cũng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành dệt may Việt Nam. Trước tình hình khó khăn là vậy Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, chuẩn bị sẵn sàng cho những cơ hội mới trong năm 2024 khi ngành dệt may dự báo sẽ hồi phục bên cạnh đó Công ty luôn chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

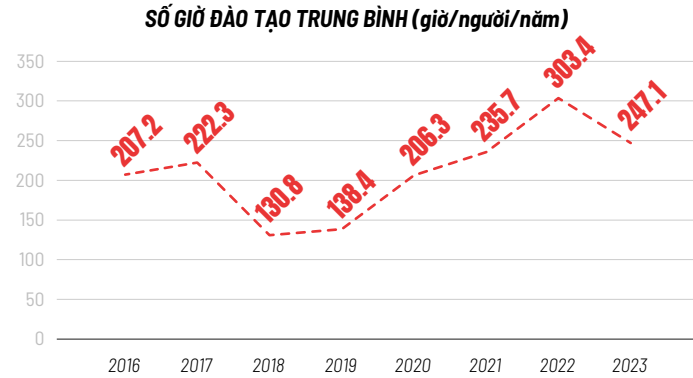
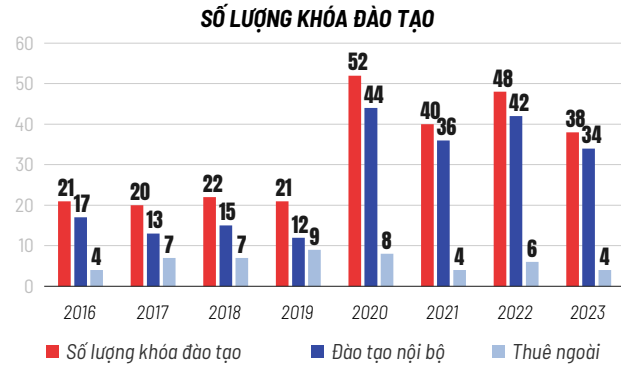
NGHỈ THAI SẢN (GRI 401-3)

Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	Nam	31
	Nữ	17
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	Nam	31
	Nữ	19
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	Nam	31
	Nữ	4
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng	Nam	23
	Nữ	3
Tỷ lệ quay lại làm việc hay tỷ lệ giữ chân nhân viên	Nam	87%
	Nữ	19%

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (GRI 404)

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN (GRI 404-1)

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:



CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP (GRI 404-2)

Công ty tổ chức các chương trình đào tạo với khung nội dung liên quan đến kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/ LEAN/SAP/ POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài.

Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2023 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau:

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân		NB	TN
			SL	TG	SL	TG	SL	TG		
Đào tạo tay nghề người mới khởi sản xuất	SX POY	332.8					647	215322	1	
Đào tạo NQCT cho người mới	CB - CNV	0.5	10	5	103	51.5	754	377	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - SX POY		0.33					171	57	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - SX POY		0.33					171	57	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nổ theo SOP - SX POY	SX POY	0.33					171	57.0	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S SX POY		0.25					171	42.8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP SX POY		0.25					171	42.8	1	

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân		NB	TN
			SL	TG	SL	TG	SL	TG		
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLD theo SOP - SX DTY	SX DTY	0.33					487	162.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - SX DTY		0.33					487	162.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nổ theo SOP - SX DTY		0.33					487	162.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S SX DTY		0.25					487	121.8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP SX DTY		0.25					487	121.8	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLD theo SOP - QLCL	QLCL	0.33					71	23.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - QLCL		0.33					71	23.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nổ theo SOP - QLCL		0.33					71	23.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S QLCL		0.25					71	17.8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP QLCL		0.25					71	17.8	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLD theo SOP - Điện	Điện	0.33					25	8.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - Điện		0.33					25	8.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nổ theo SOP - Điện		0.33					25	8.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S - Điện		0.25					25	6.3	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP - Điện		0.25					25	6.3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLD theo SOP - VP	NVVP + QL	0.33	10	3.3	103	34.3			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - VP		0.33	10	3.3	103	34.3			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nổ theo SOP - VP		0.33	10	3.3	103	34.3			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S VP		0.25	10	2.5	103	25.75			1	
Đào tạo các Quy định về TTSP VP		0.25	10	2.5	103	25.75			1	

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân		NB	TN
			SL	TG	SL	TG	SL	TG		
Chính sách xã hội	CB - CNV	0.25			145	71	783	195.75	1	
Huấn luyện PCCC	CB - CNV	8					60	480		1
Huấn luyện Sơ cấp cứu	CB - CNV	8					60	480		1
Huấn luyện ATLĐ các nhóm 1 - 4	CB - CNV	8					660	5280		1
Đào tạo về An toàn hóa chất	CB - CNV	16					30	480	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm QLCL	CB - CNV	332.8					2	665.6	1	
Đào tạo đa tay nghề FDY WINDER	CB - CNV	56					3	168	1	
Đào tạo sự khác biệt CC và TB ĐM DTY	CB - CNV	56					9	504	1	
Đào tạo đa tay nghề ĐM DTY	CB - CNV	56					50	2800		
Đào tạo quy trình sản xuất POY	Kinh doanh	1.5			34	51			1	
Đào tạo quy trình sản xuất DTY	Kinh doanh	1.5			34	51			1	
Khóa đào tạo: nâng cao năng lực cho quản lý	CB - CNV	24	42	1008						1

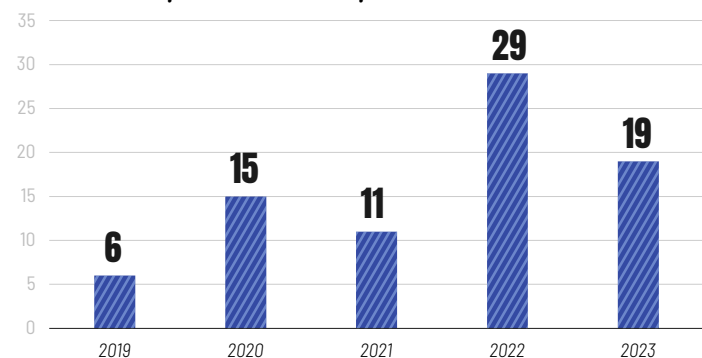
TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP (GRI 404-3)

Về chính sách để đạt:

- Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách để đạt, bộ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.
- Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.
- Trong năm 2023 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 19 người với 8 người ở nhà máy Củ Chi và 11 người ở nhà máy Trảng Bàng.

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: 89,5%.

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN ĐỀ BẠT QUA CÁC NĂM (NGƯỜI)



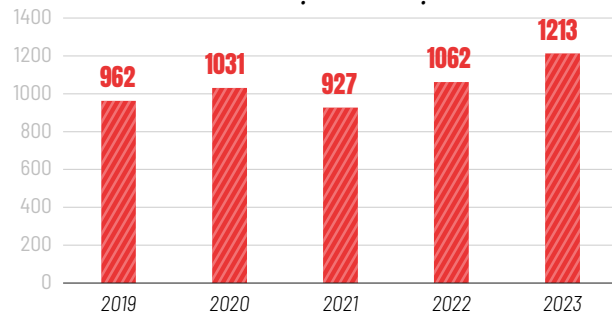
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403)

ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LIÊN ỦY BAN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHÍNH THỨC GIỮA BAN LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 403-1)

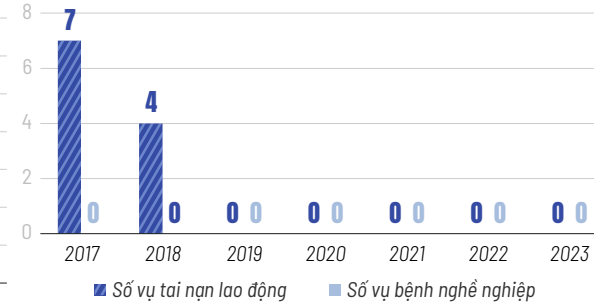
- Ban an toàn - vệ sinh - lao động của Công ty bao gồm cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh - lao động và mạng lưới vệ sinh viên.
- Ban an toàn - vệ sinh - lao động có nhiệm vụ đảm bảo các công tác an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty tuân thủ theo các quy định và chính sách an toàn lao động.
- Định kỳ ban an toàn - vệ sinh - lao động sẽ tổ chức các khóa tập huấn và tuyên truyền về an toàn tại nơi làm việc, diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập báo cáo công tác an toàn - lao động tại Công ty và gửi về Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội TPHCM và Tây Ninh, nhằm báo cáo các hoạt động an toàn lao động và số trường hợp bị tai nạn lao động tại Công ty.
- Mạng lưới an toàn vệ sinh viên: 38 người (nam: 32 người, nữ: 6 người)
- Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: 100%.

LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC (GRI 403-2)

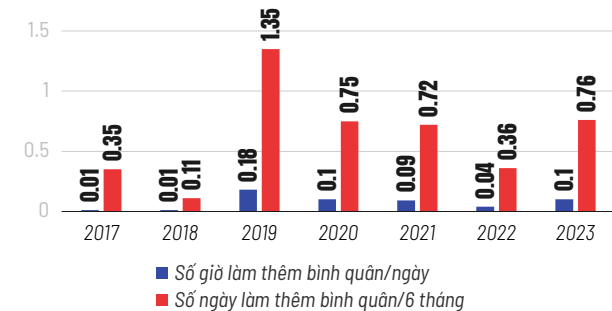
TỔNG SỐ CB-CNV ĐƯỢC HUẤN LUYỆN VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



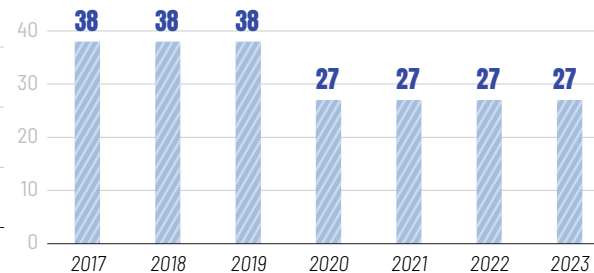
SỐ VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ SỐ VỤ BỆNH NGHỀ NGHIỆP



THỜI GIAN LÀM VIỆC TRUNG BÌNH



MÁY MÓC THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AT-VSLD



Số lượng máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ năm 2023 không thay đổi so với 2022. Công ty không bổ sung mới các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về quản lý ATVSLĐ trong năm 2023, Trong đó:

Số vụ tại nạn lao động 2023	Loại thương tích, tỷ lệ thương tích	Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp	Tỷ lệ ngày công bị mất	Tỷ lệ vắng mặt	Tử vong liên quan đến công việc	
0 vụ	Nam	Không có	0%	0%	0%	0
	Nữ	Không có	0%	0%	0%	0

(Dựa theo báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp năm 2023 gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP,HCM và Tây Ninh-ngày 31-12-2023).

ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

- STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Năm 2023, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

Phương pháp đo kiểm môi trường: Thực hiện đo đặc các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc
- Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2023 ghi nhận:

(Xem thêm [kết quả đo kiểm môi trường lao động - nồng độ bụi-vi khí hậu- ánh sáng- tiếng ồn- hơi khí độc bụi](#) tại [phụ lục 3](#))

CÁC CHỦ ĐỀ VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THỎA THUẬN CHÍNH THỨC VỚI CÔNG ĐOÀN (GRI 403-4)

- Trong thỏa ước lao động tập thể, Công ty có 11% các đề mục đề cập đến sức khỏe và an toàn lao động trên tổng số các đề mục được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG (GRI 416)

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-1)

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

CÔNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CÁC BỘ PHẬN SAU

ĐỐI VỚI NHÀ MÁY, CƠ ĐIỆN, BẢO TRÌ

Thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.

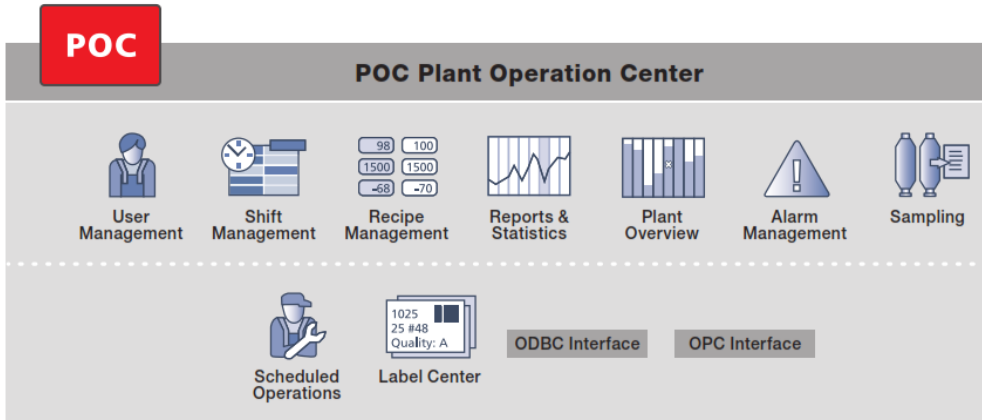
BỘ PHẬN THU MUA

Loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).

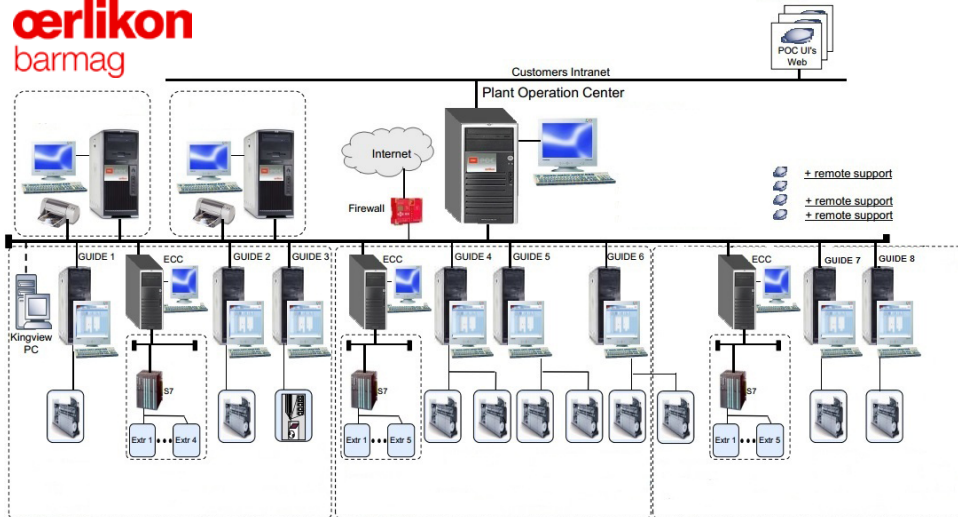
BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

(QC- Quality Control) gồm hơn 80 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.

THÔNG QUA VIỆC ĐẦU TƯ MÁY MÓC HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ SẢN XUẤT (POC)



oerlikon
barmag



Các nhà máy của STK được trang bị máy móc từ Oerlikon Barmag, Đức. Chất lượng sản xuất về sức căng và hiện tượng đứt sợi được giám sát bởi Unitens và sản lượng thực tế được kiểm soát bởi Trung tâm Điều hành Nhà máy ("POC"). Hệ thống POC và Unitens là tiền đề để nâng cấp các nhà máy hiện tại của STK trở thành nhà máy thông minh, giúp bộ phận sản xuất đạt hiệu quả sản xuất cao thông qua việc loại bỏ sai sót ngay trong quá trình sản xuất.

Việc thu thập dữ liệu sản xuất theo thời gian từ Unitens và POC sẽ được tích hợp và dẫn chuyển sang chức năng AI tại nhà máy "Smart factory", hệ thống sẽ học hỏi kinh nghiệm sản xuất dựa trên đó có thể biết chính xác loại lỗi sản xuất nào và cách khắc phục mà không cần chuyên gia kỹ thuật trực tiếp, hơn thế nữa, Smart factory với chức năng AI có thể giúp Công ty đáng kể trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm bằng cách ghi nhớ dữ liệu sản xuất theo thời gian, có thể biết chính xác thông số cài đặt sản xuất nào là tốt nhất cho sản phẩm sản xuất nào, giúp Công ty giữ được chất lượng ổn định cao trong sản phẩm.

THÔNG QUA CÁC HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG KHÁC



Tỷ lệ phần trăm các loại sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng đã được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn để cải thiện: 100% các sản phẩm đều được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn.

CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-2)

Trong năm 2023, các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:

1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt: **không có**;
2. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo: **không có**;
3. Các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện: **không có**;

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (GRI 413)

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN (GRI 413-1)

1. Các đánh giá tác động xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của cộng đồng:

- Người lao động địa phương được tham gia đối thoại định kỳ hàng quý tại Công ty.

2. Các đánh giá tác động môi trường và theo dõi liên tục:

- Định kỳ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tiến hành kiểm tra và đánh giá tác động môi trường của Công ty,
- Công ty chủ động thực hiện báo cáo quan trắc môi trường để đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình không gây tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương.

3. Công bố thông tin công khai về các kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội:

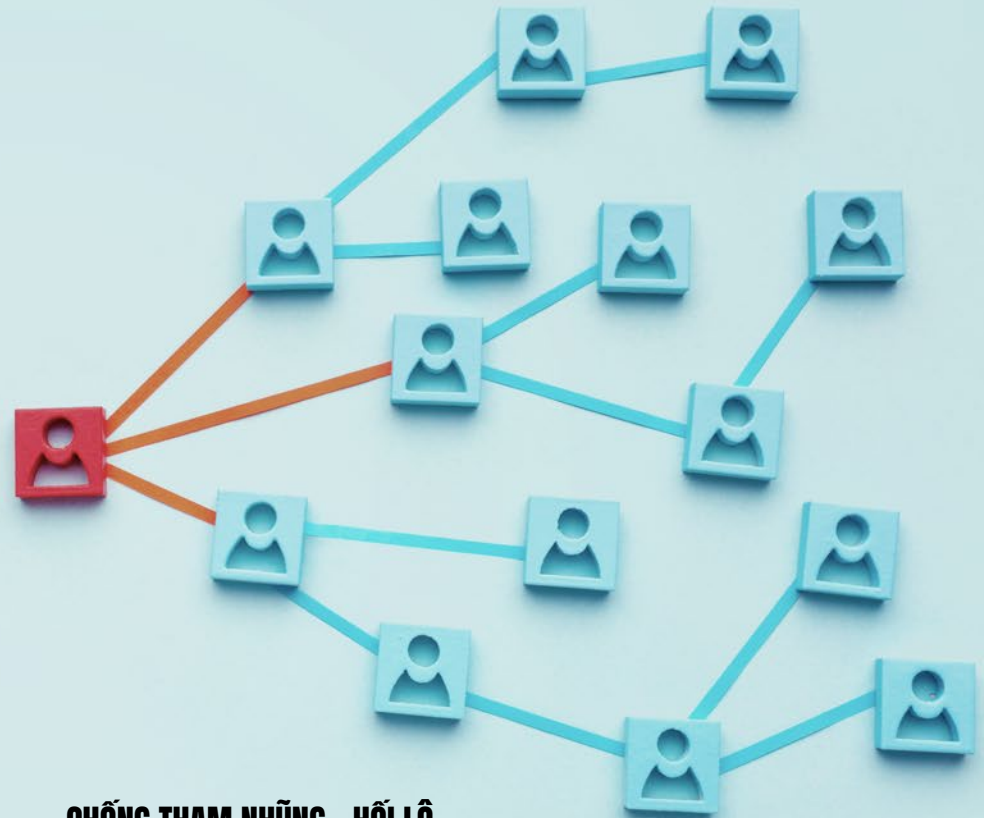
- Các báo cáo và thông tin tác động về môi trường và xã hội đều được công bố minh bạch thông qua website Công ty ở mục phát triển bền vững.
- Các thông tin và đánh giá tác động về môi trường còn được trình bày trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, được công bố đến các bên liên quan.

4. Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương:

- Tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan trong đó có cộng đồng địa phương thông qua email và số điện thoại Công ty được công khai trên website Công ty.

5. Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước

- Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra.
- Đồng thời, TGDĐ là người đại diện cao nhất của Công ty cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khác trong doanh nghiệp, cụ thể:
 - Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế thân;
 - Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;
 - Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;
 - Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;
 - Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;
 - Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;
 - Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi;



CHỐNG THAM NHŨNG - HỐI LỘ

- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc.
- Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động,
- Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC THỰC TẾ ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Công ty cam kết không có các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương và địa bàn nơi Công ty đang hoạt động.

VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TẠI STK

Đánh giá kết quả 2023

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình tôn chỉ 2023 ngoài việc đánh giá kết quả thực hiện tuyên ngôn công việc của từng phòng ban mình, các đơn vị còn có cơ hội thuyết trình chia sẻ thêm chủ đề về các đức tính tốt và cần cải thiện của người Việt Nam, từ đó vận dụng các thông tin hữu ích nhằm cải thiện môi trường làm việc thực tế của doanh nghiệp.

TINH THẦN TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI CỦA DOANH NGHIỆP

Mục tiêu 2023

- Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại Công ty;
- Giúp đỡ và hỗ trợ các đồng nghiệp;

Kết quả 2023

- Tặng quà công đoàn cho nhân viên Công ty: thưởng Tết và tặng quà Tết cho CBCNV;
- Gây quỹ ủng hộ một số nhân viên có hoàn cảnh khó khăn gặp tại trong giao thông.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG-XÃ HỘI NĂM 2024

Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;

Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;

Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;

Quản lý Ngân sách lương 97%;

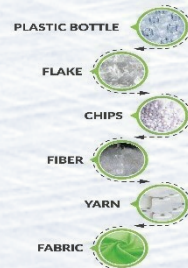
Tăng lương bình quân hơn 10% cho người lao động;

CÁC DỰ ÁN XANH TẠI CÔNG TY

Để hướng tới thị trường vốn xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, STK đã mạnh mẽ đầu tư và thực hiện các dự án xanh nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty theo hướng trường xanh, góp phần nâng cao giá trị phát triển kinh tế và bảo vệ và giảm tác động tới môi trường, Cụ thể:

DỰ ÁN SỢI TÁI CHẾ

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016, Trong năm 2023, tỷ trọng sợi recycle trên doanh thu đạt 49,5%. Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 4,6 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được bảo động khẩn cấp trên toàn cầu.



DỰ ÁN SỢI MÀU

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy (doanh thu sợi màu chiếm 0,83% trên tổng doanh thu 2023, và mức 0,9% trong năm 2022, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu, Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường, Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

DỰ ÁN TÁI CHẾ SỢ PHẾ

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1,500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường, Tỷ lệ tái chế lại phế phẩm chiếm hơn 82% tổng phế phẩm tạo ra.

DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020, hệ thống điện mặt trời áp mái với công suất thực tế là 7,4 Mwp/năm. Đến năm 2023, hệ thống điện mặt trời áp mái đã đáp ứng khoảng 6% nhu cầu điện của Công ty. Công ty dự kiến mở rộng công suất năng lượng mặt thêm 15Mwp/năm cho nhà máy Trảng Bàng và 15Mwp/năm với nhà máy Unitex thông qua dự án DPPA với đối tác chiến lược.



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH:	BẢO HIỂM XÃ HỘI
BHYT:	BẢO HIỂM Y TẾ
BKS:	BAN KIỂM SOÁT
BTNMT:	BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
CBCNV:	CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
CC:	CỦ CHI
TB:	TRẢNG BÀNG
CTCP:	CÔNG TY CỔ PHẦN
AT-VS-LĐ:	AN TOÀN, VỆ SINH, LAO ĐỘNG
DTY:	SỢI XƠ DÀI
FDY:	SỢI KÉO DƯỠI HOÀN TOÀN,
FTA:	HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
GTGT:	GIÁ TRỊ GIA TĂNG
HĐQT:	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
INVERTER:	MÁY BIẾN ÁP
KCN:	KHU CÔNG NGHIỆP
LEAN:	SẢN XUẤT TINH GỌN
POY:	SỢI NGUYÊN LIỆU
QCVN:	QUY CHUẨN VIỆT NAM
QĐ-BYT:	QUY ĐỊNH BỘ Y TẾ
SX POY:	NHÀ MÁY POY
SX DTY:	NHÀ MÁY DTY
QLCL:	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NVTD:	NHÂN VIÊN TUYỂN DỤNG
NVVP:	NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG

QL:	QUẢN LÝ
SPINNING:	MÁY KÉO SỢI
SSR:	ĐIỆN TRỞ
STK, CENTURY:	CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
SXKD:	SẢN XUẤT KINH DOANH
TB:	TRẢNG BÀNG
TCVN:	TIÊU CHUẨN VIỆT NAM
TCVS:	TIÊU CHUẨN VỆ SINH
TCVSLĐ:	TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG
TGD:	TỔNG GIÁM ĐỐC
BOD:	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOS:	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TNCN:	THU NHẬP CÁ NHÂN
TNDN:	THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TNHH:	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DOPE DYE:	SỢI MÀU
CARBON FOOTPRINT:	PHÁT THẢI KHÍ CO ₂
WINDER:	MÁY CUỐN SỢI
SGDCK:	SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
HOSE:	SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP, HCM
QC:	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
SOP:	QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CHUẨN
PDCA:	CHU TRÌNH CẢI TIẾN LIÊN TỤC
ESOP:	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI
XLNT:	XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
2-1	Thông tin chi tiết về Tổ chức	
2-2	Các Đơn vị được bao gồm trong báo cáo Phát triển bền vững	
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	
2-4	Trình bày lại thông tin	
2-5	Đảm bảo số liệu từ Đơn vị bên ngoài	
2-6	Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	
2-7	Nhân viên	
2-8	Người lao động không phải là nhân viên công ty	
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị	
2-10	Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất	
2-11	Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	
2-12	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/ giám sát hoạt động quản lý các tác động của Công ty	
2-13	Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	
2-15	Xung đột lợi ích	
2-16	Truyền đạt các mối quan tâm chính	
2-17	Kiến trúc chung của cơ quan quản trị cao nhất	
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	
2-19	Chính sách thù lao	
2-20	Quy trình xác định thù lao	
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	THÔNG DIỆP PTBV CỦA MD

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
2-23	Cam kết chính sách	
2-24	Triển khai cam kết chính sách	
2-25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực	
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại	
2-27	Tuân thủ luật pháp và quy định	
2-28	Hiệp hội thành viên	
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	
2-30	Thỏa ước lao động tập thể	
GRI 3: LĨNH VỰC TRỌNG YẾU		
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu	
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu	
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ		
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	
GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	
GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẴM		
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện	
GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH		
206-1	Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG		
GRI 301: VẬT LIỆU		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	
GRI 303: NƯỚC		
303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	
303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	
304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 305: PHÁT THẢI		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	Không áp dụng
305-7	Nitrogen oxides (NO _x) sulfur oxides (SO _x), và các phát thải khí đáng kể khác	
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
306-1	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm	
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	
306-3	Sự cố tràn đáng kể	Không có trường hợp ghi nhận
306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	
306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
307-1	Tuân thủ luật pháp và quy định	
GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI		
GRI 401: VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	
403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	
403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	Không có
403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không có trường hợp ghi nhận

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI		
412-1	Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	
412-2	Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	
412-3	Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI		
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội	
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
GRI 417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
GRI 417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
GRI 418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI		
GRI 419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không có trường hợp ghi nhận

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ QUAN TRẮC KHÔNG KHÍ TẠI CÔNG TY

Các thông số và kết quả quan trắc chất lượng không khí:

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2023
A	CỦ CHI				
1	Nhiệt độ	-		°C	30,8
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	68,6
3	Bụi	0,3		mg/m ³	0,22
4	NO ₂	0,2		mg/m ³	0,164
5	SO ₂	0,35		mg/m ³	0,075
6	CO	30		mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN
B	TRẢNG BÀNG 1,2				
1	Nhiệt độ	-		°C	31,4
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	66,5
3	Bụi	0,3		mg/m ³	0,27
4	NO ₂	0,2		mg/m ³	0,079
5	SO ₂	0,35		mg/m ³	0,083
6	CO	30		mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2023
B	TRẢNG BÀNG 3				
1	Nhiệt độ	-		°C	30,1
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	67,6
3	Bụi	0,3		mg/m ³	0,16
4	NO ₂	0,2		mg/m ³	0,089
5	SO ₂	0,35		mg/m ³	0,079
6	CO	30		mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN

→ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực cổng Công ty đều đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT					
STT	Thông số	Mức quy định	Đơn vị	2023	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
CỦ CHI					
1	Nhiệt độ	≤32 QCVN 26:2016/BYT	°C	29,4 31,2	31,0 30,8
2	Độ ồn	≤85 QCVN 24:2016/BYT	dBA	75,5 82,1	83,6 77,5
3	Bụi	8 QCVN 02:2019/BYT	mg/m ³	0,28 0,22	0,31 0,22
4	NO ₂	5 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,085 0,083	0,072 0,069
5	SO ₂	5 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,148 0,099	0,081 0,153
6	CO	20 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN KHÔNG PHÁT HIỆN
7	VOC	-	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN KHÔNG PHÁT HIỆN
TRẢNG BẢNG 1,2					
1	Nhiệt độ	≤32 QCVN 26:2016/BYT	°C	29,2	31,5
2	Độ ồn	≤85 QCVN 24:2016/BYT	dBA	82,4	84,4
3	Bụi	8 QCVN 02:2019/BYT	mg/m ³	0,25	0,23
4	NO ₂	5 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,091	0,086
5	SO ₂	5 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,087	0,051
6	CO	20 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN
7	VOC	-	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT					
STT	Thông số	Mức quy định	Đơn vị	2023	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
TRẢNG BẢNG 3					
1	Nhiệt độ	≤32 QCVN 26:2016/BYT	°C	27,6	31,5
2	Độ ồn	≤85 QCVN 24:2016/BYT	dBA	84,5	82,3
3	Bụi	8 QCVN 02:2019/BYT	mg/m ³	0,28	0,26
4	NO ₂	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,107	0,083
5	SO ₂	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,109	0,091
6	CO	40 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	<6	<6
7	VOC	-	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN

→ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực sản xuất đều đạt các QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT10

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CÔNG TY 2023

STT	Tên chỉ tiêu	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ 2023
CỦ CHI				
1	pH	5,5-9	-	7,13
2	BOD5	50	mg/l	48
3	COD	150	mg/l	122
4	TSS	100	mg/l	67
5	Đồng (Cu)	2		KHÔNG PHÁT HIỆN
6	Tổng N	40	mg/l	29,8
7	Tổng P	6	mg/l	2,8
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	3.500
TRẢNG BẢNG 1,2				
1	pH	5,5-9	-	6,81
2	BOD5	50	mg/l	43
3	COD	150	mg/l	92
4	TSS	100	mg/l	65
5	Đồng (Cu)			KHÔNG PHÁT HIỆN
6	Tổng N	40	mg/l	24,5
7	Tổng P	6	mg/l	2,6
8	Tổng Coliform/100ml	5.000	MPN	4.600

STT	Tên chỉ tiêu	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ 2023
TRẢNG BẢNG 3				
1	pH	5,5-9	-	6,97
2	BOD5	50	mg/l	47
3	COD	150	mg/l	134
4	TSS	100	mg/l	71
5	Đồng (Cu)			KHÔNG PHÁT HIỆN
6	Tổng N	40	mg/l	35,1
7	Tổng P	6	mg/l	2,4
8	Tổng Coliform/100ml	5.000	MPN	4.500

→ Kết quả tham số đo phân tích nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN là hoàn toàn đạt tiêu chuẩn.

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG CÔNG TY 2023 - NỒNG ĐỘ BỤI - VI KHÍ HẬU - ÁNH SÁNG - TIẾNG ỒN - HƠI KHÍ ĐỘC

NỒNG ĐỘ BỤI TRONG KHÔNG KHÍ

STT	VỊ TRÍ ĐO	Bụi toàn phần (mg/m ³)							
		Củ Chi		Trảng Bàng 1,2		Trảng Bàng 3		Trảng Bàng 5	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
	Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng	0,14		0,7					
3	KV cuối xưởng	0,11		0,37					
	Nhà máy DTY KV 2								
5	KV đầu xưởng	0,25		0,27		0,17		0,28	
6	KV giữa xưởng	0,23		0,19		0,2		0,28	
7	KV cuối xưởng	0,38		0,28		0,15		0,27	
8	KV giữa xưởng Winder			0,21		0,11			
9	KV xưởng Spinning								
	KV đầu xưởng	0,04		0,18		0,08			
	KV cuối xưởng	0,09		0,24		0,08			
10	KV kiểm phẩm							0,27	
11	KV đóng gói							0,61	
12	KV thành phẩm								
13	KV tái chế							0,41	
	Tổng cộng	07		07		06		06	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic		4,0							

VI KHÍ HẬU

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
	Mùa thời điểm đo: 09h30 Ngày 14/12/2023							
CỦ CHI								
	Ngoài trời		31,2		59,9		0,9	
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng		31,7		62,5		0,3	
2	KV giữa xưởng		30,1		68,0		0,2	
	Nhà máy DTY KV 2							
3	KV đầu xưởng		32,0		65,5		0,3	
4	KV giữa xưởng		32,0		67,7		0,2	
5	KV cuối xưởng		32,0		59,3		0,5	
	Xưởng Winder							
	Xưởng Spinning							
8	KV đầu xưởng		29,5		53,4		0,2	
09	KV cuối xưởng		28,7		55,4		0,4	
	TỔNG CỘNG		07		07		07	
TRẢNG BÀNG 1,2								
	Ngoài trời 09h30		31,5		75,2		1,6	
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng							
2	KV cuối xưởng							
3	Nhà máy DTY KV 2							
4	KV đầu xưởng		30,4		66,8		0,4	
5	KV giữa xưởng		32,0		63,5		0,2	
6	KV cuối xưởng		30,2		66,7		0,2	
	Xưởng Winder							
7	KV đầu xưởng		29,4		70,4		0,2	
8	KV cuối xưởng		29,9		71,8		0,3	
	Xưởng Spinning							
9	KV đầu xưởng		31,1		56,3		0,4	
10	KV cuối xưởng		32,0		62,8		0,2	
	TỔNG CỘNG		07		07		07	

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
TRẢNG BÀN 3,4								
	Ngoài trời							
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng							
2	KV giữa xưởng							
Nhà máy DTY KV 2								
3	KV đầu xưởng		30,2		72,8		0,3	
4	KV giữa xưởng		30,4		69,6		0,3	
5	KV cuối xưởng		30,5		73,3		0,2	
Xưởng Winder								
6	KV đầu xưởng		29,6		59,1		0,2	
7	KV cuối xưởng		30,2		63,0		0,3	
Xưởng Spinning								
8	KV đầu xưởng		31,9		56,1		0,2	
09	KV cuối xưởng		32		55,8		0,2	
TỔNG CỘNG			07		07		07	
TRẢNG BÀN 5								
	Ngoài trời							
1	Xưởng DTY		29,7		70,1		0,3	
2	KV kiểm phẩm		29,8		72,9		0,2	
3	KV đóng gói		30,4		75,5		0,2	
4	KV thành phẩm		30,4		75,3		0,2	
5	KV tái chế		30,7		75,3		0,6	
TỔNG CỘNG			05		05		05	
TCVN 3733:2002								
Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí ở vị trí làm việc			18-32		40-80		0,2-1,5	

ÁNH SÁNG

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
CỦ CHI				
Nhà máy DTY KV 1				
1	KV đầu xưởng	305,7		
2	KV giữa xưởng	301,5		
3	KV cuối xưởng	302,9		
4	Nhà máy DTY KV 2			
5	KV đầu xưởng	306,6		
6	KV cuối xưởng	302,1		
10	Xưởng Spinning			
11	KV đầu xưởng	300,9		
12	KV cuối xưởng	300,6		
	TỔNG CỘNG	07		
TRẢNG BÀNG 1,2				
Nhà máy DTY KV 1				
1	KV đầu xưởng			
2	KV cuối xưởng			
3	Nhà máy DTY KV 2			
4	KV đầu xưởng	302,8		
5	KV giữa xưởng	303,5		
6	KV cuối xưởng	302,6		
7	Xưởng Winder			
8	KV đầu xưởng	300,1		
9	KV cuối xưởng	302,8		
10	Xưởng Spinning			
11	KV đầu xưởng	301,7		
12	KV cuối xưởng	302,4		
	TỔNG CỘNG	07		

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BÀNG 3,4				
Nhà máy DTY				
1	KV đầu xưởng	303,3		
2	KV giữa xưởng	342,6		
3	KV cuối xưởng	331,9		
4	Nhà máy DTY KV 2			
5	KV đầu xưởng			
6	KV giữa xưởng			
7	KV cuối xưởng			
8	Xưởng Winder			
9	KV đầu xưởng	305,2		
10	KV cuối xưởng	305,2		
11	Xưởng Spinning			
12	KV đầu xưởng	305,4		
13	KV cuối xưởng	307,2		
14	TỔNG CỘNG			
		07		
15	TRẢNG BÀNG 5			
16	Xưởng DTY	303,3		
17	KV kiểm phẩm	1000,6		
18	KV đóng gói	301,5		
19	Kho thành phẩm	302,6		
20	KV tái chế	304,5		
	TỔNG CỘNG	05		
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG				
Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT				
*Tiếng ồn				
- Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy			300	
* Ánh sáng				
- Công nghiệp dệt				
+ Xe sợi, cuộn, đánh ống, nhuộm				

HƠI KHÍ ĐỘC

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m ³) ≤9000	Etylen (mg/m ³) ≤1150
CỦ CHI			
1	Nhà máy DTY	673,2	
3	KV xưởng Spinning		
	KV đầu xưởng	702,0	
	KV cuối xưởng	703,8	
4	KV phòng lap	750,6	2,56
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	748,8	4,05
TỔNG CỘNG		05	02
TRẢNG BÀN 1,2			
1	Nhà máy DTY	709,2	
2	KV giữa xưởng Winder	747,0	
3	KV giữa xưởng Spinning	772,2	
4	KV phòng lap	1101,6	3,15
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	745,2	6,52
TỔNG CỘNG		05	02

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m ³) ≤9000	Etylen (mg/m ³) ≤1150
TRẢNG BÀN 3,4			
1	Nhà máy DTY	700,2	
2	KV giữa xưởng Winder	716,4	
3	KV giữa xưởng Spinning	698,4	
4	KV phòng nhuộm thử nghiệm	747,0	6,12
TỔNG CỘNG		04	01
TRẢNG BÀN 5			
1	KV DTY	700,2	
2	KV kiểm phẩm	817,2	
3	KV đóng gói	799,2	
4	KV thành phẩm	754,2	
5	KV tái chế	732,6	
TỔNG CỘNG		05	0
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT)			
Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc:			1150
- Trung bình 8 giờ (TWA)		≤ 9000	-
- Từng lần tối đa (STEL)			

TIẾNG ỒN

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
CỦ CHI										
Nhà máy DTY										
1	Máy 15	90,6	50,4	65,9	66,65	71,1	78,0	79,3	81,1	79,3
2	Máy 14	93,7	53,2	65,3	67,2	70,8	77,4	79,4	82,1	81,2
3	Máy 10	95,7	54,8	63,1	72,0	75,9	79,8	80,8	91,7	81,7
4	Máy 04	90,1	56,3	59,2	74,3	76,3	79,3	80,0	79,0	78,5
5	Máy 06	94,3	55,6	61,6	70,3	78,7	81,3	81,7	82,5	79,8
7 KV xưởng Spinning										
	Chuyển 1	89,5	52,4	61,3	72,9	82,2	82,0	77,5	78,5	66,0
	Chuyển 3	89,1	51,5	61,7	70,8	81,1	81,9	78,6	80,0	69,9
TRẮNG BÀNG 1,2										
Nhà máy DTY										
1	Máy 18	88,5	55,7	59,7	65,0	74,2	76,8	78,8	82,3	84,7
2	Máy 17	88,1	54,5	59,3	66,4	75,8	79,1	80,8	82,1	82,6
3	Máy 19	88,5	55,9	60,1	66,0	67,5	78,0	78,2	80,6	81,2
4	Xưởng Winder	84,1	46,1	57,2	68,9	73,8	78,1	77,1	78,6	76,0
5	Xưởng Spinning	76,9	42,7	56,0	67,7	68,6	69,1	67,5	69,9	69,1
TRẮNG BÀNG 3,4										
Nhà máy DTY										
1	KV máy 43	78,7	44,6	54,8	60,5	67,7	74,1	73,3	71,6	67,1
2	KV máy 49	87,1	52,5	58,7	64,8	71,9	79,2	78,5	80,0	81,2
3	KV máy 39	87,3	51,4	60,8	64,7	71,9	60,1	79,0	80,1	80,6
4	KV giữa xưởng Winder	87,3	54,9	59,6	64,2	71,9	76,8	83,3	82,8	82,9
5	KV giữa xưởng Spinning	78,4	41,6	50,3	62,0	64,2	68,5	66,6	66,3	60,8

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
TRẮNG BÀNG 5										
1	Xưởng DTY									
2	Máy 54	86,9	52,2	62,9	66,8	67,5	78,0	78,2	80,6	81,2
3	Máy 53	86,9	53,1	58,9	65,7	75,8	79,2	78,5	80,6	80,6
4	Máy 55	82,8	49,0	54,6	64,2	72,8	74,8	75,4	79,4	71,8
5	KV tái chế	74,5	49,1	60,6	64,6	68,7	68,1	67,0	65,7	62,6
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động QĐ 3733/2002/QĐ-BYT * Tiếng ồn - Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy										

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	Yếu tố đo, kiểm tra	CỤ CHI			TRẢNG BÀNG		
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ
1	Vi khí hậu						
2	Nhiệt độ	11	11	0	32	32	0
3	Độ ẩm	11	11	0	32	32	0
4	Tốc độ gió	11	11	0	32	32	0
5	Ánh sáng	11	11	0	32	32	0
6	Tiếng ồn	11	02	09	32	20	12
7	Tiếng ồn phân tích dải tần	11	02	09	25	25	0
8	Bụi toàn phần	11	11	0	26	26	0
9	Hơi khí độc						
10	- Cacbon đioxit	08	08	0	15	15	0
11	- Etylen	02	02	0	04	04	0